

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2012**



Nội dung

• Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	2
• Tổng quan	
✓ Chiến lược kinh doanh	4
✓ Sứ mệnh và tầm nhìn	5
✓ Tổng hợp những nét chính	6
• Giới thiệu về công ty	
✓ Thông tin chung	8
✓ Chính sách chất lượng	9
✓ Khách hàng và mạng lưới phân phối	10
✓ Sản phẩm của công ty	12
✓ Quá trình hình thành và phát triển công ty	17
✓ Các thành tích	18
• Báo cáo của Hội đồng quản trị	23
• Báo cáo của Ban Điều Hành	27
✓ Tổng kết hoạt động năm 2012	28
✓ Phương hướng hoạt động năm 2013	34
• Báo cáo của Ban Kiểm soát	36
• Các thông tin về cổ đông	40
• Báo cáo tài chính của công ty kiểm toán	44



Since 1991

1993

1995

2000

2005



Contents

• Chairwomen's statement	74
• Board of Directors Report	81
Summary of Activities	85
Board of Executives Report	87
✓ Review of business operation in 2012	88
✓ Business plan for 2013	92
• Board of Supervisors Report	94
• Shareholder structure and corporate governance	98
• Audited Financial Statement	100



2007

2009

2010

2011

2012



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Có **ĐỨC**, sẽ **THÀNH** công, và là chìa khóa mở ra tất cả...

Kính thưa Quý vị Cổ đông!

Lời đầu tiên, tôi thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Thành xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến Quý vị Cổ đông, Quý khách hàng, các đối tác và toàn thể CB - CNV đã đóng góp, đồng hành cùng con đường phát triển của Công ty trong nhiều năm qua. Tôi mong muốn sẽ vẫn tiếp tục nhận được sự ủng hộ, tin tưởng của Quý vị trong thời gian tới.

Kính thưa Quý vị, năm 2012, tình hình kinh tế thế giới nói chung vẫn còn diễn biến phức tạp. Trong nước, kinh tế vĩ mô gặp nhiều bất ổn, sức mua giảm mạnh, hàng tồn kho lớn, lãi suất vẫn còn cao... Vì vậy mà năm nay đã có hơn 40.000 doanh nghiệp trong nước phải ngừng hoạt động. Riêng ngành chế biến gỗ, mặc dù có tiềm năng nhưng cũng đang đứng trước nhiều thách thức như thiếu nguồn nguyên liệu, thiếu nhân công lành nghề, nguy cơ cháy nổ cao...

Trước tình hình khó khăn chung đó, Đức Thành cũng không thể có ngoại lệ. Ngay từ đầu năm 2012, chúng ta cũng đã gặp phải rất nhiều khó khăn trong việc tiếp thị, phân phối sản phẩm, thuyết phục khách hàng cũ, tìm kiếm thị trường mới v.v...

Tuy nhiên, với kinh nghiệm hơn 20 năm hoạt động trong ngành sản xuất đồ gỗ, Công ty Đức Thành đã tạo được một nền móng vững chắc và tự tin để luôn vượt qua những thách thức, khó khăn. Thông qua sự chỉ đạo sáng suốt, kịp thời của Hội đồng Quản trị, sự nỗ lực, đoàn kết của Ban điều hành cùng toàn thể CB - CNV, cũng như sự hợp tác ổn định của khách hàng, nhà cung cấp đã giúp cho con thuyền Đức Thành năm nay lại tiếp tục cán đích thành công.

Để hôm nay khi tổng kết năm 2012, tôi lại tự hào với những gì mà tập thể chúng ta đã đạt được. Tôi rất vui mừng công bố những con số khá lạc quan trong bối cảnh mà hầu như rất nhiều nơi không có lợi nhuận, thậm chí không có tiền thưởng, không có tháng lương thứ 13 v.v... thì tại GDT, tổng doanh thu tăng 5,3% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 96,9% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 92,5% so với kế hoạch, CB - CNV toàn công ty chẳng những có tháng lương thứ 13 mà còn có tháng lương thứ 14, và có thêm tiền thưởng Tết hậu hĩ...

Nhìn về tương lai, dự báo kinh tế thế giới năm 2013 vẫn không mấy khả quan so với trước, thậm chí còn có một số nguồn tin cho rằng khủng hoảng kinh tế thế giới sẽ lên tới đỉnh điểm vào năm 2013 khiến chúng tôi rất hoang mang. Nhưng với lòng quyết tâm và sự nỗ lực không ngừng của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành cùng tập thể CB - CNV, tôi tin rằng Công ty Gỗ Đức Thành sẽ tiếp tục có những dấu son tuyệt đẹp khi luôn luôn lợi ngược dòng, luôn luôn đạt lợi nhuận cao trong khi chung quanh đều khủng hoảng và sụt giảm... Có lẽ đó là nhờ chúng ta đã biết nhanh nhạy xoay chuyển và thích nghi với mọi tình huống, đó là nhờ chúng ta đã biết đồng lòng siết chặt tay nhau để tạo nên sức mạnh tập thể vượt qua giông bão thị trường... và đó là nhờ chúng ta đã có một đội ngũ những người hết lòng vì hai chữ "**Đức Thành**".

Và vì vậy chắc chắn chúng ta sẽ thực hiện thành công mục tiêu trở thành *nhà cung cấp các mặt hàng nhà bếp, hàng gia dụng và đồ chơi trẻ em bằng gỗ số 1 tại Việt Nam*.

Kính thưa Quý vị Cổ đông!

Trong gần một năm qua, sau khi dạy việc và chuyển giao dần cho lực lượng lãnh đạo trẻ kế thừa, tôi nhận thấy anh em đã thật sự phấn đấu, đoàn kết cùng nhau, nỗ lực hết mình và đã trưởng thành lên khá nhiều. Điều này cho thấy chúng ta lại tiếp tục đúng đắn khi *định hướng tập trung đào tạo, khai thông sức mạnh tập thể, khai thông năng lực của nhân sự trẻ*... Hy vọng rằng sau khi đã tập tành trong cương vị mới, sau khi đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm... Anh em sẽ tạo ra những kết quả đột phá bất ngờ trong tương lai.

TM. Hội đồng Quản trị



LÊ HẢI LIỀU

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH



Sức mạnh của **GDT** nằm ở sự tập trung và nhất quán trong chiến lược kinh doanh. Từ ngày đầu thành lập đến nay, **GDT** vẫn tập trung xây dựng vị thế của mình trên thương trường như một nhà sản xuất hàng đầu về đồ gia dụng và đồ chơi trẻ em được làm từ các loại gỗ cây trồng, đặc biệt là gỗ cao su. Các chiến lược kinh doanh nhằm phát huy tối đa điểm mạnh của công ty, bao gồm:

- 1 Xây dựng thương hiệu số 1 tại Việt Nam về đồ dùng nhà bếp, đồ gia dụng và đồ chơi trẻ em từ các loại gỗ cây trồng.
- 2 Luôn đáp ứng được các đơn hàng gấp và các đơn hàng lớn, do tận dụng thế mạnh về nguyên liệu và quản lý sản xuất tốt.
- 3 Song song đó vẫn nhận các đơn hàng nhỏ nhưng có lợi nhuận cao, nhằm khai thác tối đa tiềm lực của công ty.
- 4 Cạnh tranh bằng chất lượng và thời gian giao hàng, không cạnh tranh bằng giá cả thấp để bảo toàn tỉ suất lợi nhuận.
- 5 Hợp tác, liên kết với các đối tác chiến lược để đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định, đa dạng với giá cả hợp lý.
- 6 Sử dụng hợp lý nhất các nguồn lực về quan hệ, về nhân sự, tài chính, đất đai... cho mục tiêu phát triển dài hạn.

Bí quyết để công ty đạt được lợi nhuận tối đa và phòng ngừa rủi ro trong kinh doanh là thực hiện tốt chiến lược *đa dạng hóa thị trường nội địa, xuất khẩu, đặc biệt là không từ chối các đơn hàng nhỏ lẻ có tỷ suất lợi nhuận cao.*

Chiến lược này đã giúp công ty vượt qua được ảnh hưởng của thị trường khi nền kinh tế (cả trong lẫn ngoài nước) có nhiều biến động bất lợi, để vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng, từ trước đến nay và cả về sau.

SỨ MỆNH VÀ TÂM NHÌN CỦA CHÚNG TÔI

➔ Là công ty có *trách nhiệm với xã hội, với cộng đồng, và luôn có ý thức quan tâm bảo vệ môi trường.*

➔ Là khách hàng luôn đồng hành và luôn giữ đúng cam kết về thanh toán đối với các nhà cung cấp.

➔ Là nhà sản xuất luôn giữ đúng cam kết về chất lượng và thời gian giao hàng với cả khách hàng xuất khẩu lẫn nội địa.

➔ Là doanh nghiệp luôn chú trọng để đem lại các lợi ích dài hạn và thỏa đáng cho tất cả các cổ đông.

➔ Là người sử dụng lao động có trách nhiệm, luôn quan tâm đến lợi ích và sự phát triển của từng thành viên trong công ty.

➔ Giúp cuộc sống người Việt tiện nghi hơn với những sản phẩm nhà bếp và đồ chơi hữu ích, đẹp, chất lượng và an toàn

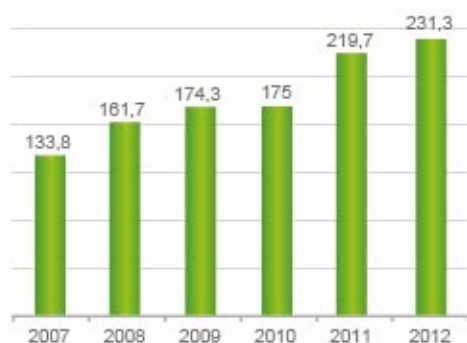


Mục tiêu những năm sắp tới của chúng tôi là trở thành nhà sản xuất đồ dùng nhà bếp và đồ chơi bằng gỗ

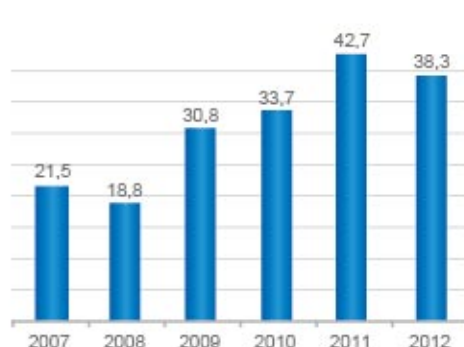
Số 1 tại Việt Nam



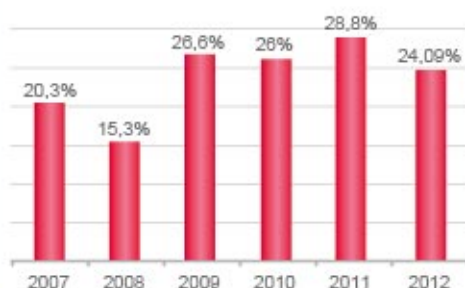
DOANH THU (TỈ VNĐ)



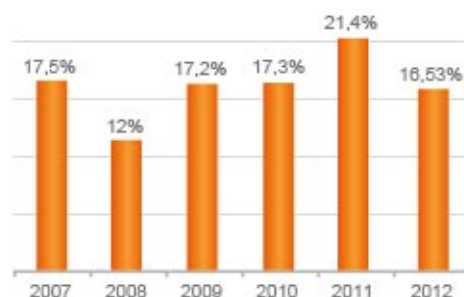
LỢI NHUẬN SAU THUẾ (TỈ VNĐ)



ROE



ROA



Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Doanh thu (tỉ VNĐ)	133,8	161,7	174,3	175,0	219,7	231,3
Lợi nhuận sau thuế (tỉ VNĐ)	21,5	18,8	30,8	33,7	42,7	38,3
ROE (LN trên vốn CSH)	20,3%	15,3%	26,6%	26%	28,8%	24,09%
ROA (LN trên tổng tài sản)	17,5%	12,0%	17,2%	17,3%	21,4%	16,53%

Trong năm qua, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn và thử thách, GDT vẫn cố gắng duy trì kết quả kinh doanh hiệu quả:

- Tổng doanh thu tăng 5,3% so với năm 2011, đạt 96,9% so với kế hoạch năm.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 92,5% so với kế hoạch năm.

• *Giá trị cốt lõi của Gỗ Đức Thành là **ổn định, hiệu quả & bền vững.***

ĐVT: 1.000 đồng

Kết quả kinh doanh	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Doanh thu thuần	133.807.725	161.694.646	174.267.882	175.017.411	219.685.394	231.283.510
Lãi gộp	30.369.241	38.809.031	64.307.151	64.983.292	73.327.592	69.262.391
LN thuần từ SXKD	18.919.057	22.740.955	37.389.385	38.712.660	47.215.896	45.929.782
Tổng lợi nhuận trước thuế	23.013.153	23.695.064	37.826.849	41.463.249	49.289.779	47.076.876
Thuế phải đóng	1.469.485	4.919.375	7.001.401	7.804.185	6.528.330	8.774.013
Lợi nhuận sau thuế	21.543.669	18.775.689	30.825.448	33.659.064	42.761.449	38.302.863

Bảng cân đối tài sản	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tổng tài sản	149.594.721	162.268.966	195.960.187	192.721.282	206.247.795	257.095.672
Vốn điều lệ	71.466.900	103.723.650	103.723.650	103.723.650	103.723.650	103.723.650
Tổng số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành	6.869.165	7.429.133	10.162.730	10.372.365	10.372.365	10.372.365
Vốn chủ sở hữu	132.489.272	112.446.461	119.692.652	139.613.444	157.354.019	160.709.501

Các chỉ tiêu khác	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Cơ cấu tài sản						
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	48,52%	47,38%	50,72%	51,67%	57,94%	66,67%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	51,48%	52,62%	49,28%	48,33%	42,06%	33,33%
Cơ cấu nguồn vốn						
Nợ phải trả / Tổng tài sản	11,43%	30,70%	38,92%	27,56%	23,71%	37,49%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	88,57%	69,30%	61,08%	72,44%	76,29%	62,51%

Tỷ suất lợi nhuận	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tỷ suất LN sau thuế / Tổng tài sản BQ	17,46%	12,04%	17,21%	17,32%	21,44%	16,53%
Tỷ suất LN sau thuế/ Vốn CSH BQ	20,33%	15,33%	26,56%	25,96%	28,80%	24,09%
Tỷ suất LN sau thuế/ Vốn điều lệ	30,14%	18,10%	29,72%	32,45%	41,23%	36,93%
Tỷ suất LN sau thuế/ Doanh thu thuần	16,10%	11,61%	17,69%	19,23%	19,46%	16,56%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	3.136	2.527	3.033	3.245	4.123	3.693

THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch : Công ty CP Chế biến gỗ Đức Thành
 Tên viết tắt : Công ty CP Gỗ Đức Thành
 Giấy phép thành lập : 410 300 0126
 Ngày thành lập : 19/5/1991
 Vốn điều lệ : 103.723.650.000 đồng
 Vốn chủ sở hữu : 160.709.500.594 đồng



Thông tin cổ phiếu

Sàn niêm yết : HOSE
 Mã chứng khoán : GDT
 Ngày bắt đầu niêm yết : 17/11/2009
 Vốn điều lệ : 103.723.650.000 đồng
 Mệnh giá 1 cổ phiếu : 10.000 đồng
 Số lượng CP niêm yết : 10.372.365 cổ phiếu

Trụ sở chính và nhà máy ở TP HCM

Địa chỉ : 21/6D Phan Huy Ích, P. 14, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.
 Email liên hệ : info@goducthanh.com
 Điện thoại : (08) 3589 4287 • Fax: (08) 3589 4288
 Website : www.goducthanh.com
 Diện tích : 7.600 m²
 Công suất : 5.000 m³ gỗ thành phẩm/năm

Nhà máy ở Bình Dương

Địa chỉ : Ấp Tân Hội, Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
 Điện thoại : (0650) 363 1491 • Fax: (0650) 363 1490
 Diện tích : 30.000 m²
 Công suất : 15.000 m³ gỗ thành phẩm/năm



Mạng lưới cửa hàng chuyên biệt:

• Winwinshop Nguyễn Văn Trỗi

Địa chỉ : 172 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Q. Phú Nhuận
 Điện thoại : (08) 3844 0721 • Fax: (08) 3844 0722
 Email liên hệ : wwsnvt@winwinshop.com.vn
 Website : www.winwinshop.com.vn



• Winwinshop Phú Mỹ Hưng

Địa chỉ : 021 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Q.7
 Điện thoại : (08) 5412 2644 • Fax: (08) 5412 3790
 Email liên hệ : wwspmh@winwinshop.com.vn
 Website : www.winwinshop.com.vn

Và hơn 1.000 cửa hàng, đại lý phân phối trên toàn quốc

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Văn hóa sản xuất ở Gỗ Đức Thành ngay từ những ngày đầu thành lập công ty là:

**“Nâng cao quản lý chính là nâng cao chất lượng”.
“Giữ uy tín chính là giữ khách hàng”.**

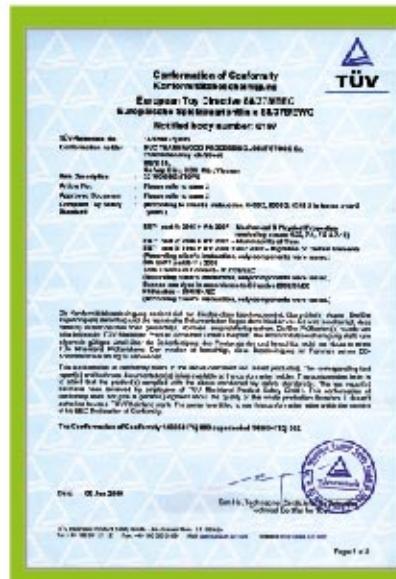
Giữ đúng cam kết về chất lượng chính là chìa khóa của thành công, điều này đã giúp chúng tôi phát triển bền vững đến ngày hôm nay.

GDT đã đạt chứng chỉ Quản Lý Chất Lượng ISO 9001:2008 từ nhiều năm nay nhưng không chỉ dừng lại ở đó, mỗi CBCNV của chúng tôi đều được khuyến khích phát huy sáng kiến và từng thành viên đều trở thành một nhân viên kiểm tra chất lượng cho các sản phẩm mang thương hiệu **“Đức Thành”**

Các sản phẩm của chúng tôi dù xuất khẩu hay bán nội địa đều có chất lượng tương đương nhau và đều đạt chứng nhận chất lượng của nước sở tại. Đặc biệt, mặt hàng Đồ chơi bằng gỗ của chúng tôi đã đạt chứng nhận CE (an toàn theo tiêu chuẩn châu Âu) và chứng nhận CR (theo quy chuẩn Việt Nam).

Đối với các loại Thớt thì luôn đạt chứng nhận về an toàn thực phẩm và lọt vào Top 100 sản phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng.

Công ty luôn giữ
cam kết về
chất lượng
và **thời hạn**
giao hàng



Các khách hàng nhập khẩu chính



Mạng lưới phân phối sản phẩm tại Nội địa

Cửa hàng đồ chơi : 537

Tổng cộng : 1021

Cửa hàng gia dụng : 484

Bắc Giang, Thái Nguyên
Cao Bằng: 4 CH

Vĩnh Phúc, Điện Biên
Tuyên Quang: 5 CH

Quảng Ninh, Hải Dương
Hải Phòng: 9 CH

Hà Nội:
62 cửa hàng

Ninh Bình, Nam Định
Hà Tĩnh: 5 CH

Thanh Hóa, Nghệ An
Quảng Bình: 9 CH

Huế, Đà Nẵng
Quảng Nam: 25 CH

Quảng Trị, Lâm Đồng
Đắk Lắk: 20 CH

Quảng Ngãi, Bình Thuận
Bình Định: 12 CH

Gia Lai, Phú Yên
Khánh Hòa: 15 CH

Kon Tum, Đắk Nông
Ninh Thuận: 5 CH

Đồng Nai, Bình Dương
Vũng Tàu: 59 CH

Bình Phước
Tây Ninh: 5 CH

TP. Hồ Chí Minh:
253 cửa hàng

Long An, Vĩnh Long
Bến Tre: 10 CH

Tiền Giang, Hậu Giang
An Giang: 12 CH

Cần Thơ, Trà Vinh
Sóc Trăng: 11 CH

Bạc Liêu, Đồng Tháp
Kiên Giang: 12 CH

Hòa Bình, Lào Cai
Lạng Sơn: 4 CH

Hưng Yên, Vĩnh Phúc
Hà Giang: 4 CH

Hà Nội:
67 cửa hàng

Bắc Ninh, Nam Định
Ninh Bình: 5 CH

Hải Phòng, Hải Dương
Hà Tĩnh: 10 CH

Nghệ An, Thanh Hóa
Quảng Trị: 12 CH

Quảng Bình, Huế
Đà Nẵng: 12 CH

Bình Định, Khánh Hòa
Lâm Đồng: 16 CH

Đắk Lắk, Gia Lai
Kon Tum: 6 CH

Phú Yên, Quảng Nam
Quảng Ngãi: 5 CH

Ninh Thuận, Bình Thuận
Bình Phước: 6 CH

Vũng Tàu, Đồng Nai
Bình Dương: 22 CH

TP. Hồ Chí Minh:
281 cửa hàng

Tây Ninh, Long An
Vĩnh Long: 4 CH

Tiền Giang, Hậu Giang
An Giang: 10 CH

Cần Thơ, Bến Tre,
Sóc Trăng: 8 CH

Đồng Tháp
Bạc Liêu: 8 CH

Kiên Giang
Cà Mau: 8 CH



Winwinshop PMH



Winwinshop NVT



Dòng sản phẩm gia dụng

www.goducthanh.com



“THIÊN ĐƯỜNG CỦA NGƯỜI NỘI TRỢ”

Sản phẩm có bán tại các chợ, siêu thị. Tel: (08) 3589 4289 www.goducthanh.com



***Thớt gỗ sạch Đức Thành
bảo vệ bữa ăn gia đình bạn***



Gồ Đức Thành

Hotline: 0916 699 350

www.goducthanh.com

Dòng sản phẩm đồ chơi

www.winwintoys.com



Đồ chơi bằng gỗ



Nguồn dinh dưỡng của trí tuệ.

ĐỒ CHƠI BẰNG GỖ

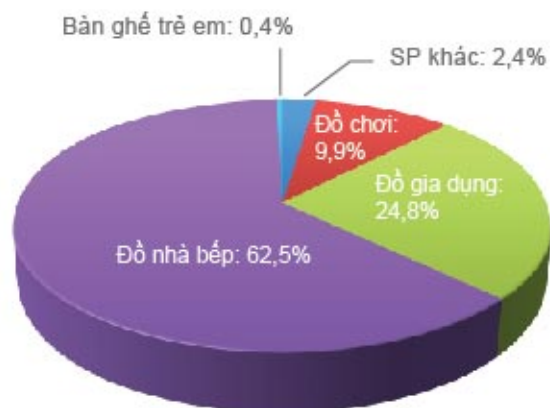
WINWINTOYS

“HỌC MÀ CHƠI - CHƠI MÀ HỌC”

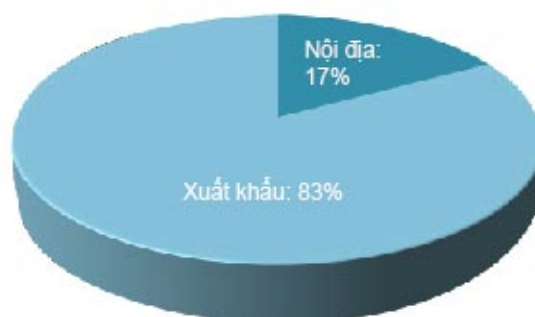


CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2012

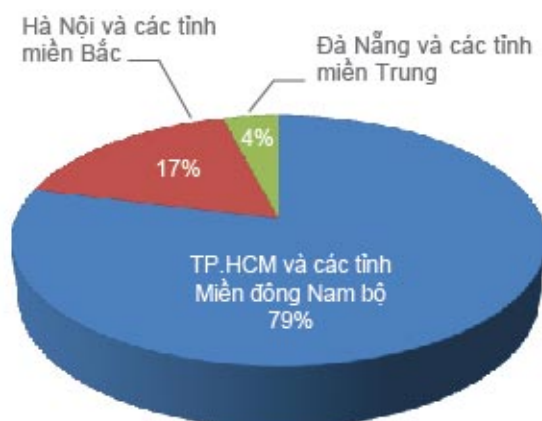
Theo nhóm hàng



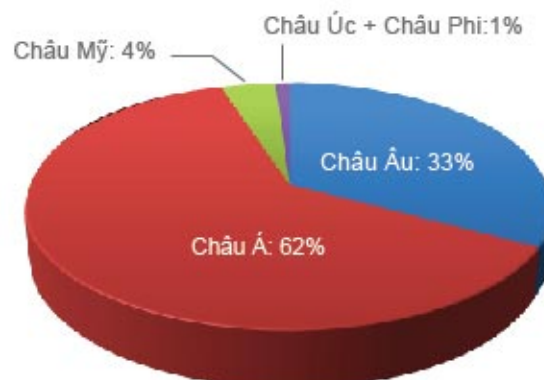
Theo thị trường



Theo thị trường nội địa



Theo thị trường xuất khẩu



Việc cung ứng cho khách hàng **đa dạng** ở khắp các châu lục, ở nội địa lẫn xuất khẩu... là bí quyết để phòng ngừa mọi rủi ro trong kinh doanh

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY

- 1991** Ngày 19/5 Cơ sở chế biến Gỗ Tam Hiệp (tiền thân của Gỗ Đức Thành) ra đời với số vốn ban đầu là 105 triệu đồng và 60 công nhân.
- 1993** Phát triển thành Công ty TNHH chế biến Gỗ Đức Thành với số vốn đăng ký 2,025 tỉ đồng và có hơn 130 công nhân.
- 2000** Chuyển đổi thành Công ty cổ phần chế biến Gỗ Đức Thành (GDT) với vốn điều lệ là 5,05 tỉ đồng và 20 cổ đông sáng lập.
- 2001** Công ty đã đạt được Chứng chỉ quản lý chất lượng ISO 9001:2000 do tổ chức BVQI cấp.
- 2002** Công ty tiến hành hai đợt tăng vốn điều lệ lên 15,050 tỉ đồng vào ngày 01/07/2002 và 25,050 tỉ đồng vào ngày 09/12/2002
- 2003** Công ty khánh thành nhà máy thứ hai tại P.14, Q.Gò Vấp.
- 2004** Công ty tăng vốn điều lệ lên thành 40,050 tỉ đồng.
- 2005** Quỹ Doanh nghiệp Mekong đầu tư 1,35 triệu USD vào GDT, nâng tổng số vốn điều lệ lên thành 49,536 tỉ đồng.
- Cùng năm này nhà máy thứ ba tại Tân Uyên, Bình Dương được đưa vào hoạt động với tổng diện tích trên 3 ha và kinh phí đầu tư xấp xỉ 2 (hai) triệu đô la Mỹ.
- 2006** Quỹ Mekong tiếp tục đầu tư vào GDT 400.000 đô la Mỹ. Công ty tăng vốn điều lệ lên thành 64,116 tỉ đồng.
- 2007** Quỹ PENM, quản lý bởi Bankinvest, chính thức đầu tư vào GDT 2 triệu đô la Mỹ.
- 2008** Công ty hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên thành 74,100 tỉ đồng.
- 2009** Quỹ Mekong thoái vốn, Tập đoàn Cao su Việt Nam vào đầu tư. Công ty tăng vốn điều lệ thành 103,723 tỉ đồng.
- Ngày 17/11/2009, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu GDT của mình trên sàn chứng khoán HOSE
- 2010** Ra đời chuỗi cửa hàng Winwinshop để trực tiếp giới thiệu các sản phẩm của GDT đến tay người tiêu dùng.
- 2011** Ngày 19/5/2011, Công ty Gỗ Đức Thành tổ chức Lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập.
- 2012** Ngày 21/11/2012, Quỹ PENM, quản lý bởi Bankinvest, sau 5 năm đầu tư vào GDT đến nay đã thoái vốn hết theo kế hoạch.
- Tháng 12/2012, mua thêm gần 8.000 m² đất để mở rộng nhà xưởng ở Tân Uyên, Bình Dương.



THÀNH TÍCH CỦA CÔNG TY

- 2012** • UBND TP.HCM và Sở Tài Nguyên Môi trường trao tặng danh hiệu Doanh nghiệp xanh 2012".
- 2011** • Bộ Công thương trao tặng danh hiệu "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín".
 • Hội DN trẻ VN trao tặng giải thưởng "Sao vàng đất Việt năm 2011".
 • UBND TP.HCM khen tặng danh hiệu: "Doanh nghiệp SG tiêu biểu năm 2011".
 • Huy chương vàng và chứng nhận danh hiệu "Hàng Việt Nam chất lượng cao" do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trao tặng.
- 2010** • Đạt Chứng nhận Thương hiệu uy tín, chất lượng - Trusted Brand 2010.
 • Bộ Công Thương trao tặng giải thưởng "Thương hiệu nổi tiếng quốc gia 2010".
 • Đạt Chứng nhận "Thương hiệu chứng khoán uy tín năm 2010".
 • Trung tâm Quatest 3 cấp giấy Chứng nhận đồ chơi trẻ em Winwintoys phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam và được sử dụng dấu hợp quy (CR).
 • Đạt chứng chỉ ISO 9001: 2008 có hiệu lực từ 10/01/2013 đến 09/1/2016 do Intertek cấp.
 • Danh hiệu "Hàng Việt Nam chất lượng cao 2010" do người tiêu dùng bình chọn.
- 2009** • Bộ khoa học và Công nghệ TP.HCM tặng danh hiệu "Top 100 sản phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng năm 2009".
 • Giấy xác nhận hợp chuẩn Chỉ thị châu Âu 88/378/EEC cho đồ chơi trẻ em Winwintoys do TUV Rheinland cấp.
- 2008** • Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam trao tặng Bằng khen "Đã có nhiều thành tích trong công tác từ năm 2002 đến năm 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ Tổ quốc".
 • Bộ trưởng Bộ Công thương tặng Bằng khen "Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động sản xuất, kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ công tác khác năm 2007".
- 2007** • UBND TP.HCM tặng danh hiệu Top ten "Doanh nghiệp tiêu biểu năm 2007".
 • Đạt Danh hiệu "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2006" do Bộ Thương mại xét chọn.
 • UBND TP.HCM tặng bằng khen đã có nhiều thành tích trong công tác "Đền ơn đáp nghĩa" nhân kỷ niệm 60 năm ngày Thương binh liệt sĩ 1947 - 2007.
- 2006** • Bằng khen "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín ba năm liền 2004, 2005, 2006" do Bộ Thương mại tặng.
- Khác** • Bộ Thương mại cấp Giấy chứng nhận đạt danh hiệu "Doanh nghiệp uy tín - chất lượng 2005" (số VNE.05.0032)
 • Cục trưởng Cục thuế TP.HCM tặng Giấy khen vì đã chấp hành tốt nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước năm 2003 (QĐ số 350/QĐ - CT)
 • Và v.v...



CÁC BÁO CÁO CHÍNH

- Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị
- Báo cáo của Ban Điều Hành
- Báo cáo của Ban Kiểm Soát

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2010 - 2014 có tất cả 7 thành viên, trong đó có 03 thành viên tham gia điều hành tại Công ty và 04 thành viên độc lập. Do số thành viên HĐQT độc lập chiếm số nhiều nên sẽ giúp công ty nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, tập trung vào các định hướng phát triển bền vững của Công ty và mang lại lợi ích tốt nhất cho các Cổ đông.

1 Bà Lê Hải Liễu.

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc



Sinh năm : 18/02/1962

Trình độ : Cử nhân Thống kê – Toán, Đại học Kinh tế Tp.HCM

Từ tháng 4/2012 đến nay Bà Liễu đã từ nhiệm, thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc mà chỉ tập trung vào vai trò Chủ tịch HĐQT. Bà là người cố vấn “đặc biệt” cho Tổng Giám đốc kể nhiệm về tất cả các vấn đề liên quan đến việc điều hành và quản lý Công ty.

2006 - T4/2012, với cương vị Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty. Bà luôn đề ra các định hướng chiến lược đúng đắn, đưa Công ty Gỗ Đức Thành ngày càng phát triển lớn mạnh và bền vững qua nhiều biến cố của thị trường...

2003 - 2006 : Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty gỗ Đức Thành.

2000 - 2003 : Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty gỗ Đức Thành.

1993 - 2000 : Giám đốc Công ty CP gỗ Đức Thành.

1991 - 1993 : Du học tự túc tại Tây Đức.

1985 - 1991 : Giảng viên Khoa Thống kê - Toán Trường ĐH Kinh tế TP.HCM.

Ông Hans Christian Jacobsen

Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên độc lập **2**

Sinh năm : 20/06/1959

Trình độ : Thạc sỹ tài chính, trường The Copenhagen School of Economics and Business Administration, Denmark.

Theo kế hoạch, Bankinvest đã thoái hết vốn sau 5 năm đầu tư vào GDT, nên từ tháng 12/2012 ông Hans cũng đã rút lui không còn là Thành viên Hội đồng Quản trị của GDT nữa.

Từ 2006 đến nay, Ông là thành viên cấp cao và Giám đốc điều hành quỹ PENM I và PENM II của BankInvest Private Equity New Markets (PENM). Ông là đại diện phần vốn góp của PENM tại Công ty và có đóng góp rất lớn vào chiến lược kinh doanh của Công ty với kinh nghiệm gần 30 năm quản lý điều hành các công ty lớn tại châu Âu.

1991 - 2006 : Tổng Giám đốc mảng Nông nghiệp - Ngân hàng châu Âu cho xây dựng và phát triển (EBRD), London, Anh.

1989 - 1991 : Giám đốc khu vực - Quỹ đầu tư cho vùng Trung và Đông Âu, Copenhagen, Đan Mạch

1986 - 1989 : Trưởng Bộ phận - Quỹ công nghiệp hóa cho các nước đang phát triển (IFU), Copenhagen, Đan Mạch.



3 Ông Lê Hồng Thắng*Ủy viên Hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc*

Sinh năm : 27/07/1975

Trình độ : Kỹ sư cơ khí động lực, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM.

Từ T2/2013 đến nay, Ông là thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty gỗ Đức Thành. Ông là người rất am hiểu các quy trình sản xuất, kỹ thuật... trong ngành chế biến gỗ, do đã cọ xát với lĩnh vực này gần 16 năm và đã góp phần hoàn thành xuất sắc việc đáp ứng tất cả các đơn hàng sản xuất của công ty, cho dù khó hay gấp.

T4/2012 - T1/2013 : Thành viên HĐQT kiêm Quyền Tổng giám đốc Công ty gỗ Đức Thành

- 2009 - T3/2012 : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty gỗ Đức Thành
- 2007 - 2009 : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc sản xuất Công ty gỗ Đức Thành.
- 2003 - 2007 : Phó Giám đốc thường trực Công ty gỗ Đức Thành.
- 2000 - 2003 : Giám đốc nhà máy gỗ Đức Thành, chi nhánh tại Đắk Lắk.
- 1998 - 2000 : Nhân viên công ty Đức Thành.

Ông Lê Hồng Thành*Ủy viên Hội Đồng Quản Trị, kiêm Phó Tổng giám đốc***4**

Sinh năm : 02/04/1973.

Trình độ : Quản trị về Xuất nhập khẩu và quản lý sản xuất.

Ông đã có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý nói chung, mà gần đây là quản lý về nhân sự, là người hoạch định chiến lược phát triển nhân sự, đề ra các chế độ chính sách giữ chân người lao động, đảm bảo nguồn lao động luôn đáp ứng đủ và kịp thời cho sản xuất.

2011 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty gỗ Đức Thành

2007 - 2010 : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc HCNS Công ty gỗ Đức Thành

2003 - 2007 : Phó Giám đốc sản xuất Công ty CP gỗ Đức Thành

2001 - 2003 : Phụ trách mảng chứng từ xuất nhập khẩu Công ty gỗ Đức Thành.

1995 - 2001 : Nhân viên Công ty gỗ Đức Thành

**5 Ông Nguyễn Kim Lê Chuyên***Ủy viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập*

Sinh năm : 21/03/1980

Trình độ : Kỹ sư xây dựng, Đại học Bách Khoa, Tp.HCM; Thạc sỹ Xây dựng đại học Liege - Vương quốc Bỉ

Từ 2007 đến nay, Ông là chuyên viên Ban Kế hoạch đầu tư - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG). Ông Chuyên đại diện cho phần vốn góp của VRG tại GDT và hỗ trợ Công ty rất nhiều trong lĩnh vực mở rộng sản xuất, mở rộng nguồn nguyên liệu.

2006 - 2007 : Chuyên viên Tư vấn Quản lý dự án - Công ty Apave Việt Nam & Đông Nam Á.

2004 - 2006 : Nghiên cứu viên - Trường đại học Liege - Vương quốc Bỉ

2003 - 2004 : Kỹ sư phòng kỹ thuật - Tổng Cty Xây dựng số 1 - Bộ Xây dựng.

6 Ông Trần Xuân Nam

Ủy viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập



Sinh năm : 01/ 01/ 1966.

Trình độ : Cử nhân kinh tế, trường Đại Học Kinh tế Tp.HCM.

Ông đã có hơn 16 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh chứng khoán, ông Nam đã cố vấn rất hữu hiệu cho GDT về các chiến lược đầu tư, niêm yết và quan hệ Cổ đông.

11/2012 đến nay : Tổng Giám đốc Công ty cp Chứng khoán Phương Đông (ORS)

2/2010 - 2/2012 : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Tp.HCM, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)

2003 - 2010 : Giám đốc tư vấn tài chính tại Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM (HSC)

1997 - 2003 : Chuyên viên tư vấn đầu tư Quỹ Đầu Tư Phát triển đô thị TP.HCM (HIFU).

1995 - 1997 : Quản lý và điều hành SXKD tại Công ty TNHH Dệt may thương mại Tiên Phong.

Ông Nguyễn Công Hiếu

Ủy viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập

7

Sinh năm : 24/10/1961.

Trình độ : Cử nhân Kinh tế ngoại thương; Kỹ sư cơ khí; Pr. CEO.

Ông đã có hơn 24 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực hành chính, ông am hiểu các chính sách luật. Mặc dù chỉ mới tham gia vào HĐQT của GDT một thời gian ngắn nhưng ông Hiếu đã cố vấn rất hữu hiệu cho GDT về nhiều vấn đề...

10/2009 đến nay : Giám đốc Công ty TNHH MTV Bất động sản Kho vận Giao nhận Ngoại thương - TP.HCM.

T5/2008 đến nay : Trưởng Phòng Hành chính Cty Transimex - Saigon.

2005 - T5/2008 : Phó Trưởng Phòng Hành chính Cty Transimex - Saigon.

2002 - 2005 : Trưởng Trung tâm Kho cảng ICD Transimex - Saigon.

1999 - 2002 : Kế hoạch, Pháp chế Công ty Transimex - Saigon.

1988 - 1999 : Kỹ thuật, Hành chính, Đại lý tàu Cty Transimex - Saigon.





Kính thưa Quý vị Cổ Đông, nhà đầu tư,

Có thể nói, kinh tế toàn cầu năm 2012 không hề “yên ả”, cuộc khủng hoảng nợ công ở châu Âu tiếp tục sa lầy và chưa hề thấy lối thoát, nền kinh tế Mỹ, Nhật Bản cũng đều không khả quan. Các nền kinh tế mới nổi như: Trung Quốc, Ấn Độ... đều không còn giữ được phong độ tăng trưởng lạc quan như những năm trước. Đứng trước tình hình đó, Việt Nam cũng không có ngoại lệ mà vẫn phải chịu ảnh hưởng chung của nền kinh tế thế giới.

Riêng ngành chế biến gỗ, ngoài những khó khăn của kinh tế trong nước như sức mua giảm mạnh, hàng tồn kho lớn, lãi suất vẫn còn cao... thì chúng ta còn đứng trước nhiều thách thức khác như thiếu nguồn nguyên liệu, thiếu nhân công lành nghề, nguy cơ cháy nổ cao...

Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị (HĐQT) cùng Ban điều hành (BDH) Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành (GDT) đã linh hoạt và nhạy bén trong đổi sách kinh doanh để đưa công ty vượt qua khó khăn, đạt hiệu quả cao và hoàn thành kế hoạch năm 2012 mà Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đề ra.

Với vai trò quản trị, định hướng và giám sát công ty, HĐQT đánh giá và báo cáo việc thực hiện như sau:

TỔNG KẾT NĂM 2012

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2012, HĐQT đã tổ chức 6 phiên họp để thảo luận, nghe báo cáo và theo sát tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.

HĐQT đã đề ra chủ trương, chiến lược và các biện pháp giải quyết phù hợp với tình hình thực tế của công ty và tuân theo quy định của Pháp luật.

Tổng giám đốc và BDH công ty đã tổ chức thực hiện và báo cáo đầy đủ các Nghị quyết mà HĐQT đã đề ra.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Qua quá trình giám sát, HĐQT nhận thấy BDH đã triển khai hiệu quả các Nghị quyết của HĐQT, kịp thời thông tin báo cáo, điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình và yêu cầu mà HĐQT, ĐHĐ CĐ đã đề ra, cũng như có những góp ý sát với thực tế, giúp BDH quản lý doanh nghiệp chặt chẽ, chấn chỉnh kịp thời những bất cập.

Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐ CĐ thông qua ngày 14/4/2012, các hoạt động kinh doanh trong năm 2012 đã đạt được là:

- Tổng Doanh thu toàn công ty đạt 231,3 tỷ đồng, cao hơn 11,6 tỷ đồng và tăng 5,3% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 96,9% so với kế hoạch cả năm.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 47,07 tỷ đồng, đạt 93,8% so với kế hoạch năm.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 38,3 tỷ đồng, đạt 92,5% so với kế hoạch năm.
- Thị trường bất động sản năm 2012 nhìn chung còn nhiều khó khăn, thị trường “đóng băng” nên giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp Mỹ Phước 2, tỉnh Bình Dương vẫn chưa thực hiện được.
- Đối với dự án mở rộng nhà máy tại Tân Uyên, Bình Dương, GDT đã tạm ngưng xây dựng theo Nghị quyết HĐQT số 11-12/NQ-ĐT, ngày 27/7/12 vì kinh tế đang còn nhiều khó khăn. Nhưng công ty vẫn tiến hành xin Giấy phép xây dựng.

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐ CĐ, HĐQT đã chọn Công ty TNHH Ernst and Young đã thực hiện kiểm toán cho GDT trong năm tài chính 2012. Trong quá trình kiểm toán, GDT đã cung cấp chứng từ và đáp ứng đầy đủ, hợp lý các chuẩn mực về kế toán.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Hội đồng Quản trị trong năm qua không có sự thay đổi lớn về nhân sự. Chỉ đến tháng 12/2012, Ông Hans đã có đơn xin từ nhiệm theo lộ trình thoái vốn của BankInvest. Cụ thể:

- | | | |
|--------------------------------|---|---|
| 1. Bà Lê Hải Liễu | : | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc, từ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc ngày 14/4/12 |
| 2. Ông Hans Christian Jacobsen | : | Phó Chủ tịch HĐQT, từ nhiệm ngày 01/12/12 |
| 3. Ông Lê Hồng Thắng | : | Ủy viên HĐQT kiêm Quyền Tổng giám đốc ngày 19/4/12 |
| 4. Ông Lê Hồng Thành | : | Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc |
| 5. Ông Nguyễn Kim Lê Chuyên | : | Ủy viên HĐQT |
| 6. Ông Trần Xuân Nam | : | Ủy viên HĐQT |
| 7. Ông Nguyễn Công Hiếu | : | Ủy viên HĐQT |

TÌNH HÌNH CHI TRẢ CỔ TỨC.

Do tình hình thị trường chứng khoán không thuận lợi và công ty chưa có nhu cầu cấp bách về vốn nên không phát hành thêm đợt cổ phiếu nào.

Công ty đã tiến hành chia cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐ CĐ ngày 14/4/2012 là 20% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông, cụ thể:

- Đợt 1 năm 2012: chia ngày 14/07/2012 là 10%.
- Đợt 2 năm 2012: chia ngày 26/12/2012 là 10%.

THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2012, công ty đã chi trả thù lao cho tất cả các thành viên của HĐQT và BKS là 400.000.000 đồng, theo Nghị quyết ĐHĐ CĐ ngày 14/4/2012.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CHO NĂM 2013

Theo nhận định của một số chuyên gia "năm 2013 vẫn còn đầy khó khăn với nền kinh tế vĩ mô và với các doanh nghiệp", tình hình kinh tế trong nước vẫn còn nhiều bất ổn như lạm phát tăng cao, dẫn đến giá tất cả các loại vật tư, hóa chất, điện... đều tăng.

HĐQT rất mong nhận được sự quan tâm, ủng hộ của cổ đông, nhà đầu tư, cùng với sự đồng tâm, hiệp lực của BDH, tập thể CB - CNV GDT quyết tâm đạt các chỉ tiêu kinh doanh năm 2013 nhằm duy trì mục tiêu tăng trưởng và nâng cao hiệu quả kinh doanh, HĐQT sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐ CĐ trong năm tài chính 2013.
2. Tổ chức các phiên họp HĐQT thường kỳ theo quy định để thảo luận, thông qua báo cáo, kế hoạch nhằm chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐ CĐ đề ra cho năm 2013.
3. Phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch cho năm tài chính 2013 như:
 - Tổng doanh thu đạt 243,6 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2012.
 - Lợi nhuận trước thuế đạt 48,5 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2012.
 - Lợi nhuận sau thuế đạt 36,4 tỷ đồng, giảm 5% so với năm 2012 → Năm 2012 được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), trong khi năm 2013 chưa có chính sách giảm thuế TNDN. Vì vậy, thuế suất thuế TNDN sẽ được tính theo thuế suất phổ thông là 25%. Chi phí thuế sẽ cao hơn năm 2012. Do đó, lợi nhuận sau thuế năm 2013 dự kiến giảm so với 2012 chủ yếu là do khách quan.
4. Tập trung tìm kiếm nhân sự để bổ sung vào các vị trí chủ chốt như Giám đốc tài chính v.v... tiếp tục xây dựng bộ máy làm việc trẻ, năng động.
5. Giám sát chặt chẽ và kịp thời chấn chỉnh các hoạt động của BDH nhằm:
 - Đạt mục tiêu tăng trưởng bền vững.
 - Tăng cường công tác quản trị tài chính chuẩn mực, kiểm toán nội bộ cho hiệu quả.
 - Xây dựng nguồn lực ổn định, có năng lực, tâm huyết. Kiện toàn bộ máy quản lý chuyên nghiệp, hiệu quả.
 - Ổn định và nâng cao đời sống người lao động, phát triển văn hóa doanh nghiệp.





6. Tiếp tục đầu tư vào khoa học công nghệ, thường xuyên tìm tòi, cải tiến để tiết kiệm nguyên liệu, nghiên cứu sử dụng các loại gỗ cây trồng khác như: gỗ trầm bông vàng, gỗ xoài hoặc các loại ván ép công nghiệp... nhằm gia tăng giá trị cho hoạt động sản xuất kinh doanh.



7. Tiếp tục nỗ lực tìm kiếm đơn vị chuyển nhượng lại đất ở Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, tỉnh Bình Dương để đem về khoản lợi nhuận sau thuế xấp xỉ 30 tỷ đồng cho công ty.

Thưa quý vị Cổ đông, nhà đầu tư



Năm 2012 đã khép lại trong bối cảnh kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam còn quá nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với sự cố gắng của HĐQT, BKH và nỗ lực của tập thể CB - CNV GDT để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đề ra.

Thay mặt HĐQT, BKS và BKH công ty GDT, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý vị cổ đông, nhà đầu tư đã đồng hành cùng GDT trong suốt thời gian qua.

HĐQT rất mong sẽ nhận được sự ủng hộ, chia sẻ của quý vị cổ đông, của các nhà đầu tư... như bấy lâu nay, để GDT tiếp tục vượt qua những thách thức xem chừng không hề đơn giản của năm 2013, tiến tới mục tiêu tăng trưởng bền vững, ổn định trong tương lai, và nhất là sẽ nâng tỷ trọng chia cổ tức cho các cổ đông ngày càng tăng cao.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

LÊ HẢI LIỄU





CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH - KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Bà Lê Hải Liễu

Tổng Giám Đốc (Xem trang 20)

3. Ông Lê Hồng Thành

Phó Tổng Giám Đốc (Xem trang 21)

5. Ông Nguyễn Văn Đức

Phó Giám đốc Kỹ thuật

Sinh năm : 16/7/1955.

Trình độ : Cao đẳng cơ khí, Đại học Bách Khoa, Tp.HCM.

Từ năm 2003 đến nay, Ông giữ chức vụ là Phó giám đốc kỹ thuật, Ông có nhiều đóng góp cải tiến kỹ thuật để tăng năng suất làm việc hiệu quả và tiết kiệm.

1995 - 2003 : Quản đốc phân xưởng tinh chế Công ty Gỗ Đức Thành

1992 - 1995 : Kỹ thuật viên công ty sản xuất ván ép Đức Phát.

1988 - 1992 : Gia công cơ khí tại nhà.

1977 - 1988 : Cán bộ kỹ thuật nhà máy cơ khí hóa chất.

7. Ông Chế Đồng Khánh

Phó Giám đốc Sản xuất

Sinh năm : 18/7/1976.

Trình độ : 12/12.

2011 đến nay : Phó Giám đốc sản xuất Công ty Gỗ Đức Thành

2009 - 2011 : Quản đốc phân xưởng tinh chế Công ty Gỗ Đức Thành

2007 - 2009 : Phó quản đốc phân xưởng tinh chế Công ty Gỗ Đức Thành.

2003 - 2007 : Kỹ thuật khâu Hoàn tất, Bo cạnh, Chà nhám Công ty Gỗ Đức Thành.

2. Ông Lê Hồng Thắng

Tổng Giám Đốc (Xem trang 21)

4. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Giám đốc Hành chánh Nhân sự

Sinh năm : 02/10/1974

Trình độ : Cử nhân Kế toán, Đại học thương mại Tp.HCM.

Gắn bó với Công ty từ những năm 1995, Bà Huyền đã có nhiều kinh nghiệm ở các công việc khác nhau, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Điểm nổi bật của Bà là người truyền tin hiệu quả những thông điệp của Ban điều hành đến đội ngũ CB - CNV. Bà cũng là người điều hành, tổ chức thành công các sự kiện của Công ty.

T11/2012 đến nay : Giám đốc Hành chánh nhân sự Công ty gỗ Đức Thành

2003 - T10/2012 : Trưởng phòng Hành chánh nhân sự Công ty gỗ Đức Thành.

1997 - 2003 : Nhân viên kinh doanh Nội địa kiêm Kế toán kho Công ty gỗ Đức Thành.

1995 - 1997 : Nhân viên kinh doanh Nội địa Công ty gỗ Đức Thành.

6. Bà Bùi Phương Thảo

Kế toán trưởng

Sinh năm : 01/01/1979.

Trình độ : Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế, Tp.HCM.

2011 đến nay : Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán Công ty gỗ Đức Thành

2009 - 2011 : Phó phòng Kế toán Công ty gỗ Đức Thành.

2006 - 2009 : Kế toán Công ty gỗ Đức Thành.

2001 - 2005 : Kế toán Công ty TNHH SX XD TM Cơ khí Minh Giang.

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2012

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tính đến ngày 31/12/2012, Công ty cổ phần chế biến gỗ Đức Thành (GDT) đã đạt được các chỉ tiêu tài chính như sau:

DVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2011	Thực hiện 2012	Tăng trưởng so với cùng kỳ	KH 2012 đã điều chỉnh giữa hai thị trường so với đầu năm	Tăng/giảm so với KH
	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)	(5)	(6)=(3)/(5)
1	Tổng doanh thu	219,685	231,284	5,3%	238,785	96,9%
	- Xuất khẩu	176,645	192,494	9,0%	195,285	98,6%
	- Nội địa	42,443	38,132	-10,2%	43,000	88,7%
	- Cho thuê xưởng	598	658	10,0%	500	131,5%
2	Lợi nhuận trước thuế	49,289	47,077	- 4,5%	50,185	93,8%
3	Lợi nhuận sau thuế	42,761	38,303	- 10,4%	41,402	92,5%

Nền kinh tế trong năm 2012 có nhiều khó khăn và thách thức, vì thế mà chỉ tiêu kế hoạch do Hội đồng quản trị (HDQT) và Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đề ra rất khó thực hiện. Vào thời điểm giữa quý 2, 3/2012, thị trường nội địa sụt giảm mạnh do nhiều nguyên nhân khách quan. Mặc dù, rất muốn xin điều chỉnh giảm chỉ tiêu kế hoạch, nhưng cuối cùng Ban điều hành (BDH) đã cố gắng xoay chuyển tình thế và vẫn giữ chỉ tiêu kế hoạch ban đầu bằng cách đẩy mạnh thị trường xuất khẩu để gánh doanh số cho nội địa.

Nắm bắt được tình hình chính trị giữa Nhật Bản và Trung Quốc căng thẳng do tranh chấp ở Biển Đông, khách hàng Nhật có xu hướng chuyển sang đặt hàng ở Việt Nam nên HDQT đã chỉ đạo phải nhanh chóng dành lấy các khách hàng tiềm năng này để tăng doanh thu xuất khẩu. Chính nhờ sự linh hoạt, xử lý tình huống kịp thời mà chúng tôi đã thực hiện khá tốt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, cụ thể:

- **Doanh thu Xuất khẩu** đạt 192,4 tỷ đồng, chiếm 83% tổng doanh thu toàn công ty, tăng 9% so với năm 2011, đạt 98,6% so với kế hoạch doanh thu xuất khẩu đã điều chỉnh. Trong đó, thị trường xuất khẩu chính của công ty là Châu Á chiếm 62%, Châu Âu chiếm 33% tổng doanh thu Xuất khẩu.
- **Doanh thu Nội địa** đạt 38,1 tỷ đồng, giảm 10,2% so với năm 2011, chiếm 17% tổng doanh thu toàn công ty, đạt 88,7% kế hoạch doanh thu nội địa đã đề ra. Dù sức mua giảm, nhưng mục tiêu của GDT là mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm nhằm khi thị trường có dấu hiệu hồi phục sẽ đáp ứng kịp thời nhu cầu của người tiêu dùng. Vì vậy, năm 2012 sản phẩm đồ dùng nhà bếp thương hiệu **Gỗ Đức Thành** và đồ chơi trẻ em thương hiệu **Winwintoys** đã được được bày bán thông qua 1.021 cửa hàng, đại lý trên toàn quốc, tăng 18,7% so với năm 2011 là 860 cửa hàng, đại lý. Doanh thu của khách hàng mới 6,9 tỷ đồng, chiếm 18% tổng doanh thu nội địa

2. Chỉ tiêu hiệu quả và hoạt động quản lý tài chính

Chỉ tiêu hiệu quả	2011	2012 (*)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	21,44%	16,53%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	28,80%	24,09%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	19,46%	16,56%

(*) Trong bối cảnh lạm phát như hiện nay, các loại chi phí: tiền lương nhân công, BHXH, BHYT, vật tư, hóa chất, điện, xăng, dầu đều tăng, trong khi đó giá bán đầu ra của thị trường xuất khẩu, thị trường nội địa đều không thể tăng tương xứng với tốc độ lạm phát, nên các chỉ tiêu hiệu quả của năm 2012 đều giảm so với năm 2011.

Công ty chủ trương quản lý tài chính một cách thận trọng và chặt chẽ để không gặp bất cứ rủi ro khách quan nào từ thị trường. Năm 2012, GDT đã cơ cấu lại nguồn vốn, tăng cường theo dõi sát tỉ giá ngoại tệ, biến động lãi suất giữa các thời kỳ, giữa các ngân hàng... để có những quyết định phù hợp, vì vậy lợi nhuận mang lại từ hoạt động tài chính trong năm 2012 vừa qua là một con số không nhỏ, xấp xỉ 5,2 tỷ đồng.

3. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2012

Vốn chủ sở hữu	:	160.709.500.594 đồng
Tài sản cố định hữu hình	:	33.749.855.430 đồng
Tài sản vô hình	:	12.727.872.823 đồng
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	10.372.365 cổ phiếu
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần	:	14.267 đồng

Lợi nhuận sau thuế trên 1 cổ phiếu của Công ty, EPS là 3.693 đồng/cổ phiếu.

Giá đóng cửa trên sàn Hose vào ngày 28/12/2012 là 15.000 đồng/cổ phiếu, như vậy chỉ số PE của cổ phiếu GDT là 4,1

4. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn lành mạnh với lượng tiền mặt là 35 tỷ đồng và đầu tư tài chính ngắn hạn là 47,9 tỷ đồng, chiếm 25,8% trên tổng tài sản. Vay ngắn hạn từ 12 tỷ đồng năm 2011 tăng đến 53,7 tỷ đồng năm 2012 và không có khoản vay dài hạn. Các khoản phải thu của khách hàng là 20,6 tỷ đồng.

Nợ phải trả là 96,4 tỷ đồng, trong đó vay ngắn hạn 53,7 tỷ đồng. Nợ phải trả và vay ngắn hạn tăng là do trong năm 2012 chính phủ ban hành chính sách cho vay ưu đãi cho các doanh nghiệp xuất khẩu với lãi suất thấp, công ty đã mạnh dạn vay để mua gỗ, vật tư, phụ liệu dự trữ hoặc ứng trước tiền hàng để hưởng ưu đãi tốt nhất từ các nhà cung cấp. Điều này đã góp phần giúp GDT đạt được những thành tựu đáng kể trong năm qua.

5. Hoạt động sản xuất

Dự đoán trước được khó khăn về đầu ra, nên BDH đã xác định phải đảm bảo sản xuất ngày càng hiệu quả, giảm chi phí tối đa. Tính đến ngày 31/12/2012, lợi nhuận ròng của công ty đạt 16,6% so với doanh thu. Có được kết quả này do:

- BDH tích cực tìm tòi, phát huy sáng kiến để tổ chức lại sản xuất, năng suất của công nhân được cải thiện rõ rệt.
- Công nhân được huấn luyện tay nghề khá đầy đủ và giữ được lực lượng lao động ổn định làm tăng năng suất lao động.
- Có sự phối hợp đồng bộ, ăn ý giữa bộ phận xuất khẩu, vật tư, sản xuất, quyết tâm đeo bám mục tiêu chất lượng sản xuất, giảm tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất và tận dụng nguồn phế liệu của nguyên liệu.



- Ban điều hành trẻ, năng động, nhiệt huyết và đầy sáng tạo trong công việc, đặc biệt dưới sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tâm của Bà Lê Hải Liễu - Nguyên Tổng Giám đốc công ty đã giúp cho BDH có những nhận định đúng đắn, kịp thời trong đường lối lãnh đạo.
- Duy trì được khả năng sản xuất với số lượng lớn mà vẫn đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận của khách hàng. Do đó, có rất nhiều khách hàng truyền thống và trung thành, đặt hàng liên tục hơn 10 năm qua.
- Hơn 21 năm thành lập đến nay GDT luôn tự hào chưa có bất kỳ cuộc đình công, lãng công nào xảy ra, chưa bao giờ trễ lương của người lao động, đây cũng chính là yếu tố quyết định giữ chân người lao động gắn bó, làm việc lâu năm với công ty.

6. Tình hình đầu tư mở rộng sản xuất

Năm 2012, GDT chỉ đầu tư xấp xỉ 1 tỷ đồng để mua thêm trang thiết bị, máy móc, xây dựng hệ thống hút ẩm công nghiệp cho xưởng sản xuất ở Tân Uyên, Bình Dương... phục vụ cho sản xuất.

Về dự án mở rộng nhà máy ở Tân Uyên, Bình Dương. UBND tỉnh Bình Dương đã phê duyệt chủ trương mở rộng nhà máy. GDT đã mua 6.972m² đất để xây dựng nhà máy và mua thêm 400 m² đất để làm đường đi, tổng trị giá 4,05 tỷ đồng.

Tuy nhiên trong giai đoạn kinh tế còn nhiều bất ổn, đầu tư mở rộng nhà máy trong thời điểm này sẽ gặp nhiều rủi ro nên HĐQT công ty đã quyết định tạm ngưng việc xây dựng nhà máy theo nghị quyết số 11-12/NQ-ĐT, ngày 27/7/2012.

7. Bổ nhiệm thành viên cấp cao

GDT tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức nhân sự và bổ nhiệm các nhân sự giữ chức vụ chủ chốt theo năng lực phù hợp trong giai đoạn chuyển giao điều hành công ty giữa hai thế hệ:

Về mặt điều hành, đã bổ nhiệm:

- Ông Lê Hồng Thắng từ Phó Tổng Giám đốc lên Quyền Tổng Giám đốc.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền từ Trưởng phòng HCNS lên Giám đốc HCNS.

Về mặt quản lý, đã bổ nhiệm:

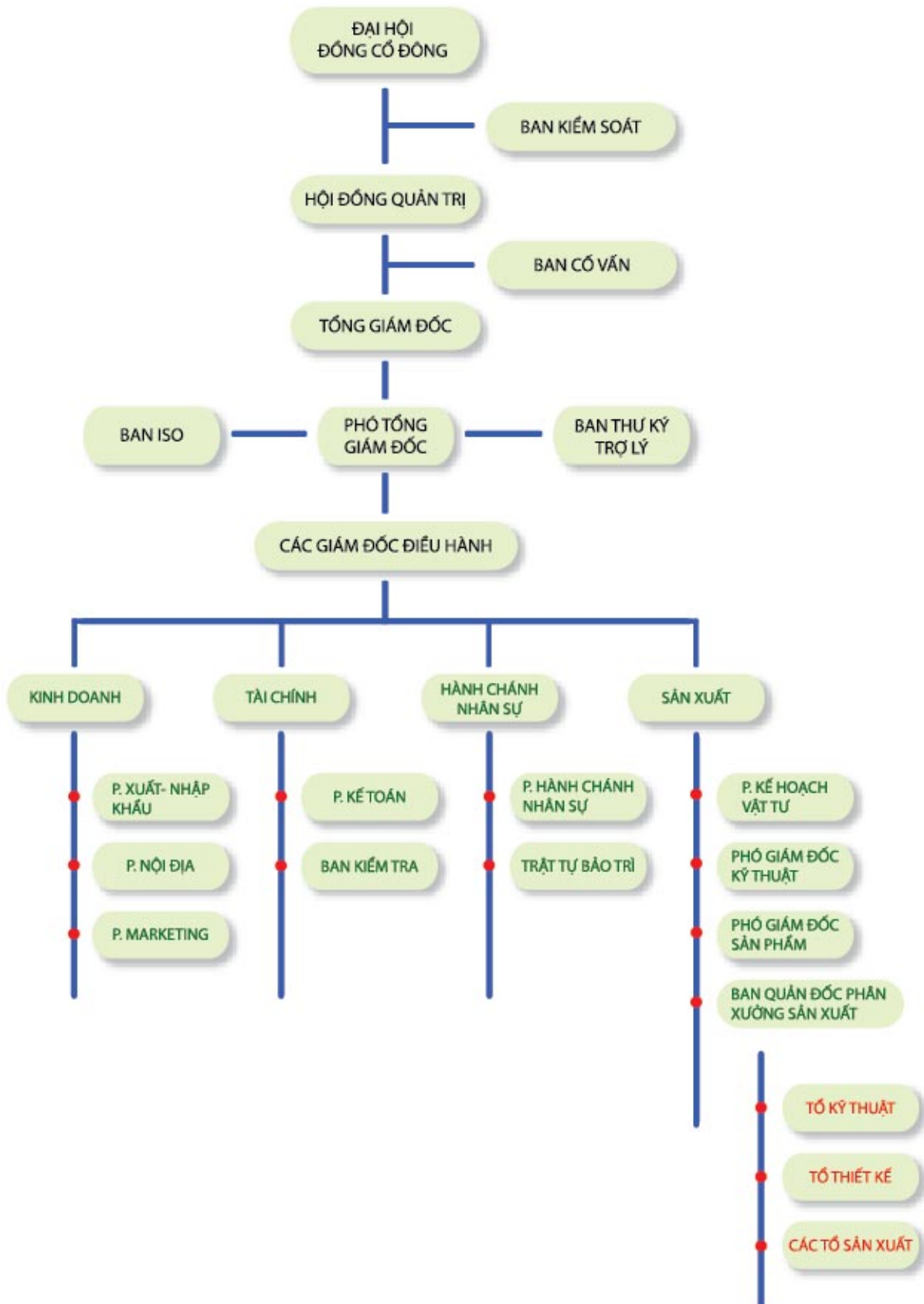
- Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc từ Thư ký Ban TGD làm Trưởng Ban kiểm tra.
- Bà Nguyễn Thị Hồng Liên từ nhân viên phòng xuất khẩu làm Phó phòng xuất khẩu.
- Ông Trần Quang Khải từ nhân viên kế hoạch tổng hợp làm Phó phòng kế hoạch tổng hợp.
- Bà Trần Thị Kim Cương từ Thư ký Ban TGD làm Phó phòng Marketing.

8. Lương thưởng của Ban điều hành

Các khoản lương và thưởng của Ban điều hành trong năm 2012 là: 1.528.558.000 đồng, giảm 60% so với lương, thưởng của BDH năm 2011 (3.777.340.000 đồng). Do trong năm 2012 là giai đoạn chuyển giao thành viên lãnh đạo từ Bà Lê Hải Liễu nguyên Tổng giám đốc sang Ông Lê Hồng Thắng quyền Tổng giám đốc nên Bà Liễu không nhận lương nữa, nhưng vẫn tích cực hỗ trợ Ban điều hành mới nhằm tiết giảm chi phí, đem lại lợi nhuận tốt nhất cho các cổ đông trong thời buổi kinh tế toàn cầu và Việt Nam gặp nhiều khó khăn, hơn 40.000 doanh nghiệp rơi vào phá sản, giải thể. Đồng thời tập thể CB - CNV GDT đã đồng tâm, hiệp lực hết mình để vượt qua khó khăn, thử thách và hoàn thành được 93,8% kế hoạch lợi nhuận trước thuế.

9. Hoạt động tổ chức và nhân sự

Sơ đồ tổ chức



Lực lượng lao động là thành phần không thể thiếu trong mọi hoạt động của Công ty, GDT luôn tự hào khi có được một đội ngũ những người lao động trung thành, luôn đoàn kết cùng nhau và làm việc vì lợi ích chung.



Tính đến ngày 31/12/2012, tổng số nhân viên của GDT là 982 người, trong đó:

- Có 828 lao động trực tiếp sản xuất và 154 lao động gián tiếp.
- Có 1 nhân viên trình độ thạc sĩ, 48 trình độ đại học, 30 trình độ cao đẳng và 28 trình độ trung cấp chuyên nghiệp.

Với nền tảng hơn 20 năm qua, GDT chưa bao giờ phải đối mặt với những cuộc đình công, lãn công... Đây là niềm tự hào của Công ty, mà cũng là điều GDT luôn được các đối tác tin cậy và là lựa chọn hàng đầu của khách hàng... bởi khả năng cung cấp sản phẩm đúng hẹn đối với những đơn hàng lớn.

Để đảm bảo người lao động được hưởng tất cả quyền lợi nhằm gắn bó lâu dài với Công ty, ngoài việc thực hiện các chế độ theo Luật lao động, tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, GDT còn tự nguyện mua bảo hiểm tai nạn con người 24/24 giờ cho toàn thể CB - CNV, có nhiều chính sách hỗ trợ giúp người lao động có hoàn cảnh khó khăn hoặc khi gặp tai nạn v.v....

Nhằm ổn định cuộc sống cho CB - CNV, GDT luôn kịp thời tăng lương, tăng thêm các khoản trợ cấp phù hợp với tình hình biến động giá trên thị trường, giúp anh em cải thiện thu nhập. Chế độ khen thưởng gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh cũng đã khuyến khích tinh thần làm việc, sáng tạo của anh em.

Ngoài các chế độ đãi ngộ trên, GDT còn chú trọng đến sức khỏe và môi trường làm việc của người lao động. Trong năm qua, GDT đã được UBND TPHCM cấp giấy Chứng nhận là doanh nghiệp xanh. Đây là kết quả của sự phấn đấu không ngừng và là niềm tự hào đối với Ban điều hành và CB - CNV Công ty Gỗ Đức Thành để đạt được chứng nhận này.

Tất cả những điều trên cho thấy GDT luôn đề cao vai trò của người lao động đối với sự phát triển của Công ty.

10. Các hoạt động xã hội

Tiếp nối truyền thống tương thân tương ái đã có từ trước đến nay của Công ty Gỗ Đức Thành, Ban điều hành và toàn thể CB - CNV đã luôn đồng lòng, đoàn kết trong các hoạt động xã hội, từ thiện...

Cùng với các chương trình ủng hộ xây cầu, xây trường học, bệnh viện, hỗ trợ giúp người nghèo... năm qua, Gỗ Đức Thành lại tiếp tục với các hoạt động từ thiện thiết thực khác.

- Ủng hộ khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo ở vùng sâu vùng xa.
- Tài trợ bệnh nhi tại Bệnh viện ung bướu vui Noel.
- Tặng đồ chơi cho trẻ em bị bệnh hiểm nghèo và khuyết tật tại các bệnh viện và mái ấm tình thương.

Song song với công tác xã hội, việc chăm lo tốt cho đời sống CB - CNV cũng được GDT quan tâm, khi có nhân viên gặp khó khăn, bệnh tật, Công ty luôn hỗ trợ kịp thời và đồng hành cùng người lao động. Ngoài ra, GDT luôn có các chương trình hỗ trợ khó khăn, trợ giá khi có lạm phát cho người lao động; Tổ chức tiêm ngừa bệnh Rubella miễn phí, Tổ chức các buổi nói chuyện, tư vấn sức khỏe cho chị em phụ nữ v.v...

Bên cạnh đó, Công ty cũng không quên chăm sóc tốt nhất cho CB - CNV, bằng các hoạt động định kỳ như hoạt động ngoại khóa, tạo sân chơi lành mạnh: tổ chức đi du lịch hàng năm, hội thi bàn tay vàng, câu lạc bộ đá bóng, Thi nam nữ thanh lịch... nhằm giúp CB - CNV có thời gian gặp gỡ, tạo sự gần gũi, thân thiện nhau hơn.



PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

Năm 2012 kết thúc, nhiều dự báo về tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2013 đã được đưa ra. Dù có đôi chút chênh lệch nhưng tất cả đều có chung nhận định kinh tế thế giới năm 2013 sẽ có mức tăng trưởng chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Tuy nhiên, căn cứ vào những thành quả mà GDT đã đạt được trong thời gian qua, HĐQT đã động viên và BDH Công ty sẽ cố gắng hết sức để đảm nhận kế hoạch phải tăng trưởng doanh thu cho năm 2013 trong bối cảnh còn quá nhiều khó khăn. Cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	Tăng trưởng
1	Tổng doanh thu	231,284	243,625	105,34%
	- Doanh thu xuất khẩu	192,494	198,075	102,89%
	- Doanh thu nội địa	38,132	45,000	118,01%
	- Doanh thu cho thuê xưởng	658	550	83,58%
2	Tổng chi phí	184,207	195,121	105,92%
3	Lợi nhuận sản xuất kinh doanh trước thuế	47,077	48,504	103,03%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	38,303	66,378	173,29%
	- Lợi nhuận sau thuế từ SXKD (*)	38,303	36,378	94,97%
	- Lợi nhuận sau thuế thu được dự kiến nếu chuyển nhượng khu đất Mỹ Phước 2, BD	0	30,000	100%

(*) Năm 2012 được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), trong khi năm 2013 chưa có chính sách giảm thuế TNDN. Vì vậy, lợi nhuận sau thuế năm 2013 dự kiến giảm so với 2012 là do yếu tố khách quan.

NĂM 2013, GDT SẼ TẬP TRUNG VÀO 4 ĐỊNH HƯỚNG SAU:

1. Cố hết sức để vực dậy thị trường Nội địa.

Thị trường tiêu thụ trong nước vẫn sụt giảm từ năm 2011 đến nay mặc dù Nhà nước đã có nhiều chính sách kích cầu để hỗ trợ nền kinh tế trong nước. Hy vọng bước qua năm 2013 thị trường nội địa sẽ có sự khởi sắc, chu kỳ hình sin sau khi xuống đáy sẽ quay đầu đi lên và người tiêu dùng sẽ không còn quay lưng lại với việc chi tiêu nữa....

Dựa vào niềm hy vọng đó, BDH đề ra kế hoạch doanh thu năm 2013 cho Nội địa là 45 tỷ đồng, tăng 18% so với năm trước. Để đạt được kế hoạch này, GDT sẽ đẩy mạnh hoạt động Marketing nội địa, cải tạo nâng cấp đội ngũ thiết kế, để trung bình mỗi quý sẽ có thêm 10 sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng.

2. Củng cố và đẩy mạnh thị trường Xuất khẩu.

Dù đã có chỗ đứng trên thị trường của nhiều nước trên khắp thế giới, song hành trình xuất khẩu của ngành gỗ Việt Nam trong năm 2013 vẫn được đánh giá còn nhiều gian nan. Vì vậy, BDH GDT tập trung củng cố doanh số xuất khẩu bằng cách chăm sóc thật tốt các khách hàng truyền thống, tăng cường hiệu quả của việc tham dự hội chợ Quốc tế, nâng dần tỷ trọng thị trường xuất khẩu châu Á do nhu cầu tiêu thụ tại đây có xu hướng tăng cao, vì vậy BDH đề ra kế hoạch doanh thu Xuất khẩu năm 2013 là 198,075 tỷ đồng, tăng 3% so với năm trước.

Xây dựng lực lượng nhân sự, kế hoạch marketing để mở rộng thị trường xuất khẩu với kinh phí 1 tỷ đồng, chiếm 0,5% doanh thu kế hoạch, đẩy mạnh thiết kế sản phẩm hàng nhà bếp và hàng gia dụng để giới thiệu sản phẩm mới cho khách hàng.

3. Đảm bảo hiệu quả sản xuất với chi phí thấp nhất.

BDH sẽ theo dõi sát thị trường gỗ nguyên liệu và mua dự trữ ở mức giá hợp lý để đảm bảo Công ty luôn đủ gỗ để thực hiện các đơn hàng xuất khẩu và giá bán phù hợp.

Tiếp tục nghiên cứu và tìm kiếm nguồn nguyên liệu khác thay thế gỗ cao su như: gỗ xoài, gỗ xà cừ, các loại ván ép công nghiệp... với giá rẻ, phù hợp, tránh rủi ro do phụ thuộc vào gỗ cao su. Nhưng vẫn đảm bảo đặc tính an toàn, chất lượng cho sản phẩm.

4. Sử dụng nguồn lực hợp lý.

Huy động sức sáng tạo, sự đóng góp của toàn bộ đội ngũ CB - CNV, duy trì lành mạnh trung thực trong giao dịch với các nhà cung cấp, các đối tác và với khách hàng, ứng dụng các công cụ quản lý hiện đại.

Tập trung tìm kiếm bổ sung các vị trí quản lý còn trống, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý nòng cốt, bổ sung vào các vị trí quản lý chuyên môn để tạo nên giá trị ổn định nhất.

Tiết giảm chi phí sản xuất trong giai đoạn kinh tế khó khăn, đảm bảo tình trạng tài chính của Công ty luôn lành mạnh, sử dụng vốn vay ở mức thấp và hiệu quả nhất.

BDH sẽ phối hợp với các công ty tư vấn, nỗ lực tiếp tục tìm kiếm đơn vị chuyển nhượng 10 ha đất ở khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Bình Dương để đem về lợi nhuận sau thuế cho Công ty ước tính khoảng 30 tỷ đồng.

TM. Ban điều hành

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ HỒNG THẮNG



THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2010 - 2014 có 3 thành viên, trong đó có 1 thành viên tham gia quản lý tại Công ty và 2 thành viên độc lập. Điều này giúp các hoạt động của Ban kiểm soát mang tính khách quan và trung thực.

1 Bà Trương Nữ Minh Ngọc Trưởng ban



Sinh năm : 11/11/1978.
 Trình độ : Cử nhân Ngoại thương, Đại học ngoại thương Tp.HCM và Thạc sĩ QTKD của trường Southern Illinois University, Mỹ.
 Từ 2007 đến nay, Bà là Trưởng phòng đầu tư của Quỹ đầu tư BI Private Equity New Markets K/S (PENM), Tập đoàn BankInvest.
 Bà là thành viên của Hiệp hội kế toán viên công chứng Anh quốc (ACCA).
 2005 - 2006 : Chuyên viên tài chính Quỹ đầu tư VinaCapital.
 2000 - 2005 : Kiểm toán cao cấp tại PricewaterhouseCoopers.

Bà Nguyễn Thị Hương Huyền Thành viên

2

Sinh năm : 31/01/1972
 Trình độ : Cử nhân Kế toán - Đại học Kinh tế, TP.HCM
 2010 - nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Liên Á Quốc Tế
 2005 - 2010 : Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính Công ty gỗ Đức Thành
 1994 - 2005 : Kế toán tổng hợp kiêm Trưởng ban kế toán Công ty Liên Doanh Hoa Việt



3 Bà Trương Thị Bình Thành viên



Ngày sinh : 11/4/1971
 Trình độ : Cử nhân ngoại ngữ
 11/2011 - nay : Trưởng phòng kinh doanh Xuất khẩu Công ty gỗ Đức Thành
 2009 - 11/2011 : Phó phòng kinh doanh Xuất khẩu Công ty gỗ Đức Thành
 1996 - 2009 : Nhân viên kinh doanh Xuất khẩu Công ty gỗ Đức Thành

Kính thưa Quý cổ đông,

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần chế biến gỗ Đức Thành đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Căn cứ quy chế hoạt động của Công ty niêm yết.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần chế biến gỗ Đức Thành (GDT) xin báo cáo về các mặt hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2012 và phương hướng 2013 như sau:

KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2012:**1. Cơ cấu tổ chức:**

Ban kiểm soát (BKS) trong năm qua không có sự thay đổi lớn về nhân sự. Chỉ đến tháng 12/2012, Bà Ngọc đã có đơn xin từ nhiệm theo lộ trình thoái vốn của BankInvest. Cụ thể:

- Bà Trương Nữ Minh Ngọc - Trưởng ban, từ nhiệm ngày 01/12/2012
- Bà Nguyễn Thị Hương Huyền - Thành viên.
- Bà Trương Thị Bình - Thành viên.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát (BKS):

Trong năm 2012, BKS đã thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát phần lớn các hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của GDT trên cơ sở các quy định của Pháp luật, điều lệ Công ty và các yêu cầu của chủ sở hữu. Nội dung cụ thể các công việc gồm:

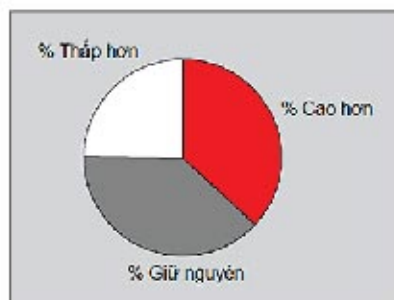
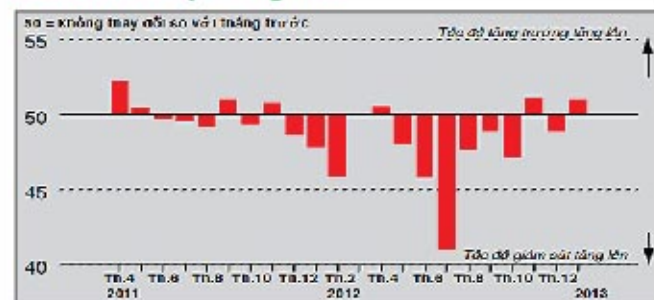
- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng tháng, quý, phân công trách nhiệm cho các thành viên BKS thực hiện theo chức năng nhiệm vụ đã được quy định.
- Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị (HĐQT) theo định kỳ.
- Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐ CĐ), nghị quyết HĐQT và kế hoạch kinh doanh 2012.
- Công tác kiểm tra, giám sát của BKS được thực hiện theo định kỳ, kịp thời nắm bắt thực trạng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh của Công ty, nhằm phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành và kiểm soát nội bộ.

3. Kết quả kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2012:

Tình hình chung, năm 2012 tiếp tục chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, việc sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn.

Theo khảo sát của HSBC ngày 1/2/2013, thì lượng đơn hàng xuất khẩu mới trong năm 2012 có mức độ giảm sút đáng kể (*xem biểu đồ*), doanh thu thấp, lợi nhuận giảm, một số doanh nghiệp chỉ hoạt động cầm chừng.

Chỉ số đơn đặt hàng mới



Số lượng đơn hàng mới tăng lần thứ hai trong ba tháng qua, mặc dù mức tăng khá nhẹ. Gần 37 thành viên tham gia khảo sát cho biết số lượng đơn đặt hàng mới tại doanh nghiệp tăng, trong khi gần 25% phản hồi giảm. Các công ty báo cáo số lượng đơn đặt hàng mới tăng là do doanh số bán hàng ở thị trường trong nước được cải thiện. Trong khi đó, số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới tiếp tục giảm.

Tuy nhiên, theo Báo cáo tài chính 2012 của GDT đã được kiểm toán thì doanh thu đạt 96,9% so với kế hoạch cả năm, tăng 5,3% so với năm 2011. Thể hiện sự nỗ lực của toàn thể CB - CNV Công ty trong việc tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh.

BKS thống nhất với nội dung của Báo cáo tài chính năm 2012 đã được Ban điều hành (BDH), Phòng Kế toán của GDT lập và được Công ty TNHH Ernst and Young kiểm toán. Báo cáo tài chính đã phản ánh chính xác tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ 1/1/2012 đến 31/12/2012 phù hợp với các quy định của hệ thống kế toán hiện hành.

Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Tổng doanh thu : 231.283.509.538 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 47.076.875.835 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN : 38.302.863.214 đồng
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL : 36,93 %

4. Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Công ty vẫn chủ trương duy trì hiệu quả kinh doanh cao trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành. Đây là một nhiệm vụ quan trọng, đặc biệt là trong giai đoạn khó khăn chung toàn cầu và cơ sở Pháp lý rất nghiêm ngặt của Công ty đại chúng có cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE).

Công ty đã tuân thủ tốt các quy trình hoạt động theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ. Hệ thống kiểm soát nội bộ tốt, tuân thủ các yêu cầu của chuẩn mực kế toán và các chế độ kế toán hiện hành, Công ty đã đề ra phương pháp quản lý các bộ phận theo ngân sách đạt kết quả tốt và các quy định về quản lý tài chính trong Công ty.

Tất cả các nghị quyết của ĐHĐ CĐ đều được HĐQT triển khai chi tiết trong các kỳ họp và thực hiện kiểm tra, kiểm điểm định kỳ về tình hình thực hiện và đánh giá hiệu quả việc thực hiện để đưa ra hướng điều chỉnh phù hợp.

Trong năm 2012, BKS đã tiến hành họp định kỳ đầy đủ 6 kỳ theo đúng quy chế, điều lệ Công ty.

5. Công tác giám sát, kiểm tra thực hiện quy chế quản trị nội bộ công ty.

Trong năm qua, các thành viên BKS thường xuyên trao đổi với BDH, bộ phận tài chính, bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện các chức năng kiểm soát. BKS đánh giá cao việc Công ty đã tăng cường kiểm tra giám sát, quyết đoán trong xử lý sai phạm, tăng cường đội ngũ cán bộ có tay nghề cao, đạo đức tốt, tuân thủ các quy định công ty, tích cực giảm thiểu chi phí duy trì tỷ suất lợi nhuận cao cho Công ty.

6. Trình độ, khả năng và mức độ độc lập của công ty kiểm toán.

Để tăng cường độ khách quan, năm 2012 GDT đã chọn Công ty kiểm toán mới là Công ty TNHH Ernst and Young là đơn vị kiểm toán chuyên nghiệp, thực hiện kiểm toán độc lập và báo cáo tài chính GDT theo các chuẩn mực của kế toán hiện hành.

Năm 2012 vẫn là năm hoạt động còn nhiều khó khăn, BKS nhận thấy Công ty gặp nhiều thách thức trong các hoạt động. Dù vậy, hoạt động chung của Công ty vẫn duy trì ở mức tốt, đồng thời chăm lo rất nhiều cho đời sống CB - CNV, tỷ lệ chi phí nhân công 2012 vẫn tăng, trong khi tỷ suất chi phí giảm.

Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình, BKS đánh giá rất cao BDH và các Phòng ban liên quan đã tổ chức việc rà soát công tác kiểm kê, tăng cường giám sát khâu xử lý số liệu sau kiểm kê, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các sai sót, tránh ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.

KẾ HOẠCH LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2013

Thẩm định, góp ý kịp thời cho các báo cáo tài chính tháng, quý, năm 2013.

- Đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết HĐQT cho các cuộc họp HĐQT.
- Kiểm tra đảm bảo tài liệu họp ĐHĐ CĐ và họp HĐQT đầy đủ và được gửi các thành viên HĐQT đúng thời hạn.
- Lựa chọn kịp thời, đảm bảo tính độc lập và tin cậy của kiểm toán độc lập cho năm 2013; Làm việc, thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán, những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty.
- Giám sát, góp ý cho công ty trong việc đảm bảo tính tuân thủ pháp luật, điều lệ công ty trong một số vấn đề chính như: niêm yết, công bố thông tin, các phê duyệt, nghị quyết...
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT do công ty tổ chức.

Cuối cùng, trong niềm phấn khởi được xác nhận kết quả kinh doanh năm 2012 thành công tốt đẹp, BKS trân trọng cảm ơn HĐQT, BDH và các phòng ban Công ty Gổ Đức Thành đã sự hỗ trợ, tạo điều kiện cho BKS hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian qua.

Ban kiểm soát hy vọng năm 2013, GDT sẽ tiếp tục phát huy khả năng của mình, gặt hái nhiều thành công hơn nữa, biến những thách thức, khó khăn thành động lực, cơ hội để hoàn thành kế hoạch đề ra.

Xin chân thành cảm ơn!

TM. Ban Kiểm Soát



NGUYỄN THỊ HƯƠNG HUYỀN



• **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty ngày 14 tháng 3 năm 2013**

	Tên cổ đông	Số CMND/ GCNĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần hiện tại	Tỉ lệ (%)
1	Bà Lê Hải Liễu	020 343 551	1/101 Hà Huy Tập, P.Tân Phong, PMH, Q.7, TP.HCM	4.263.429	41,10%
2	Bà Vũ Tuyết Phương	023 997 113	133/5 Lê Văn Thọ , P.11, Q . Gò Vấp, TP.HCM	703.000	6,78%
TỔNG CỘNG				4.966.429	47,88%

• **Tỉ lệ sở hữu của thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát và Ban điều hành tính đến ngày 14 tháng 3 năm 2013**

STT	Tên	Số CMND	Chức danh	Số lượng cổ phiếu sở hữu	
				Số lượng	Tỉ lệ sở hữu
I Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành					
1	Bà Lê Hải Liễu	020 343 551	Chủ tịch HĐQT	4.263.429	41,10%
2	Ông Lê Hồng Thắng	022 768 118	Ủy viên HĐQT	200.000	1,93%
3	Ông Lê Hồng Thành	022 760 219	Ủy viên HĐQT	196.660	1,90%
4	Ông Nguyễn Công Hiếu	020 343 136	Ủy viên HĐQT	5.000	0,05%
5	Ông Nguyễn Kim Lê Chuyên	023 424 666	Ủy viên HĐQT	25.000	0,24%
6	Ông Trần Xuân Nam	021 838 536	Ủy viên HĐQT	-	-
7	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	024 183 985	Giám đốc HCNS	9.800	0,09%
TỔNG CỘNG				4.699.889	45,31%

II Ban Kiểm Soát

1	Bà Nguyễn Thị Hương Huyền	022 824 240	Thành viên BKS	5.200	0,05%
2	Bà Trương Thị Bình	024 559 087	Thành viên BKS	880	0,01%
TỔNG CỘNG				6.080	0,06%

• **Giao dịch của cổ đông nội bộ**

Không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ diễn ra trong năm 2012

Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 14 tháng 3 năm 2013

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Cổ đông nội bộ						
Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành	4.699.889	45,31%	-	-	4.699.889	45,31%
Ban kiểm soát	6.080	0,06%	-	-	6.080	0,06%
Các cổ đông khác trong công ty	560.390	5,40%	-	-	560.390	5,40%
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng cổ đông nội bộ	5.266.359	50,77%	-	-	5.266.359	50,77%
Cổ đông ngoài công ty						
Cá nhân	3.558.136	34,31%	610.070	5,88%	4.168.206	40,19%
Tổ chức	216.040	2,08%	721.760	6,96%	937.800	9,04%
Tổng cộng cổ đông ngoài	3.774.176	36,39%	1.331.830	12,84%	5.106.006	49,23%
Tổng cộng toàn công ty	9.040.535	87,16%	1.331.830	12,84%	10.372.365	100,00%



The background of the page is a soft-focus photograph of green leaves, likely from a plant like a peace lily, creating a natural and fresh aesthetic.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành (Công ty) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Hồng Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Số tham chiếu: 61001277/15748953

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành ("Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 33 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Các báo cáo tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo kiểm toán ngày 29 tháng 3 năm 2012, đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Yung Vu

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Narciso T. Torres Jr

Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: N.0868/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Lê Quang Minh

Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0426/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

B01-DN

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		171.402.494.751	119.490.437.282
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	34.976.093.331	39.610.796.496
111	1. Tiền		1.576.093.331	430.096.496
112	2. Các khoản tương đương tiền		33.400.000.000	39.180.700.000
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn	5	47.900.000.000	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		47.900.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		22.586.275.781	18.154.346.762
131	1. Phải thu khách hàng		20.675.506.279	14.889.596.262
132	2. Trả trước cho người bán		1.465.115.479	2.423.787.205
135	3. Các khoản phải thu khác		445.654.023	840.963.295
140	IV. Hàng tồn kho	6	61.736.293.239	58.949.446.815
141	1. Hàng tồn kho		62.736.293.239	63.349.446.815
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.000.000.000)	(4.400.000.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.203.832.400	2.775.847.209
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		559.730.450	665.124.106
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.958.804.710	1.287.421.222
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	55.592.419
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		1.685.297.240	767.709.462
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		85.693.177.552	86.757.357.863
220	I. Tài sản cố định		55.886.231.165	64.410.629.497
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	33.749.855.430	38.224.294.356
222	Nguyên giá		71.424.160.846	73.491.193.911
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(37.674.305.416)	(35.266.899.555)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	12.727.872.823	8.851.208.316
228	Nguyên giá		15.084.334.013	11.065.503.913
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.356.461.190)	(2.214.295.597)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	9.408.502.912	17.335.126.825
260	II. Tài sản dài hạn khác		29.806.946.387	22.346.728.366
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	27.856.083.680	21.423.735.978
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	19.3	1.680.862.707	805.992.388
268	3. Tài sản dài hạn khác		270.000.000	117.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		257.095.672.303	206.247.795.145

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

B01-DN

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		96.386.171.709	48.893.776.443
310	I. Nợ ngắn hạn		92.963.476.709	41.890.538.932
311	1. Vay ngắn hạn	11	53.732.904.022	11.634.749.908
312	2. Phải trả người bán		9.913.495.842	6.279.001.951
313	3. Người mua trả tiền trước		2.615.435.816	2.714.662.306
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	5.634.079.195	2.129.980.651
315	5. Phải trả người lao động		3.450.345.000	3.902.005.415
316	6. Chi phí phải trả	13	12.575.178.280	9.870.630.055
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		1.695.075.564	964.343.343
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.346.962.990	4.395.165.303
330	II. Nợ dài hạn		3.422.695.000	7.003.237.511
333	1. Phải trả dài hạn khác		2.422.695.000	2.100.247.500
339	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.000.000.000	4.902.990.011
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		160.709.500.594	157.354.018.702
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	160.709.500.594	157.354.018.702
411	1. Vốn cổ phần		103.723.650.000	103.723.650.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.856.593.370	2.856.593.370
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.688.104.867	7.772.961.706
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		8.981.235.647	7.066.092.486
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		35.459.916.710	35.934.721.140
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		257.095.672.303	206.247.795.145

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	27.590	2.268



Trần Nguyễn Việt Trung
Người lập



Bùi Phương Thảo
Kế toán trưởng



Lê Hồng Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B02-DN

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	231.931.578.511	220.745.752.164
02	2. Các khoản giảm trừ	16.1	(648.068.973)	(1.060.358.596)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	231.283.509.538	219.685.393.568
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(162.021.118.345)	(146.357.801.729)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		69.262.391.193	73.327.591.839
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	7.067.983.362	7.643.670.334
22	7. Chi phí tài chính	17	(1.884.623.178)	(2.844.772.647)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay		(1.534.488.869)	(1.772.829.990)
24	8. Chi phí bán hàng		(13.491.877.568)	(12.475.522.698)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(15.024.091.923)	(18.435.070.876)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		45.929.781.886	47.215.895.952
31	11. Thu nhập khác	18	1.248.194.533	3.172.992.451
32	12. Chi phí khác	18	(101.100.584)	(1.099.109.587)
40	13. Lợi nhuận khác	18	1.147.093.949	2.073.882.864
50	14. Lợi nhuận trước thuế		47.076.875.835	49.289.778.816
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.1	(9.648.882.940)	(6.962.451.483)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	19.3	874.870.319	434.121.927
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		38.302.863.214	42.761.449.260
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15	3.693	4.123



Trần Nguyễn Việt Trung
Người lập

Ngày 25 tháng 3 năm 2013



Bùi Phương Thảo
Kế toán trưởng



Lê Hồng Thắng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

B03-DN

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		47.076.875.835	49.289.778.816
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản	7, 8	4.582.971.353	4.598.347.082
03	Các khoản dự phòng		(3.400.000.000)	(1.100.000.000)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	16.2	(228.877.931)	(13.607.683)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.068.481.244)	(5.278.308.503)
06	Chi phí lãi vay	17	1.534.488.869	1.772.829.990
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		43.496.976.882	49.269.039.702
09	Tăng các khoản phải thu		(5.621.493.859)	(2.322.441.449)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		671.707.806	(23.803.762.949)
11	Tăng các khoản phải trả		2.966.349.735	6.510.903.859
12	Giảm chi phí trả trước		1.650.178.886	2.335.026.187
13	Tiền lãi vay đã trả		(1.480.435.290)	(1.772.829.990)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.195.381.761)	(6.539.357.059)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		110.852.000	609.353.884
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.893.178.635)	(5.055.826.984)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		30.705.575.764	19.230.105.201
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(4.494.104.783)	(3.009.201.279)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		40.454.545	2.865.259.015
23	Tiền gửi ngân hàng		(47.900.000.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		5.924.000.973	5.907.072.348
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(46.429.649.265)	5.763.130.084
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay đã nhận		117.207.415.387	84.312.202.306
34	Tiền chi trả nợ vay		(75.012.187.681)	(95.330.677.506)
36	Cổ tức đã trả	14.2	(31.110.165.000)	(20.744.730.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		11.085.062.706	(31.763.205.200)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B03-DN

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(4.639.010.795)	(6.769.969.915)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	39.610.796.496	46.389.923.510
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.307.630	(9.157.099)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	34.976.093.331	39.610.796.496



Trần Nguyễn Việt Trung
Người lập

Ngày 25 tháng 3 năm 2013



Bùi Phương Thảo
Kế toán trưởng



Lê Hồng Thắng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành (Công ty) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000126 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 8 tháng 8 năm 2000 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Điều chỉnh sau:

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Điều chỉnh

Ngày

Điều chỉnh lần thứ 1
Điều chỉnh lần thứ 2
Điều chỉnh lần thứ 3
Điều chỉnh lần thứ 4
Điều chỉnh lần thứ 5
Điều chỉnh lần thứ 6
Điều chỉnh lần thứ 7
Điều chỉnh lần thứ 8
Điều chỉnh lần thứ 9
Điều chỉnh lần thứ 10
Điều chỉnh lần thứ 11
Điều chỉnh lần thứ 12
Điều chỉnh lần thứ 13
Điều chỉnh lần thứ 14
Điều chỉnh lần thứ 15

ngày 8 tháng 8 năm 2000
ngày 1 tháng 7 năm 2002
ngày 9 tháng 12 năm 2002
ngày 17 tháng 1 năm 2003
ngày 30 tháng 7 năm 2004
ngày 3 tháng 3 năm 2005
ngày 9 tháng 6 năm 2006
ngày 27 tháng 7 năm 2006
ngày 13 tháng 10 năm 2006
ngày 11 tháng 12 năm 2006
ngày 30 tháng 1 năm 2007
ngày 17 tháng 4 năm 2007
ngày 12 tháng 3 năm 2008
ngày 9 tháng 1 năm 2009
ngày 13 tháng 1 năm 2012

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các đồ gỗ gia dụng, cán chổi, cán cờ, ván ghép và đồ chơi trẻ em bằng gỗ.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại số 21/6D Phan Huy ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty cũng có một (1) nhà máy tại Khu 9, Ấp Tân Hội Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam; và hai (2) phòng trưng bày tại số 172 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và số 021 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 982 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.041).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ) phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam (CMKTVN) do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);



- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Các báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, bên cạnh việc tiếp tục áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("CMKTVN số 10") như trong các năm trước, Công ty bắt đầu thực hiện Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179").

Theo Thông tư 179, tại thời điểm cuối năm, các khoản tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Trong năm 2011, Công ty sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày báo cáo để thực hiện việc quy đổi này.

Thông tư 179 được áp dụng từ năm 2012 trên cơ sở phi hồi tố. Việc thay đổi từ sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng sang sử dụng tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại trong việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm không có ảnh hưởng trọng yếu đến các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 xét trên khía cạnh tổng thể.

3.2 Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và sản phẩm dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty, dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả kinh doanh.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



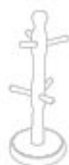


3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.



Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.



Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất



Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất được phân bổ hao mòn theo thời gian sử dụng hữu ích, ngoại trừ quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng vô thời hạn không được phân bổ hao mòn.



3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:



Nhà cửa, vật dụng kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	3 - 9 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	40 - 46 năm
Phần mềm kế toán	3 - 5 năm

3.8 Chi phí đi vay



Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.9 Chi phí trả trước



Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản phải trả và trích trước



Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả



Trợ cấp thôi việc phải trả cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo năm cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc theo

Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo năm theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc niên độ. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 42 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo CMKTVN số 10 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm trước. Bên cạnh CMKTVN số 10, bắt đầu từ năm 2012, Công ty áp dụng Thông tư 179 đối với các nghiệp vụ ngoại tệ như được trình bày trong Thuyết minh 3.1.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán VNĐ của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế, trước khi trích lập các quỹ, phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như một khoản nợ phải trả.





3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành



Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.



Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại



Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.



Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng và các khoản lỗ tính thuế, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các ưu đãi thuế chưa sử dụng và các khoản lỗ tính thuế này.



Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Doanh thu và lợi nhuận cho Công ty chủ yếu từ hoạt động sản xuất và bán các sản phẩm đồ gỗ và Công ty không có hoạt động sản xuất và/hoặc bán trực tiếp các sản phẩm đồ gỗ bên ngoài Việt Nam, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của toàn Công ty, do vậy Ban Giám đốc Công ty giả định rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và bán sản phẩm đồ gỗ và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là Việt Nam.

3.18 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (Thông tư 210) do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và các khoản tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, và các khoản vay.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VNĐ	
Tiền mặt	249.849.939	133.934.558
Tiền gửi ngân hàng	1.326.243.392	296.161.938
Các khoản tương đương tiền	33.400.000.000	39.180.700.000
TỔNG CỘNG	34.976.093.331	39.610.796.496

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn có kỳ hạn một tháng, hai tháng và ba tháng với lãi suất từ 6,5% đến 9,0%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn hơn ba tháng với lãi suất từ 6,5%/năm đến 9,0%/năm tại các ngân hàng thương mại.

Các khoản đầu tư ngắn hạn trị giá 37.400.000.000 VNĐ được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 11). Các khoản thế chấp này sẽ được giải chấp khi Công ty trả nợ vay.

6. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	46.378.664.784	43.210.696.331
Thành phẩm	11.637.493.806	11.534.143.617
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.748.620.683	6.994.554.603
Công cụ, dụng cụ	532.112.589	761.711.812
Hàng gửi đi bán	439.401.377	848.340.452
	62.736.293.239	63.349.446.815
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.000.000.000)	(4.400.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	61.736.293.239	58.949.446.815

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(4.400.000.000)	(5.500.000.000)
Dự phòng trích lập trong năm	(1.000.000.000)	-
Sử dụng khoản dự phòng trong năm	4.400.000.000	1.100.000.000
Số cuối năm	(1.000.000.000)	(4.400.000.000)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

VNĐ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	33.643.712.837	34.683.932.291	3.211.546.056	1.952.002.727	73.491.193.911
Mua mới	66.887.273	532.004.365	195.000.000	154.411.819	948.303.457
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	58.554.230	-	-	-	58.554.230
Thanh lý	-	(2.988.938.252)	(62.986.500)	(21.966.000)	(3.073.890.752)
Số cuối năm	33.769.154.340	32.226.998.404	3.343.559.556	2.084.448.546	71.424.160.846
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	991.158.731	13.777.660.274	62.986.500	1.588.784.027	16.420.589.532
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(9.247.151.552)	(23.272.215.894)	(1.076.404.967)	(1.671.127.142)	(35.266.899.555)
Khấu hao trong năm	(1.404.576.871)	(2.434.800.464)	(296.368.600)	(182.349.482)	(4.318.095.417)
Thanh lý	-	1.825.737.056	62.986.500	21.966.000	1.910.689.556
Số cuối năm	(10.651.728.423)	(23.881.279.302)	(1.309.787.067)	(1.831.510.624)	(37.674.305.416)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	24.396.561.285	11.411.716.397	2.135.141.089	280.875.585	38.224.294.356
Số cuối năm	23.117.425.917	8.345.719.102	2.033.772.489	252.937.922	33.749.855.430
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 11)	18.731.423.957	-	6.333.333.324	-	25.064.757.281

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VNĐ

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	10.623.823.333	441.680.580	11.065.503.913
Mua mới	4.293.726.100	179.670.400	4.473.396.500
Thanh lý	-	(454.566.400)	(454.566.400)
Số cuối năm	14.917.549.433	166.784.580	15.084.334.013
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	166.784.580	166.784.580
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(2.023.009.942)	(191.285.655)	(2.214.295.597)
Hao mòn trong năm	(166.666.668)	(98.209.268)	(264.875.936)
Thanh lý	-	122.710.343	122.710.343
Số cuối năm	(2.189.676.610)	(166.784.580)	(2.356.461.190)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	8.600.813.391	250.394.925	8.851.208.316
Số cuối năm	12.727.872.823	-	12.727.872.823
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp</i>			
<i>(Thuyết minh số 11)</i>	6.416.666.658	-	6.416.666.658

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng nhà máy tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Vào tháng 4 năm 2010, Ban Giám đốc của Công ty đã phê duyệt cho việc bán nhà máy và quyền sử dụng đất này cho bên mua nào phù hợp. Quyền sử dụng đất chờ bán được ghi nhận riêng trên chi phí trả trước dài hạn.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan	26.400.826.357	21.041.219.092
Khác	1.455.257.323	382.516.886
TỔNG CỘNG	27.856.083.680	21.423.735.978

11. VAY NGẮN HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	53.732.904.022	11.634.749.908

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn vay và ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VNĐ	US\$		(%/năm)	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	29.809.267.032	1.432.105	6 tháng và từ ngày 11 tháng 1 năm 2013 đến ngày 24 tháng 4 năm 2013	3,30 - 4,00	Các khoản đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh số 5)
Ngân hàng Commonwealth - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	14.801.484.055	711.097	6 tháng và từ ngày 6 tháng 3 năm 2013 đến ngày 5 tháng 5 năm 2013	2,21	Nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận chuyển (Thuyết minh số 7) và quyền sử dụng đất (Thuyết minh số 8)
Ngân hàng Phát triển Nhà - Chi nhánh Tân Bình	3.642.625.000	175.000	6 tháng và vào ngày 14 tháng 3 năm 2013	4,50	Các khoản đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh số 5)
Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở giao dịch số 1	2.981.727.935	143.249	6 tháng và vào ngày 28 tháng 2 năm 2013	5,00	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)	2.497.800.000	120.000	6 tháng và vào ngày 2 tháng 2 năm 2013	4 00	Các khoản đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh số 5)

TỔNG CỘNG **53.732.904.022** **2.581.451**

Công ty sử dụng tiền vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 19.2)	5.397.778.978	1.944.277.799
Thuế thu nhập cá nhân	64.009.148	-
Khác	172.291.069	185.702.852
TỔNG CỘNG	5.634.079.195	2.129.980.651

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương bổ sung cho nhân viên	4.844.165.993	5.306.706.657
Lương tháng 13 và 14	4.708.250.000	2.466.350.000
Phí thuê đất	1.059.058.152	529.529.076
Khác	1.963.704.135	1.568.044.322
TỔNG CỘNG	12.575.178.280	9.870.630.055

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VNĐ
						Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	103.723.650.000	2.856.593.370	5.634.889.243	4.928.020.023	22.470.291.729	139.613.444.365
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	42.761.449.260	42.761.449.260
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(20.744.730.000)	(20.744.730.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.138.072.463	2.138.072.463	(4.276.144.926)	-
phúc lợi	-	-	-	-	(4.276.144.923)	(4.276.144.923)
Số cuối năm	103.723.650.000	2.856.593.370	7.772.961.706	7.066.092.486	35.934.721.140	157.354.018.702
Năm nay						
Số đầu năm	103.723.650.000	2.856.593.370	7.772.961.706	7.066.092.486	35.934.721.140	157.354.018.702
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	38.302.863.214	38.302.863.214
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(31.117.095.000)	(31.117.095.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.915.143.161	1.915.143.161	(3.830.286.322)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.830.286.322)	(3.830.286.322)
Số cuối năm	103.723.650.000	2.856.593.370	9.688.104.867	8.981.235.647	35.459.916.710	160.709.500.594

14.2 Các giao dịch về vốn với cổ đông và phân phối cổ tức

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm và cuối năm	103.723.650.000	103.723.650.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	31.117.095.000	20.744.730.000
Cổ tức đã trả	31.110.165.000	20.744.730.000

14.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã được phép phát hành	10.372.365	10.372.365
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.372.365	10.372.365
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.372.365	10.372.365

15. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu đang lưu hành trong năm.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty (VNĐ)	38.302.863.214	42.761.449.260
Số cổ phiếu bình quân đang lưu hành (cổ phiếu)	10.372.365	10.372.365
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	3.693	4.123

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập các báo cáo tài chính này.



16. DOANH THU

16.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	231.931.578.511	220.745.752.164

Trong đó:

Doanh thu bán hàng

231.274.028.840

220.147.986.139

Doanh thu cung cấp dịch vụ

657.549.671

597.766.025

Các khoản giảm trừ

(648.068.973)

(1.060.358.596)

Trong đó:

Hàng bán bị trả lại

(480.780.546)

(697.132.211)

Chiết khấu thương mại

(167.288.427)

(363.226.385)

Doanh thu thuần

231.283.509.538

219.685.393.568

Trong đó:

Doanh thu bán hàng

230.625.959.867

219.087.627.543

Doanh thu cung cấp dịch vụ

657.549.671

597.766.025

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính



	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	6.427.871.299	5.546.347.401
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	257.133.169	1.985.320.448
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	228.877.931	13.607.683
Chiết khấu thanh toán	154.100.963	98.394.802
TỔNG CỘNG	7.067.983.362	7.643.670.334



17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH



	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.534.488.869	1.772.829.990
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	348.419.309	1.048.318.703
Chiết khấu thanh toán	1.715.000	23.623.954
TỔNG CỘNG	1.884.623.178	2.844.772.647



18. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Thu từ bán phế liệu	1.123.334.363	994.799.363
Thu tiền thanh lý tài sản cố định	40.454.545	238.724.363
Khoản hỗ trợ từ quỹ Danida	-	1.350.786.000
Khác	84.405.625	588.682.725
	1.248.194.533	3.172.992.451
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(68.453.044)	(506.763.261)
Khác	(32.647.540)	(592.346.326)
	(101.100.584)	(1.099.109.587)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.147.093.949	2.073.882.864

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế TNDN) áp dụng cho Công ty là 25% thu nhập chịu thuế.

Theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 21 tháng 8 năm 2012 hướng dẫn giảm thuế TNDN, Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải trả cho năm 2012.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng kí Kinh doanh số 4103000126 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 8 năm 2000, Công ty được miễn thuế TNDN trong một (1) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2007) và được giảm 50% thuế TNDN trong bốn (4) năm tiếp theo cho khoản thu nhập phát sinh từ các khoản đầu tư mở rộng nhà máy mới tại Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam trước năm 2009 để tăng cường công suất hoạt động của Công ty. Thu nhập chịu thuế tăng thêm từ việc đầu tư mới trong tổng thu nhập chịu thuế được ước tính bằng tỷ lệ giữa tổng chi phí cho các khoản đầu tư mới của từng năm trên tổng nguyên giá tài sản cố định tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19.1 Chi phí thuế TNDN

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.648.882.940	6.962.451.483

19.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận chịu thuế:

	VNĐ		
	Năm nay		Năm trước
	Hoạt động kinh doanh	Hoạt động khác	Tổng cộng
Lợi nhuận trước thuế	40.396.573.989	6.680.301.846	47.076.875.835
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán			
Chi phí hoạt động trích trước	144.000.000	1.059.058.152	1.203.058.152
Chi phí thuế đất phân bổ	-	1.436.893.468	1.436.893.468
Chi phí không được khấu trừ	935.597.185	-	935.597.185
Dự phòng trợ cấp thôi việc	981.148.477	-	981.148.477
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(65.207.803)	-	(65.207.803)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính năm hiện hành	42.392.111.848	9.176.253.466	51.568.365.314
Thuế TNDN hiện hành ước tính	10.598.027.962	2.294.063.367	12.892.091.329
Thuế TNDN giảm theo Thông tư 140/2012/TT-BTC	(3.179.408.389)	-	(3.179.408.389)
Thuế TNDN giảm do sử dụng nhiều lao động nữ	(63.800.000)	-	(63.800.000)
Thuế TNDN giảm do đầu tư mở rộng	-	-	-
Thuế TNDN hiện hành ước tính sau khi giảm trừ	7.354.819.573	2.294.063.367	9.648.882.940
Thuế TNDN phải nộp đầu năm			1.944.277.799
Thuế TNDN đã nộp trong năm			(6.195.381.761)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm			1.944.277.799

19.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VNĐ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Bảng cân đối kế toán			
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê đất phân bổ	843.432.747	484.209.380	359.223.367	484.209.380
Chi phí hoạt động trích trước	300.764.538	-	300.764.538	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	560.018.750	314.731.631	245.287.119	45.449.283
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(23.353.328)	7.051.377	(30.404.705)	(95.536.736)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.680.862.707	805.992.388		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh			874.870.319	434.121.927

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	1.888.558.000	3.919.164.000

21. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất và cửa hàng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	2.324.998.389	1.480.432.000
Từ 1 đến 5 năm	5.375.065.555	3.097.925.333
Trên 5 năm	36.189.375.023	19.289.505.067
TỔNG CỘNG	43.889.438.967	23.867.862.400

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, và phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, và tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền vay có lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất thả nổi của các khoản vay có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)
Cho năm nay		
	+135	(726.993.979)
	-135	726.993.979
Cho năm trước		
	+135	(157.069.124)
	-135	157.069.124

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro giá trị hợp lý hay dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính thay đổi do sự thay đổi của tỷ giá ngoại tệ giao dịch. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện bán hàng hoá và vay bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch bán hàng hóa và vay trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

	<i>Thay đổi tỷ giá USD (%)</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VNĐ)</i>
Cho năm nay		
USD	+0.55	(217.284.016)
USD	-0.55	217.284.015
Cho năm trước		
USD	+0.55	(24.568.218)
USD	-0.55	24.568.218

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu mở thư tín dụng trước khi giao hàng được áp dụng đối với các khách hàng lớn. Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng lớn tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Ban Giám đốc Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại ngày lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4 và số 5. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là không đáng kể.



Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

			VNĐ
	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Số cuối năm			
Vay	53.732.904.022	-	53.732.904.022
Phải trả người bán	9.913.495.842	-	9.913.495.842
Phải trả khác và chi phí phải trả	3.630.881.851	182.620.000	3.813.501.851
	67.277.281.715	182.620.000	67.459.901.715
Số đầu năm			
Vay	11.634.749.908	-	11.634.749.908
Phải trả người bán	6.279.001.951	-	6.279.001.951
Phải trả khác và chi phí phải trả	2.059.336.741	151.610.000	2.210.946.741
	19.973.088.600	151.610.000	20.124.698.600

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, nhà cửa, vật kiến trúc, phương tiện vận chuyển và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 11). Các ngân hàng có trách nhiệm trả lại các tài sản thế chấp này cho Công ty. Không có các điều khoản quan trọng khác liên quan đến việc sử dụng tài sản thế chấp này.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VNĐ
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Tài sản tài chính					
Tiền gửi ngân hàng	47.900.000.000	-	47.900.000.000	-	
Phải thu khách hàng	20.675.506.279	14.889.596.262	20.675.506.279	14.889.596.262	
Phải thu khác	445.654.023	840.963.295	445.654.023	840.963.295	
Các khoản tài sản tài chính dài hạn khác	270.000.000	117.000.000	270.000.000	117.000.000	
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.976.093.331	39.610.796.496	34.976.093.331	39.610.796.496	
Tổng cộng	104.267.253.633	55.458.356.053	104.267.253.633	55.458.356.053	
	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Nợ phải trả tài chính					
Vay	53.732.904.022	11.634.749.908	53.732.904.022	11.634.749.908	
Phải trả người bán	9.913.495.842	6.279.001.951	9.913.495.842	6.279.001.951	
Phải trả khác	3.813.501.851	2.210.946.741	3.813.501.851	2.210.946.741	
Tổng cộng	67.459.901.715	20.124.698.600	67.459.901.715	20.124.698.600	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý. Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

24. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

25. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của các báo cáo tài chính của năm nay.

	VNĐ		
	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Số đầu năm Trình bày lại (được trình bày lại)	
Bảng cân đối kế toán			
Phải trả dài hạn khác	151.610.000	1.948.637.500	2.100.247.500
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.948.637.500	(1.948.637.500)	-

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư khoản trợ cấp thôi việc phải trả trích lập theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Lao động được trình bày trong cùng một khoản mục trên bảng cân đối kế toán với dự phòng trợ cấp mất việc. Bắt đầu từ năm 2012, theo quy định của Thông tư 180, dự phòng trợ cấp mất việc sẽ không có số dư vào cuối năm. Do đó, số dư khoản trợ cấp thôi việc phải trả đã được phân loại lại vào Phải trả dài hạn khác cho phù hợp với cách trình bày của năm nay.



Trần Nguyễn Việt Trung
Người lập

Ngày 25 tháng 3 năm 2013



Bùi Phương Thảo
Kế toán trưởng



Lê Hồng Thắng
Tổng Giám đốc

Annual Report

2012



CHAIRPERSON'S STATEMENT



VIRTUOUSNESS is the key to SUCCESS

Dear Shareholders,

First of all, on behalf of Duc Thanh Wood Processing JSC's Board of Directors, I would like to express my sincere and profound gratitude toward our Shareholders, Customers, Strategic Partners and Staff for your persistent contribution to our continuous development over years. We hope that we will continue to receive your support and trust in upcoming years.

The global economy in 2012 passed with many unexpected changes. In local market, due to unstable macroeconomic situation, substantial decrease in demand, big-volume inventory and high interest rate, more than 40,000 local companies went bankruptcy. Wood processing industry, despite huge potential, confronts many challenges regarding shortage of inputs and skilful workers as well as high risk of fire etc...

Duc Thanh has no other privileges in this difficult condition. Right in the beginning of 2012, we met many challenges in marketing, distribution, negotiation and market expansion...

However, as operating in wood processing industry for more than 20 years, Duc Thanh Company has established a firm and confident foundation to overcome successfully all obstacles. Our company reached the goals through Board of Directors' perspicacious and timely leadership, Board of Management and Staff's exertion and unity as well as customers and suppliers' stable co-operation.

To summarize year 2012, I am very proud of our team's achievements. I am very happy to announce encouraging results. Our revenue increases by 5.3% compared to last year's result which takes up 96.9% against the target, and our profit after tax achieves 92.5% against the target. As a result, while most companies could not generate profits to give out bonuses and month 13th salary, our staffs are generously rewarded with month 13th and 14th ones beside Tet bonuses...

Looking at 2013 forecast in which the global economy's growth is predicted to fluctuate and even to drop to the bottom, we are quite worried. Nevertheless, with determination and exertion of Board of Directors, Board of Management and Staff, I believe that our company will be highly profitable in the middle of global crisis to attain wonderful milestones. The reasons probably lie in the power created by not only flexibility but also unity, and more importantly lie in our commitment to "Duc Thanh" Company so that we will be able to overcome all current challenges in the market.

Consequently, we are certain that we will achieve our goal of positioning ourselves as a leading manufacturer of wooden kitchenware, housewares and children's toy in Vietnam.

Dear Shareholders,

After nearly one year of teaching and handing over my power to my young successors, I acknowledge their maturity through growing endeavor, unity and exertion. It is the proof that we are going in the right direction to focus on training as well as enlighten the power of unity and fresh competency. I hope that after the practicing and experiencing at the new positions, they will get surprising results in the future.

On the behalf of Board of Directors



LE HAI LIEU

DUC THANH'S BRANDS



“Home paradise”



“Learning and playing together”



MAIN REPORTS

- Board of Directors report
- Board of Executives report
- Board of Supervisors report
- Audited financial statement

BOARD OF DIRECTORS

Board of directors of 2010 – 2014 term comprises of 7 members, in which 3 are executive directors and the 4 others are independent ones. Since the number of independent members is major, this can enhance the company efficiency activities, focus on strategic planning for long-term development to satisfy the shareholders.

1 Ms. Le Hai Lieu

Chairperson and CEO



Sinh năm : 18/02/1962

Education : Bachelor of Statistics-Maths, Ho Chi Minh City University of Economics.

Since April, 2012 Ms. Lieu has resigned as the CEO to focus on Chairperson's mission. She has been acting as an special consultant of the Successor on the company management and government .

From 2006 - 4/2012: As a Chairperson and CEO, she has succeeded in creating a sound strategic orientation for Duc Thanh Company to achieve great and sustainable development through many challenges.

- 2003 - 2006 : Vice Chairperson and CEO of Duc Thanh Company
- 2000 - 2003 : Vice Chairperson and Executive Director of Duc Thanh Company
- 1993 - 2000 : Executive Director of Duc Thanh Company
- 1991 -1993 : Post-graduate in West Germany
- 1985 - 1991 : Lecturer of Statistics - Ho Chi Minh City University of Economics.

Mr. Hans Christian Jacobsen 2

Vice chairperson, independent member

Date of Birth : 20/06/1959

Education : Master of Finance, the Copenhagen School of Economics and Business Administration, Denmark.

According to the company plan, after 5 year investment, BankInvest is to withdraw capital from GDT, Mr. Hans is no longer the member of Duc Thanh company since 12/2012.

Since 2006: He has been a senior member and Managing Director of PENM I and PENM II of BankInvest Private Equity New Markets (PENM). He is representing the capital contribution of PENM in the company and has been contributed generously in the Company's strategy with his 30-year experience at senior positions in European corporations. He continues today at the board of directors of a number of large companies in emerging markets.



- 1991 - 2006 : Director of Agribusiness – European bank for Reconstruction and Development (EBRD), London, the UK
- 1989 - 1991 : Area Manager – Investment Funds for Central and Eastern Europe, Copenhagen, Denmark
- 1986 - 1989 : Head of Section – Industrialisation Fund for Developing Countries (IFU), Copenhagen, Denmark

3 Mr. Le Hong Thang*Board member and CEO*

Date of Birth : 27/07/1975

Education : Bachelor of Dynamic Mechanical Engineering, Ho Chi Minh City University of Technical Education

Since 2/2013, he has been the Board Member and CEO of Duc Thanh Company. Owing to his 16-year experience, he has intensive knowledge in production and technique of wood processing industry, so he has made great contribution in excellently satisfying all complex and quick production's orders.

T4/2012 - T1/2013: He has been the Board Member and Acting CEO of Duc Thanh Company.

- 2009 - T3/2012 : Board member and Vice General Director of Duc Thanh Company
- 2007 - 2009 : Board member and Production Manager of Duc Thanh Company
- 2003 - 2007 : Vice Director of Duc Thanh Company.
- 2000 - 2003 : Factory Manager of Duc Thanh Wood company in Dak Lak
- 1998 - 2000 : Employee of Duc Thanh Wood company.

**Mr. Le Hong Thanh***Board Member, Deputy General Director***4**

Date of birth : 02/04/1973

Education : Export - Import and Production Administration

He has great experiences in general management. Especially, he ensures good working environment and living conditions delivered to the employees. He also builds and manages flexible and effective human resource policies that always guarantee sufficient labor force for production.

- Since 2011 : Deputy General Director of Duc Thanh Company.
- 2007 - 2010 : Board member and Human Resource Director.
- 2003 - 2007 : Vice Production Director of Duc Thanh Company.
- 2001 - 2003 : Administrator of Document for Exporting and Importing.
- 1995 - 2001 : Employee of Duc Thanh Company.

**5 Mr. Nguyen Kim Le Chuyen***Independent Board member*

Date of Birth : 21/03/1980

Education : Bachelor of Civil Engineering, Ho Chi Minh City University of Science and Technology; Master of Civil Engineering, Liege University - Belgium.

Since 2007, he has been with Vietnam Rubber Group (VRG) as a specialist of Planning and Investment Division. He is representing VRG's capital contribution in the Company and help considerably in operation and material sourcing expansion

- 2006 - 2007 : Project Management's consultant - Apave Vietnam and Southeast Asia
- 2004 - 2006 : Researcher - Liege University, Belgium
- 2003 - 2004 : Technician - Construction Corporation 1, Ministry of Construction.



6

Mr. Tran Xuan Nam*Independent Board member*

Date of Birth : 01/ 01/ 1966.

Education: Bachelor of Economics, Ho Chi Minh City University of Economics

With his 16 years experience in investment industry, he has provided the Company with advisory regarding its investment strategy, listing and investor relation

Since 11/2012 : General Director of Orient Securities Corporation (ORS)

2/2010 - 2/2012 : Vice President and Branch Manager of PetroVietnam Securities Inc. (PSI)

2003 - 2010 : Director of corporate finance division – Ho Chi Minh City securities company (HSC)

1997 - 2003 : Investment Officer - Ho Chi Minh City Investment for Urban development (HIFU)

1995 - 1997 : Production Management – Tien Phong Textile Sewing Trading Company

Mr. Nguyen Cong Hieu*Independent Board member*

7

Date of birth : 24/10/1961.

Education : Bachelor of Economics and Mechanics, Pr.CEO

With 24-year administrative experience, he has good command of business law. Although he has just been the Board member of GDT in a short period of time, he has provided the Company with advisory in terms of many matters...

Since 10/2009 : Director of MTV Co.,Ltd (THE FOREIGN TRADE FREIGHT FORWARDING AND WAREHOUSING COMPANY)

Since 05/2008 : Manager of Administrative Dept of Transimex - Saigon.

2005 - 05/2008 : Vice Manager of Administrative Dept of Transimex - Saigon.

2002 - 2005 : Manager of ICD Transimex - Saigon.

1999 - 2002 : Plan and Legal Dept of Transimex - Saigon.

1988 - 1999 : Technical, Administrative and Shipping Agent Manager of Transimex - Saigon



2013



Dear Shareholders and Investors,

Global economy of 2012 was turbulent when European debt crisis hit the peak while the USA and Japan were not in optimistic economic conditions. Developing countries such as China and India could not maintain their high growth speed as they used to in the previous years. Vietnam also confronted all of these challenges like other countries in the world.

The wood processing industry suffered not only from the general difficulties including decrease in consumption, large inventory and high interest rate but also from shortage of inputs and skilled workers as well as high risk of fire...

In this situation, Board of Directors (BoD) together with Board of Management (BoM) of Duc Thanh Wood Processing Company (DTW) came up with flexible and sharp business reactions to help the Company overcome all difficulties, achieve high efficiency and to reach the 2012 target which had been assigned by the General Meeting of Shareholders (GMS).

With the role of managing, directing and supervising the Company, BoD assess and report the results.

YEAR 2012 REVIEW

BOARD OF DIRECTORS' ACTIVITIES

In 2012, the BoD held 6 meetings to update and discuss on Company's business and operation.

The BoD created policies, strategies and solutions to suit the real situations and to comply with the law.

The CEO and BoM managed to execute and report all Resolutions decided by the BoD.

RESULTS OF SUPERVISING THE BOARD OF MANAGEMENT

Through the supervisory, the BoD realized that the BoM effectively performed all of the BoD's Resolutions, reported in time as well as adjusted the operation to suit the reality and requests of the BoD and the GMS.

Basing on the GMS' Resolutions on 14/4/2012, business achievements in 2012 are:

- Gross Sale reached 231,3 billion VND, increased by 11,6 billion VND and 5.3% compared with last year's result, achieved 96.9% against the target.
- Net profit before tax reached 47,07 billion VND, achieved 93.8% against the target.
- Net profit after tax reached 38,3 billion VND, achieved 92.5% against the target.
- Real estate market in 2012 was almost "frozen", hence the land use rights (in My Phuoc 2 Industrial zone, Binh Duong Province) sale transaction has not been finished yet.
- Regarding the expansion of manufacturing plant in Tan Uyen, Binh Duong Province, DTW ceased the construction plan according to BoD's Resolution 11-12/NQ-ĐT on 27/7/12 because of the bad economic condition, but DTW still applied for the Permission for Construction.

EXTERNAL AUDITOR

Based on the Resolutions of the GMS, the BoD chose Ernst and Young Limited to audit DTW's financial statements in 2012. During the auditing, DTW provided adequate documents and complied with all accounting standards.

HUMAN RESOURCE ORGANIZATION

The BoD did not have any major changes last year. In November 2012, Mr. Hans applied for resignation according to BankInvest's obligatory lock-up period:

- | | | |
|--------------------------------|---|--|
| 1. Ms. Lieu Hai Le | : | Chairperson and CEO, resigned from CEO position on 14/4/2012 |
| 2. Mr. Hans Christian Jacobsen | : | Vice-chairperson, resigned on 01/12/12 |
| 3. Mr. Thang Hong Le | : | Board member, acting CEO from 19/4/2012 |
| 4. Mr. Thanh Hong Le | : | Board Member, Vice-president |
| 5. Mr. Chuyen Kim Le Nguyen | : | Board member |
| 6. Mr. Nam Xuan Tran | : | Board member |
| 7. Mr. Hieu Cong Nguyen | : | Board member |

DIVIDEND PAYMENT

Because the stock market had difficulties and the Company did not have any urgent need of additional capital, we did not issue any more shares.

The GMS on 14/4/2012 decided to pay 20% on the value of equity shares. Consequently, the Company distributed dividend:

- 10% for the first time of 2012 on 14/07/2012.
- 10% for the second time of 2012 on 26/12/2012

REMUNERATION OF BOARD OF DIRECTORS AND BOARD OF SUPERVISORS

According to the Resolution at GMS on 14/4/2012, the Company paid 400,000,000 VND remuneration to the BoD and Board of Supervisors in 2012.

YEAR 2013 COURSE OF ACTION

Some experts predicted that “the macro-economy and enterprises in 2013 will meet many challenges” and that the local economy would be unstable owing to high inflation leading to price’s increase in wood, other materials, chemicals, electricity...

The BoD hope to receive support from Shareholders and Investors as well as the co-operation of BoM. All DTW’s Staff determine to achieve the 2013 business target and improve the efficiency through:

1. Proposing issues within the jurisdiction of the 2013 GMS.
2. Organizing regular meetings in accordance with the regulations to discuss and approve reports and plans in order to provide timely and effective guidance for 2013 GMS’ Resolutions.
3. Striving for completion of the Financial year 2013’s goals:
 - Gross Sale is 243,6 billion VND, increases 5% from 2012.
 - Net profit before tax is 48,5 billion VND, increases 3% from 2012.
 - Net profit after tax is 36,4 billion VND, decreases 5% from 2012 → In 2012, enterprises were exempt from 30% corporate income tax (CIT). However, this policy is not for 2013, so the CIT will be 25%, which means tax expense will increase compared to 2012. Consequently, 2013 profit after tax is predicted to be less than 2012 due to objective reasons.
4. Looking for candidates for key positions such as Chief Financial Officer and establishing a young energetic staff.
5. Closely supervising and correcting in time the BoM’s activities in order to:
 - Achieve sustainable development aim.
 - Improve standardized financial management and competent internal auditing system.
 - Build stable, skilled and committed labor force. Consolidate professional and efficient management system.
 - Stabilize and improve workers’ quality of living as well as develop enterprise’s culture.





6. Investing in technology, looking for and improving ways to use materials economically, searching for other types of wood such as acacia, mango wood or plywood to add value to the Company's business and operation.



7. Continuing looking for partner to finish the land sale transaction in My Phuoc 2 Industrial zone, Binh Duong Province contributing approximately 30 billion VND to the Company's net profit after tax.



Dear Shareholders and Investors,

Year 2012 ended with numerous difficulties in both global and local economy. Nevertheless, with utmost efforts of BoD, BoM and all Staff, DTW finally achieved the targets.

On the behalf of BoD and BoM, I would like to send my deep gratitude to our Shareholders and Investors for staying with us during that time.



BoD hope to receive more support and sharing from our Distinguished Shareholders and Investors to overcome all complicated obstacles in 2013, hence we can maintain our path of sustainable and stable development and most of all, enhance dividend payment.

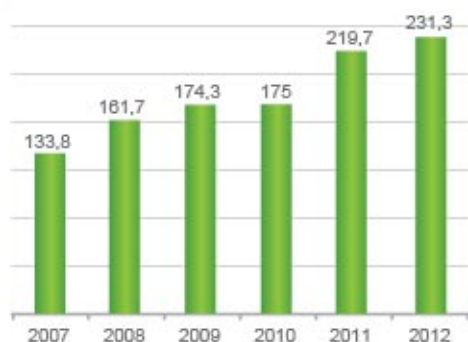


**On the behalf of Board of Directors
Chairperson**

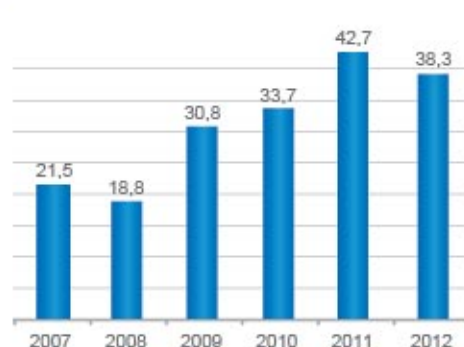
MS. LIEU HAI LE



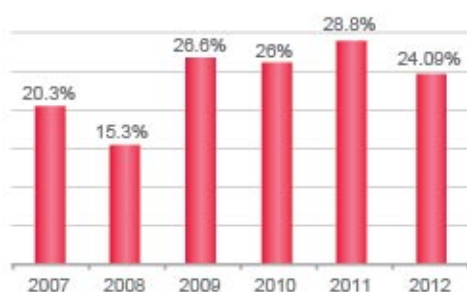
REVENUE



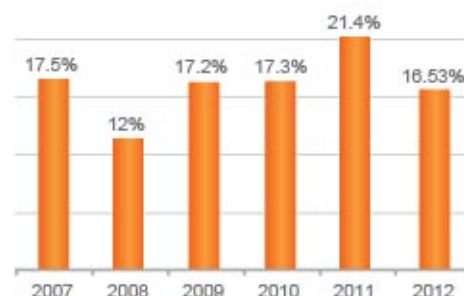
NET PROFIT



ROE



ROA



Items	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Revenue (VND billion)	133,8	161,7	174,3	175,0	219,7	231,3
Net profit (VND billion)	21,5	18,8	30,8	33,7	42,7	38,3
Return on equity (ROE)	20.3%	15.3%	26.6%	26%	28.8%	24.09%
Return on assets (ROA)	17.5%	12.0%	17.2%	17.3%	21.4%	16.53%

Despite facing difficulties and challenges during the year, DTW still managed to maintain business efficiency.

- Revenue increased 5.3% compared to 2011's result, achieved 96.9% against the target.
- Net profit achieved 92.5% against the target.

• *GDT's core values are **Stability, Efficiency and Sustainability.***

Unit: 1,000 VND

Income statement	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Net revenue	133,807,725	161,694,646	174,267,882	175,017,411	219,685,394	231,283,510
Gross profit	30,369,241	38,809,031	64,307,151	64,983,292	73,327,592	69,262,391
Operating income	18,919,057	22,740,955	37,389,385	38,712,660	47,215,896	45,929,782
Profit before tax	23,013,153	23,695,064	37,826,849	41,463,249	49,289,779	47,076,876
Corporate Income tax	1,469,485	4,919,375	7,001,401	7,804,185	6,528,330	8,774,013
Net profit	21,543,669	18,775,689	30,825,448	33,659,064	42,761,449	38,302,863

Balance sheet	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Total assets	149,594,721	162,268,966	195,960,187	192,721,282	206,247,795	257,095,672
Chartered Capital	71,466,900	103,723,650	103,723,650	103,723,650	103,723,650	103,723,650
Average outstanding shares	6,869,165	7,429,133	10,162,730	10,372,365	10,372,365	10,372,365
Shareholders' capital	132,489,272	112,446,461	119,692,652	139,613,444	157,354,019	160,709,501

Other items	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Asset structure						
Current assets/Total assets	48.52%	47.38%	50.72%	51.67%	57.94%	66.67%
Non-current assets/Total assets	51.48%	52.62%	49.28%	48.33%	42.06%	33.33%
Capital structure						
Liabilities/ Total capital	11.43%	30.70%	38.92%	27.56%	23.71%	37.49%
Shareholders' capital/ Total capital	88.57%	69.30%	61.08%	72.44%	76.29%	62.51%

Profitability ratio	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Return of assets (ROA)	17.46%	12.04%	17.21%	17.32%	21.44%	16.53%
Return of equity (ROE)	20.33%	15.33%	26.56%	25.96%	28.80%	24.09%
Net profit/ Chartered capital	30.14%	18.10%	29.72%	32.45%	41.23%	36.93%
Net margin	16.10%	11.61%	17.69%	19.23%	19.46%	16.56%
Earning per share (EPS)	3,136	2,527	3,033	3,245	4,123	3,693



BOARD OF EXECUTIVES - CHIEF ACCOUNTANT

1. Ms. Le Hai Lieu

Chairperson and CEO (See page 78)

3. Mr. Le Hong Thanh

Deputy General Director (See page 79)

5. Mr. Nguyen Van Duc

Deputy Technical Director

Date of birth : 06/07/1955

Education : Junior College of Mechanics, Ho Chi Minh City University of Science and Technology
He has been working as Deputy Technical Director of Duc Thanh company since 2003. He has made great contribution on technical improvement to enhance effective and economical productivity.

1995 - 2003 : Foreman of Duc Thanh Company

1992 - 1995 : Technician of Duc Phat Plywood Company.

1988 - 1992 : Outworking Technician.

1977 - 1988 : Technical supervisor of Chemical Mechanic Plant.

7. Mr. Che Dong Khanh

Deputy Production Director

Date of birth : 18/7/1976

Education : 12/12

2011 to Now : Deputy Production Director of Duc Thanh Wood company.

2009 - 2011 : Production Foreman of Duc Thanh Wood company.

2007 - 2009 : Deputy Production Foreman of Duc Thanh Wood company.

2003 - 2005 : Production Foreman of Finishing, Sanding and Edging sections of Duc Thanh Wood Company

2. Mr. Le Hong Thang

Board member and CEO (See page 79)

4. Ms. Nguyen Thi Thanh Huyen

Human Resource Director

Date of birth : 02/10/1974

Education: Bachelor of Accounting, Ho Chi Minh City University of Commerce

Has been working for Duc Thanh since 1995, she has experiences in different jobs, always completes successfully all assignments. Her strong point is to communicate the Board of Director's messages effective to staff. She has arranged and managed well a lot of company's events.

Since 11/2012 : Human Resource Director of Duc Thanh Company.

2003 - 10/2012 : Human Resource Manager of Duc Thanh Company.

1997 - 2003 : Domestic Sales Representative and Accountant of Duc Thanh Company.

1995 - 1997 : Domestic Sales Representative of Duc Thanh Wood Company.

6. Ms. Bui Phuong Thao

Chief Accountant

Date of Birth : 01/01/1979

Education : Bachelor of Economy, Ho Chi Minh City University of Economy

2011 to Now : Chief Accountant and Accounting Manager of Duc Thanh Wood Company

2009 - 2011 : Vice Accounting Manager of Duc Thanh Wood Company

2006 - 2009 : Accountant of Duc Thanh Wood Company

2001 - 2005 : Accountant of Minh Giang Mechanics Co., Ltd

PERFORMANCE IN 2012

1. Business performance:

As of December 31st, 2012, Duc Thanh Wood Processing Company (DTW) achieved the following financial results:

Unit: billion VND

No.	Items	Actual 2011	Actual 2012	Over previous period	Plan 2012 (adjusted)	Increase/decrease over plan
	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)	(5)	(6)=(3)/(5)
1	Total revenue	219,685	231,284	5.3%	238,785	96.9%
	- Export	176,645	192,494	9.0%	195,285	98.6%
	- Domestic	42,443	38,132	-10.2%	43,000	88.7%
	- Workshop lease	598	658	10.0%	500	131.5%
2	Profit before tax	49,289	47,077	- 4.5%	50,185	93.8%
3	Profit after tax	42,761	38,303	- 10.4%	41,402	92.5%

2012 economy had many difficulties and challenges, so it was almost impossible to reach the targets assigned by the Board of Directors (BoD) and General Meeting of Shareholders (GMS). In the mid of Q2 and 3/2012, the local sales decreased dramatically because of some objective reasons. Although the reduction of target was thought about, BoM still tried every effort to deal with the issues and to achieve the goal by focusing on exporting to make up for loss of local sales' revenue.

In notice of the political tension between Japan and China due to the East Sea's conflict leading to the switch of Japanese customers from Chinese to Vietnamese suppliers, BoD gave instructions to grasp this opportunity to enhance exporting revenue. With quick and in time reactions, we achieved relatively good results as follows:

- **Export volume** was 192,4 billion VND, accounting for 83% of total revenue, increasing by 9% compared with that of 2011, achieving 98,6% against the target. Asia which is the main export market of the Company and Europe accounted for 62% and 33% of total export volume respectively.
- **Domestic revenue** was 38.1 billion VND, decreasing by 10.2% compared with that of 2010, accounting for 17% of total revenue and achieving 88.7% against the target. Despite demand contraction, DTW continued to expand distribution channels to be ready for the recovery of local market. As a result, in 2012, "Go Duc Thanh" kitchenware and "Winwintoy" toys brands were distributed at more than 1,021 stores and retail outlets nationwide, increasing by 860 stores or 18.7% from 2011. Revenue retrieved from new customers was 6.9 billion VND, accounting for 18% of the local sale turnover.

2. Performance and financial indicators:

Performance indicators	2011	2012 (*)
Return on average assets	21.44%	16.53%
Return on average equity	28.80%	24.09%
Return on net revenues	19.46%	16.56%

(*) Due to inflation, expenses on labor, social insurance, health insurance, materials, chemicals, electricity and oil rose. However, our local sale and exporting prices offered to customers could not proportionally increase with the inflation speed. Consequently, 2012 performance indicators were not as good as those of 2011.

DTW have always applied strict and prudent financial management practices so as to avoid systematic risks. In 2012, DTW carried out capital restructuring and kept close watch of exchange rates and deposit interest rates of various banks, which enabled BoM to generate substantial income from financial activities of 5.2 billion VND.

3. Book value as at December 31st, 2012:

Owners' equity	: 160,709,500,594 VND
Tangible fixed assets	: 33,749,855,430 VND
Intangible assets	: 12,727,872,823 VND
Number of outstanding shares	: 10,372,365
Book value per share	: 14,267 VND
Earnings per share (EPS)	: 3,693 VND

The closing share price on HSX on December 28th, 2012 was 15,000 VND per share, thus the company's PE was 4.1

4. The assets/capital structure was healthy. The cash rate was 35 billion VND and financial investment was 47.9 billion VND, accounted for 25.8% of the total assets. Short-term debt ascended from 12 billion VND in 2011 to 53,7 billion VND in 2012, and there was no long-term debt outstanding. Trade receivables were 20,6 billion VND.

Liabilities were 96,4 billion VND including 53,7 billion VND short-term debt. Liabilities and short-term debt increased for the fact that the Company took advantages of government lending support policy to buy, store and prepay wood and other materials with money borrowed at low interest rate in order to preserve cheap prices offered by the suppliers, which helped DTW achieve beautiful results in 2012.

5. Production activities:

Predicting that there would be many difficulties ahead, BoM decided to ensure efficient manufacturing and expenses minimization. The Company's net profit was 16.6% of revenue on December 31st, 2012 for some reasons below:

- BoM eagerly searched and applied business improvement initiatives to reorganize production and enhance productivity.
- Workers were properly trained and committed to the Company.
- Good cooperation among Export, Materials, and Production Units, pursuing key objectives of high product quality, reducing waste and using recycled materials.





- With the dedicated instruction and teaching of Ms. Lieu Hai Le - former CEO, the young, dynamic, committed and creative management team judged and made right decisions in business.



- Both mass production capability and high quality policy were well-balanced, which created credibility among customers. Therefore, some loyal and existing customers have continuously placed orders at our Company for 10 years.

- We are proud that for more than 21 years there have not been any strikes or go-low strikes, late salary payment, which are important to attract and retain stable labor force.



6. Investment in production expansion:

In 2012, DTW invested nearly 1 billion VND to buy more equipments and machines as well as to build desiccation machine for factory in Tan Uyen, Binh Duong.

Regarding the plant expansion project in Tan Uyen, Binh Duong, Binh Duong People's Committee had already approved the plant expansion. DTW bought 6,972 m² for plant construction and 400 m² for path into the factory which totally cost 4,05 billion VND.

However, DTW ceased the construction plan according to BoD's Resolution 11-12/NQ-ĐT on 27/7/12 because of bad economic conditions and high risk.



7. Appointment of senior executives and managers

DTW continued to improve personnel structure and assign key positions appropriately in the changing period:

Executives:

- Mr. Thang Hong Le was appointed Acting CEO from previous position of Deputy CEO.
- Ms. Huyen Thi Thanh Nguyen was appointed Human Resource Manager from previous position of Head of Human Resource Department.

Managers:

- Ms. Ngoc Thi Phuong Nguyen was appointed Head of Inspection Department from previous position of CEO's Secretary.
- Ms. Lien Thi Hong Nguyen was appointed Deputy Export Manager from previous position of Sales Representative.
- Mr. Khai Quang Tran was appointed Deputy Head of Central Planning Department from previous position of Staff.
- Ms. Cuong Thi Kim Tran was appointed Deputy Head of Marketing Department from the previous position of CEO's Secretary.



8. Salaries and Bonuses of the Board of Directors

Salaries and Bonuses of BoD in 2012 are 1,528,558,000 VND, was 60% lower than those of 2011 (3,777,340,000 VND). Because Ms. Lieu Hai Le - former CEO handed over her power to Mr. Thang Hong Le - Acting CEO in 2012, Ms. Lieu did not receive her salary. However, she still supported the new BoM to minimize all costs and get the highest return for Shareholders in the situation when the global and Vietnamese economy was in turbulent with more than 40,000 enterprises being bankrupted or dissolved. All DTW's Staff were united and determined to overcome all obstacles and to achieve 93,8% of the planned profit after tax.



9. Organizational and personnel structure

Labor force is a very important component in all business operations. DTW are proud of our loyal team who are always united and dedicated to common benefits.

As on 31st December 2012, total number of DTW employees was 982 people including:

- 828 direct and 154 indirect workers.
- 1 employee with a master degree, 48 employees with a university degree, 30 employees with a college degree and 28 employees with vocational training.

We are also proud that for more than 20 years there have not been any strikes or go-low strikes, late salary payment, which are important to attract and retain labor force. Therefore, DTW have always been a reliable partner in timely delivering large orders and becoming the best choice of customers.

In order to maintain long-term co-operation with all employees, beside social insurance and medical insurance in accordance with the State's regulations, DTW bought 24/24 human accident insurance and provided various allowances as well as advanced payment to help employees with difficulties or accidents.

Moreover, in order to improve Staff's quality of living, DTW increased employees' salaries to cover inflation. Rewarding regime has been closely associated with business performance, thus encouraging employees' working spirit and creativity.

Other than the above benefits, DTW did pay attention to not only providing financial incentives but also creating a friendly and professional working environment. In 2012, DTW were rewarded with "Green Business" Certificate by HCMC People's Committee. This result came from all of our efforts, and was the pride of DTW's Board of Management and Staff.

All aforementioned results prove that DTW always embrace the role of employees in every development step of the Company.

10. Social activities

In heritage of philanthropic traditions, all DTW employees have been united and unanimous in all social and charity activities.

Beside charity work such as helping people in need, funding for the construction of bridges and schools, DTW have recently participated in very practical charity works, including:

- Funding for free medical checking for poor people in remote areas.
- Funding for children of Cancer Hospital for Christmas.
- Giving gifts to poor and handicapped children patients at hospitals and orphanage.

Together with social activities, DTW took good care of employees' lives. DTW also supported employees suffering from poverty and sickness. Moreover, DTW increased employees' salaries to cover inflation, provided free Rubella vaccine injection and held seminar of health for female employees.

Finally, the Company organized recreational activities: vacation trip, "golden hand competition", football club, soccer club, beauty contest... to create opportunities for employees to meet and make friends.



BUSINESS PLAN FOR 2013

When 2012 ended, although there were some slightly different opinions for 2013, general predictions were sluggish development and high risk. However, based on our past achievements, despite many challenges ahead, BoD successfully encouraged BoM to agree with the business development plan for 2013 as follows:

No.	Criteria (VND billion)	Actual 2012	Plan 2013	Increase
1	Total revenue	231,284	243,625	105.34%
	- Export revenue	192,494	198,075	102.89%
	- Domestic revenue	38,132	45,000	118.01%
	- Workshop lease	658	550	83.58%
2	Total expenses	184,207	195,121	105.92%
3	Profit before tax from operating activities	47,077	48,504	103.03%
4	Total profit after tax	38,303	66,378	173.29%
	- Profit after tax from operating activities (*)	38,303	36,378	94.97%
	- Profit after tax if successfully transferred the land plot in My Phuoc 2, Binh Duong	0	30,000	100%

(*) In 2012, enterprises were exempt from 30% corporate income tax (CIT). However, this policy is not for 2013, so 2013 profit after tax is predicted to be less than 2012 due to objective reasons.

IN 2013, DTW WILL FOCUS ON 4 OBJECTIVES:

1. Continuing to revive local sales.

The local market has been dwindling since 2011 despite government's supporting policies to boost demand. It is hoped that local market will be brighter in 2013, the sin-shaped commercial cycle will go up again from the bottom, and the consumers will spend more on shopping.

With the hope of a bright future, BoM assigned 45 billion VND to local sales' revenue, increasing 18% compared to last year. In order to achieve the planned revenue, we will enhance local marketing activities and improve designing team to create 10 new designs per Quarter which suit the needs and trends of the current market.

2. Consolidating and enhancing the export market.

Though we have achieved a certain position in international markets, Vietnamese wooden product exporting industry in 2013 is considered to meet many challenges. Consequently, DTW's BoM concentrate on maintaining high revenue from exporting through taking good care of loyal existing customers, attending efficient international trade fairs and amplifying Asian portion in the total exporting revenue due to the flourishing demand in this market. BoM assigned 198,075 billion VND, increasing by 3% from that of previous year to export's revenue.

BoM will also establish firm personnel structure, marketing strategy to expand exporting markets with 1 billion VND, accounting for 0.5% exporting revenue as well as introduce new designs of kitchenware and houseware to our customers.

3. Ensuring production efficiency with minimal expenses

The Company will closely monitor the market of timber materials, stock up on materials at reasonable prices to guarantee sufficient materials for overseas orders with acceptable prices.

DTW will continue searching for other types of wood beside rubber wood including mango wood, African mahogany lumber, plywood... with inexpensive and reasonable prices. By this way, we can reduce the dependence on rubber wood supply, but we still have to guarantee high level of safety and quality of products.

4. Using resources properly

Improve the creativity and contribution of all Staff, keep transparency in all business transactions with suppliers, partners and customers, apply modern management tools. Focus on looking for candidates for management positions, train key management positions, complete competent professional management positions to create sustainable value.

Minimize the production expenses in difficult time, maintain healthy financial status, use the least borrowing money in the most efficient way.

BoM will co-operate with consultancy companies to look for partner to finish 10 ha land sale transaction in My Phuoc 2 Industrial zone, Binh Duong Province contributing approximately 30 billion VND to the Company's net profit after tax.

On the behalf of Board of Management

CEO



MR. THANG HONG LE



BOARD OF SUPERVISORS

All 3 members are independent and professional, which ensures the objectiveness and transparency of the Board of Supervisors' activities.

1 Ms. Truong Nu Minh Ngoc

Head of Supervisory Board



Date of birth : 11/11/1978

Education : Bachelor of Business, Ho Chi Minh City Foreign Trade University; Master of Business Administration, Southern Illinois University, the USA.

Since 2007, she has been the Investment Manager of BI Private Equity New Markets K/S (PENM), BankInvest Group. She is also a member of Association of Chartered Certified Accountants (ACCA).

2005 - 2006 : Associate, VinaCapital.

2000 - 2005 : Senior auditor, PricewaterhouseCoopers

Ms. Nguyen Thi Huong Huyen

Member

2

Date of birth: 31/01/1972.

Education : Bachelor of Accounting and Finance, Ho Chi Minh City University of Economics.

Since 2010 : Chief Accountant of Lien A International JSC.

2005 - 2010 : Chief Accountant and CFO of Duc Thanh Company.

1994 - 2005 : Manager of Auditing Department of Hoa Viet Joint Venture Company.



3 Ms. Truong Thi Binh

Member



Date of birth : 11/04/1971

Education : Bachelor of Foreign Language

Since 11/2011 : Export Manager of Duc Thanh Company.

2009 - 11/2011 : Vice Export Manager of Duc Thanh Company.

1996 - 2009 : Sales Representative of Duc Thanh Company.

Distinguished Shareholders,

Pursuant to Law on Enterprises No. 60/2005/QH11 passed by the National Assembly of the Social Republic of Vietnam on Nov 29th, 2005;

Pursuant to Charter of Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company passed by Annual General Meetings of Shareholders;

Based on the regulations applicable to listed companies;

The Board of Supervisors of Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company (DTW) would like to report on the operations of the Board of Supervisors in 2012 and plan for 2013:

AUDITING AND SUPERVISING RESULTS IN 2012:**1. Organizational structure:**

The Board of Supervisors ("the Board") in the last year had no major change in personnel. Until December 2012, Ms. Ngoc submitted resignation letters according to the capital withdrawing route of BankInvest and details as follows:

- **Ms. Ngoc Nu Minh Truong** : Head of Supervisory Board, resigned on 1st Dec 2012
- **Ms. Huyen Thi Huong Nguyen** : Member
- **Ms. Binh Thi Truong** : Member

2. Activities of Supervisors:

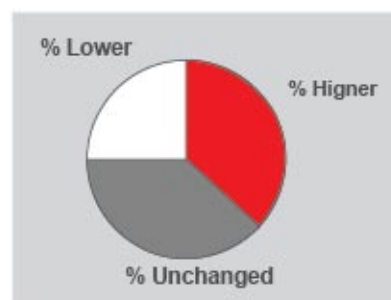
In 2012, on the behalf of shareholders, the Board supervised most of the business operation, management and execution of DTW on the basis of legal rules, company's charter and the requirements of the owners. Details are as follows:

- Making plan for monthly and quarterly checking and supervising; assigning members for executing the function as required.
- Participating in periodically BoM's meetings.
- Auditing and supervising the progress of executing resolutions of Annual General Meeting and BoM's meetings as well as business plan in 2012.
- The Control Board's assessment and supervision were implemented perpetually and timely in order to acknowledge the status, productivity of the Company's business and operation, to address and improve the existing problems within Internal Control System and Internal Audit.

3. Results of auditing and supervising businesses' operation in 2012:

Generally, economy in 2012 continued to be affected by global economic crisis which resulted in many obstacles for various businesses' operations.

In according to HSBC's survey, on 1st Feb 13, there was a remarkable drop in the quantity of exported purchase orders (see the chart below), downward trend in revenue, low profit, and many businesses operating in compromising ways.

New purchase order index

The amount of new purchase orders increased for the second time in the last three months, although the scale of increase was slight. Nearly 37 participants in the survey revealed that the quantity of new purchase orders increased, while nearly 25% participants revealed they decreased. Companies showed that the quantity of new purchase orders grew due to the improvement in revenues. Whereas the quantity of exported purchase orders kept going down.

However, according to audited 2012 Financial Statement of DTW, sales achieved accounts for 96.9% of the plan. This is a rise of 5.3% compared to 2011. It shows the effort of all the employees in improving productivity, saving costs and improving business effectiveness.

Board of Supervisors agreed to the 2012 financial statements which were prepared by DTW and audited by Ernst & Young Limited. The financial statements give a true and fair view of the financial position of the Company as on 31st December 2012, and of the results of its operations and its cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards and System and comply with the relevant statutory requirements.

Some significant items:

- Gross Sale : 231,283,509,538 VND
- Net profit before tax : 47,076,875,835 VND
- Net profit after tax : 38,302,863,214 VND
- Net profit after tax/Character capital : 36.93 %

4. Evaluation on the compliance with law/ regulations and implementation of Annual Shareholder's Meeting and Board of Directors's resolutions.

The Company keeps maintaining high business efficiency on the basis of current laws. This is an important task, especially in the difficult time all over the world and under the very strict legal rules for public companies listed at Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE).

The Company has complied well with all operational procedures of the internal management system. It also maintained a good internal control system in line with requirements of the prevailing accounting standards and accounting systems. The Company has also successfully set up and applied the function-based budget control method as well as followed the Company's financial management requirements.

All the resolutions of the Annual Shareholders' Meetings were discussed at the BoM meetings and periodically reviewed for practice to prepare for suitable adjustment directions.

The Board also held six (6) meetings periodically in 2012 in accordance with the Company's Charter and regulations.

5. Supervision and implementation of the internal management regulations

Last year, the Supervisors frequently discussed with the BoM, Finance Department and Internal Control Department to carry out their supervising function. The Board highly appreciates the Company for intensifying supervision, decisively treating errors, reinforcing high qualified employees who have good moral sense and well comply with the Company's rules, keep saving costs and maintain high gross margin.

6. Professional Expertise, Capability and Independence of the external Auditor.

To improve objectivity, in 2012 DTW chose EY Limited, a professional accountancy firm for independently auditing DTW's financial statement based on current accounting standards.

7. Evaluation

Given the difficulties of the year 2012, the Board acknowledged that the Company had faced a lot of challenges in its activities. However, the Company has been maintaining operations well, took care of much for life of officials and employees. Labor cost percentage in 2012 still increased, while cost ratio decreased.

Within our rights and responsibility, we highly appreciate the BOM and departments for observing and supervising data process so that we can immediately detect and amend errors and avoid affecting the Company's operation.

PLAN OF THE BOARD OF SUPERVISORS IN 2013

Timely assess and give comments on monthly, quarterly and annual financial statements for the year ending 31st December 2013:

- Assess the implementation of the BoD's Resolutions in the BOD's meetings.
- Check and ensure that documents of Annual Shareholders' Meeting and BoD's meetings are sent to BoD's members timely.
- Timely select and ensure the independence and confidence of the independent auditor for the year 2013. Work and discuss with the independent auditor on the nature and the scope of the audit work. All difficulty and pending issues were identified in the first six-month audit or year-end audit; review management letters of the independent auditor and feedback reports from the Company's Management.
- Supervise and comment on the Company's compliance with law and regulations and the Company's Charter in terms of listing, information announcement, approvals, resolutions, etc.
- Take part in all the BoD's meetings held by the Company.

Finally, in the excitement of 2012 profit being certificated successfully, the Board of Supervisors would like to express sincere thanks to the BoD, BoM and the functional departments of DTW who have created enabling environment for us to fulfill our assignments during the year.

We hope that in 2013, DTW will continue to develop our ability, gain more success, turn challenges and difficulty into motivation and opportunity to fulfill our plan.

Thank you and Best regards!

For and on the Behalf of the Board of Supervisors



Nguyen Thi Huong Huyen



• Shareholder structure on March 14th 2013

	Name	ID	Address	Share	Ownership (%)
1	Ms. Le Hai Lieu	020 343 551	1/101 Ha Huy Tap, Ward Tan Phong, PMH, Dist.7, HCMC, VN	4,263,429	41.10%
2	Ms. Vu Tuyet Phuong	023 997 113	133/5 Le Van Tho , Ward 11, Dist. Go Vap, HCMC, VN	703,000	6.78%
TOTAL				4,966,429	47.88%

• Ownership rate of member's Directors, Supervisors and Executives on March 14th 2013

No	Name	ID	Position	Share ownership	
				Shares	Ownership
I Board of Directors and Executives					
1	Ms. Le Hai Lieu	020 343 551	Chairwoman	4,263,429	41.10%
2	Mr. Le Hong Thang	022 768 118	Board member	200,000	1.93%
3	Mr. Le Hong Thanh	022 760 219	Board member	196,660	1.90%
4	Mr. Nguyen Cong Hieu	020 343 136	Board member	5,000	0.05%
5	Mr. Nguyen Kim Le Chuyen	023 424 666	Board member	25,000	0.24%
6	Mr. Tran Xuan Nam	021 838 536	Board member	-	-
7	Ms. Nguyen Thi Thanh Huyen	024 183 985	Manager of HR	9,800	0.09%
TOTAL				4,699,889	45.31%

II Supervisory board

1	Ms. Nguyen Thi Huong Huyen	022 824 240	Member	5,200	0.05%
2	Ms. Truong Thi Binh	024 559 087	Member	880	0.01%

TOTAL				6,080	0.06%
-------	--	--	--	-------	-------

• Share trading activities by inside shareholders

There were no share trading activities by inside shareholders in 2012

Shareholder structure on March 14th 2013

List	Local		Foreigner		Total	
	Shares	Ownership (%)	Shares	Ownership (%)	Shares	Ownership (%)
Inside Shareholders						
Board of directors and Executives	4,699,889	45.31%	-	-	4,699,889	45.31%
Supervisory board	6,080	0.06%	-	-	6,080	0.06%
Others insiders	560,390	5.40%	-	-	560,390	5.40%
Treasury shares	-	-	-	-	-	-
Total Inside Shareholders	5,266,359	50.77%	-	-	5,266,359	50.77%
Outside shareholders						
Individuals	3,558,136	34.31%	610,070	5.88%	4,168,206	40.19%
Institutions	216,040	2.08%	721,760	6.96%	937,800	9.04%
Total Outside Shareholders	3,774,176	36.39%	1,331,830	12.84%	5,106,006	49.23%
Total	9,040,535	87.16%	1,331,830	12.84%	10,372,365	100.00%



Management of Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company (the Company) is pleased to present its report and the financial statements of the Company for the year ended 31 December 2012.

MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE FINANCIAL STATEMENTS

Management is responsible for the financial statements of each financial year which give a true and fair view of the state of affairs of the Company and of the results of its operations and its cash flows for the year. In preparing those financial statements, management is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgements and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the financial statements; and
- Prepare the financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue its business.

Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and to ensure that the accounting records comply with the applied accounting system. It is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

Management confirmed that it has complied with the above requirements in preparing the accompanying financial statements.

STATEMENT BY MANAGEMENT

Management does hereby state that, in its opinion, the accompanying financial statements give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2012 and of the results of its operations and its cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards and System and comply with relevant statutory requirements.

On behalf of management:



Le Hong Thang
General Director
25 March 2013

Reference: 61001277/15748953

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: The shareholders of Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company

We have audited the financial statements of Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company ("the Company") as set out on pages 5 to 32 which comprise the balance sheet as at 31 December 2012, the income statement and the cash flow statement for the year then ended and the notes thereto.

The preparation and presentation of these financial statements are the responsibility of the Company's management. Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. The financial statements of the Company as at and for the year ended 31 December 2011 were audited by another auditor whose report dated 29 March 2012, expressed an unqualified opinion on those statements.

Basis of opinion

We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free from material misstatement. An audit includes examining, on a test basis, evidence supporting the amounts and disclosures in the financial statements. An audit also includes assessing the accounting principles used and significant estimates made by the Company's management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements. We believe that our audit provides a reasonable basis for our opinion.

Opinion

In our opinion, the financial statements give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2012, and of the results of its operations and its cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards and System and comply with the relevant statutory requirements.



Yung Van Ltd.

Ernst & Young Vietnam Limited

Narciso T. Torres Jr

Narciso T. Torres Jr
Deputy General Director
Certificate No. N.0868/KTV

Ho Chi Minh City, Vietnam
25 March 2013

Le Quang Minh

Le Quang Minh
Auditor
Certificate No. 0426/KTV



BALANCE SHEET

As at 31 December 2012

B 01 - DN
VND

Code	ASSETS	Notes	Ending balance	Beginning balance
100	A. CURRENT ASSETS		171,402,494,751	119,490,437,282
110	I. Cash and cash equivalents	4	34,976,093,331	39,610,796,496
111	1. Cash		1,576,093,331	430,096,496
112	2. Cash equivalents		33,400,000,000	39,180,700,000
120	II. Short-term investments	5	47,900,000,000	-
121	1. Short-term investments		47,900,000,000	-
130	III. Current accounts receivable		22,586,275,781	18,154,346,762
131	1. Trade receivables		20,675,506,279	14,889,596,262
132	2. Advances to suppliers		1,465,115,479	2,423,787,205
135	3. Other receivables		445,654,023	840,963,295
140	IV. Inventories	6	61,736,293,239	58,949,446,815
141	1. Inventories		62,736,293,239	63,349,446,815
149	2. Provision for obsolete inventories		(1,000,000,000)	(4,400,000,000)
150	V. Other current assets		4,203,832,400	2,775,847,209
151	1. Short-term prepaid expenses		559,730,450	665,124,106
152	2. Value-added tax deductible		1,958,804,710	1,287,421,222
154	3. Tax and other receivables from the State		-	55,592,419
158	4. Other current assets		1,685,297,240	767,709,462
200	B. NON-CURRENT ASSETS		85,693,177,552	86,757,357,863
220	I. Fixed assets		55,886,231,165	64,410,629,497
221	1. Tangible fixed assets	7	33,749,855,430	38,224,294,356
222	Cost		71,424,160,846	73,491,193,911
223	Accumulated depreciation		(37,674,305,416)	(35,266,899,555)
227	2. Intangible fixed assets	8	12,727,872,823	8,851,208,316
228	Cost		15,084,334,013	11,065,503,913
229	Accumulated amortisation		(2,356,461,190)	(2,214,295,597)
230	3. Construction in progress	9	9,408,502,912	17,335,126,825
260	II. Other long-term assets		29,806,946,387	22,346,728,366
261	1. Long-term prepaid expenses	10	27,856,083,680	21,423,735,978
262	2. Deferred tax assets	19.3	1,680,862,707	805,992,388
268	3. Other long-term assets		270,000,000	117,000,000
270	TOTAL ASSETS		257,095,672,303	206,247,795,145

BALANCE SHEET (continued)

As at 31 December 2012

B 01 - DN

VND

Code	RESOURCES	Notes	Ending balance	Beginning balance
300	A. LIABILITIES		96,386,171,709	48,893,776,443
310	I. Current liabilities		92,963,476,709	41,890,538,932
311	1. Short-term loans	11	53,732,904,022	11,634,749,908
312	2. Trade payables		9,913,495,842	6,279,001,951
313	3. Advances from customers		2,615,435,816	2,714,662,306
314	4. Statutory obligations	12	5,634,079,195	2,129,980,651
315	5. Payables to employees		3,450,345,000	3,902,005,415
316	6. Accrued expenses	13	12,575,178,280	9,870,630,055
319	7. Other payables		1,695,075,564	964,343,343
323	8. Bonus and welfare fund		3,346,962,990	4,395,165,303
330	II. Non-current liabilities		3,422,695,000	7,003,237,511
333	1. Other long-term liabilities		2,422,695,000	2,100,247,500
339	2. Scientific and technological development fund		1,000,000,000	4,902,990,011
400	B. OWNERS' EQUITY		160,709,500,594	157,354,018,702
410	I. Capital	14	160,709,500,594	157,354,018,702
411	1. Share capital		103,723,650,000	103,723,650,000
412	2. Share premium		2,856,593,370	2,856,593,370
417	3. Investment and development fund		9,688,104,867	7,772,961,706
418	4. Financial reserve fund		8,981,235,647	7,066,092,486
420	5. Undistributed earnings		35,459,916,710	35,934,721,140
440	TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY		257,095,672,303	206,247,795,145

OFF BALANCE SHEET ITEM

ITEM	Ending balance	Beginning balance
Foreign currency - United States dollar (US\$)	27,590	2,268



Tran Nguyen Viet Trung
Preparer

25 March 2013



Bui Phuong Thao
Chief Accountant



Le Hong Thang
General Director

INCOME STATEMENT

For the year ended 31 December 2012

B 02 - DN

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
01	1. Revenue from sale of goods and rendering of services	16.1	231,931,578,511	220,745,752,164
02	2. Deductions	16.1	(648,068,973)	(1,060,358,596)
10	3. Net revenue from sale of goods and rendering of services	16.1	231,283,509,538	219,685,393,568
11	4. Cost of goods sold and services rendered		(162,021,118,345)	(146,357,801,729)
20	5. Gross profit from sale of goods and rendering of services		69,262,391,193	73,327,591,839
21	6. Finance income	16.2	7,067,983,362	7,643,670,334
22	7. Finance expenses	17	(1,884,623,178)	(2,844,772,647)
23	- In which: Interest expense		(1,534,488,869)	(1,772,829,990)
24	8. Selling expenses		(13,491,877,568)	(12,475,522,698)
25	9. General and administrative expenses		(15,024,091,923)	(18,435,070,876)
30	10. Operating profit		45,929,781,886	47,215,895,952
31	11. Other income	18	1,248,194,533	3,172,992,451
32	12. Other expenses	18	(101,100,584)	(1,099,109,587)
40	13. Other profit	18	1,147,093,949	2,073,882,864
50	14. Profit before tax		47,076,875,835	49,289,778,816
51	15. Current corporate income tax expense	19.1	(9,648,882,940)	(6,962,451,483)
52	16. Deferred income tax benefit	19.3	874,870,319	434,121,927
60	17. Net profit after tax		38,302,863,214	42,761,449,260
70	18. Basic earnings per share	15	3,693	4,123



Tran Nguyen Viet Trung
Preparer

25 March 2013



Bui Phuong Thao
Chief Accountant



Le Hong Thang
General Director

CASH FLOW STATEMENT

For the year ended 31 December 2012

B 03 - DN

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
	I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
01	Profit before tax		47,076,875,835	49,289,778,816
	<i>Adjustments for:</i>			
02	Depreciation and amortisation	7, 8	4,582,971,353	4,598,347,082
03	Provisions		(3,400,000,000)	(1,100,000,000)
04	Unrealised foreign exchange gain	16.2	(228,877,931)	(13,607,683)
05	Profits from investing activities		(6,068,481,244)	(5,278,308,503)
06	Interest expense	17	1,534,488,869	1,772,829,990
08	Operating profit before changes in working capital		43,496,976,882	49,269,039,702
09	Increase in receivables		(5,621,493,859)	(2,322,441,449)
10	Decrease (increase) in inventories		671,707,806	(23,803,762,949)
11	Increase in payables		2,966,349,735	6,510,903,859
12	Decrease in prepaid expenses		1,650,178,886	2,335,026,187
13	Interest paid		(1,480,435,290)	(1,772,829,990)
14	Corporate income tax paid		(6,195,381,761)	(6,539,357,059)
15	Other cash inflows from operating activities		110,852,000	609,353,884
16	Other cash outflows from operating activities		(4,893,178,635)	(5,055,826,984)
20	Net cash flows from operating activities		30,705,575,764	19,230,105,201
	II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
21	Purchase and construction of fixed assets		(4,494,104,783)	(3,009,201,279)
22	Proceeds from disposals of fixed assets		40,454,545	2,865,259,015
23	Bank deposits		(47,900,000,000)	-
27	Interest received		5,924,000,973	5,907,072,348
30	Net cash flows (used in) from investing activities		(46,429,649,265)	5,763,130,084

CASH FLOW STATEMENT (continued)

For the year ended 31 December 2012

B 03 - DN

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
	III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
33	Drawdown of borrowings		117,207,415,387	84,312,202,306
34	Repayment of borrowings		(75,012,187,681)	(95,330,677,506)
36	Dividends paid	14.2	(31,110,165,000)	(20,744,730,000)
40	Net cash flows from (used in) financing activities		11,085,062,706	(31,763,205,200)
50	Net increase (decrease) in cash and cash equivalents		(4,639,010,795)	(6,769,969,915)
60	Cash and cash equivalents at beginning of year	4	39,610,796,496	46,389,923,510
61	Impact of exchange rate fluctuation		4,307,630	(9,157,099)
70	Cash and cash equivalents at end of year	4	34,976,093,331	39,610,796,496



Tran Nguyen Viet Trung
Preparer

25 March 2013



Bui Phuong Thao
Chief Accountant



Le Hong Thang
General Director

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

As at and for the year ended 31 December 2012

1. CORPORATE INFORMATION

Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company (the Company) is a shareholding company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to the Business Registration Certificate No.4103000126 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 8 August 2000 and the following Amended Business Registration Certificates:

<u>Amended Business Registration Certificates</u>	<u>Date</u>
First amendment	8 August 2000
Second amendment	1 July 2002
Third amendment	9 December 2002
Fourth amendment	17 January 2003
Fifth amendment	30 July 2004
Sixth amendment	3 March 2005
Seventh amendment	9 June 2006
Eighth amendment	27 July 2006
Ninth amendment	13 October 2006
Tenth amendment	11 December 2006
Eleventh amendment	30 January 2007
Twelfth amendment	17 April 2007
Thirteenth amendment	12 March 2008
Fourteenth amendment	9 January 2009
Fifteenth amendment	13 January 2012

The principal activities of the Company are to produce the household wooden products, broom sticks, flag sticks, plywood and wooden toys.

The Company's head office and factory are located at 21/6D Phan Huy Ich Street, Ward 14, Go Vap District, Ho Chi Minh City, Vietnam. The Company also has one (1) factory located at Zone 9, Tan Hoi, Tan Hiep Commune, Tan Uyen District, Binh Duong Province, Vietnam; and two (2) showrooms located at 172 Nguyen Van Troi Street, Ward 8, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City, Vietnam and 21 Nguyen Van Linh, Tan Phong Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam.

The number of the Company's employees as at 31 December 2012 was 982 (31 December 2011: 1,041).

2. BASIS OF PREPARATION

2.1 Accounting standards and system

The financial statements of the Company, expressed in Vietnam dong (VND), are prepared in accordance with the Vietnamese Accounting System and Vietnamese Accounting Standards (VAS) issued by the Ministry of Finance as per:



- Decision No. 149/2001/QĐ-BTC dated 31 December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 1);
- Decision No. 165/2002/QĐ-BTC dated 31 December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 2);
- Decision No. 234/2003/QĐ-BTC dated 30 December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 3);
- Decision No. 12/2005/QĐ-BTC dated 15 February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 4); and
- Decision No. 100/2005/QĐ-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 5).

Accordingly, the accompanying balance sheet, income statement, cash flow statement and related notes, including their utilisation are not designed for those who are not informed about Vietnam's accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present the financial position and results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

2.2 Applied accounting documentation system

The Company's applied accounting documentation system is the General Journal system.

2.3 Fiscal year

The Company's fiscal year starts on 1 January and ends on 31 December.

2.4 Accounting currency

The financial statements are prepared in VND which is also the Company's accounting currency.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

3.1 Change in accounting policies and disclosures

The accounting policies adopted by the Company in preparation of financial statements are consistent with those followed in the preparation of the Company's financial statements for the year ended 31 December 2011, except for the change in the accounting policy in relation to the changes in foreign currency transactions.

For the year ended 31 December 2012, the Company adopts Circular No. 179/2012/TT-BTC providing guidance on recognition, measurement, treatment for foreign exchange differences issued by the Ministry of Finance on 24 October 2012 ("Circular 179") in addition to Vietnamese Accounting Standard No. 10 - Effects of Changes in Foreign Exchange Rates ("VAS 10") adopted in prior years.

Following Circular 179, at the end of the year, monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies are translated into VND using buying exchange rate announced by the commercial bank where the Company maintains bank accounts. In 2011, inter-bank exchange rates ruling at the balance sheet date was used for this translation.

Circular 179 is applied from 2012 on prospective basis. Impact of the change from using interbank exchange rate to buying exchange rate announced by the commercial bank for

the year end translation to the financial statement as at and for the year ended 31 December 2012 is not material taken as a whole.

3.2 Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, cash at banks and short-term, highly liquid investments with an original maturity of less than three months that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value.

3.3 Inventories

Inventories are stated at the lower of cost incurred in bringing each product to its present location and condition, and net realisable value.

Net realisable value represents the estimated selling price in the ordinary course of business less the estimated costs to complete and the estimated costs necessary to make the sale.

The perpetual method is used to record inventories, which are valued as follows:

- | | |
|------------------------------------|---|
| Raw materials | - cost of purchase on a weighted average basis. |
| Finished goods and work-in-process | - cost of direct materials and labour plus attributable manufacturing overheads based on the normal operating capacity on a weighted average basis. |

Provision for obsolete inventories

An inventory provision is created for the estimated loss arising due to the impairment of value (through diminution, damage, obsolescence, etc.) of raw materials, finished goods, and other inventories owned by the Company, based on appropriate evidence of impairment available at the balance sheet date.

Increases and decreases to the provision balance are recorded into the cost of goods sold account in the income statement.

3.4 Receivables

Receivables are presented in the financial statements at the carrying amounts due from customers and other debtors, after provision for doubtful debts.

The provision for doubtful debts represents amounts of outstanding receivables at the balance sheet date which are doubtful of being recovered. Increases and decreases to the provision balance are recorded as general and administrative expense in the income statement.

3.5 Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of bringing the tangible fixed asset to working condition for its intended use. Expenditures for additions, improvements and renewals are added to the carrying amount of the assets and expenditures for maintenance and repairs are charged to the income statement as incurred.

When tangible fixed assets are sold or retired, their costs and accumulated depreciation are removed from the balance sheet and any gain or loss resulting from their disposal is included in the income statement.





3.6 Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are stated at cost less accumulated amortisation.



The cost of an intangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of preparing the intangible fixed asset for its intended use.

When intangible fixed assets are sold or retired, their costs and accumulated amortisation are removed from the balance sheet and any gain or loss resulting from their disposal is included in the income statement.



Land use rights

Land use rights are recorded as an intangible asset on the balance sheet when the Company obtained the land use right certificates. The costs of land use right comprise all directly attributable costs of bringing the land to the condition available for intended use. The land use right is amortised over the useful life, exception for land use right having indefinite useful life is not amortised.



3.7 Depreciation and amortisation

Depreciation of tangible fixed assets and amortisation of intangible fixed assets are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:



Buildings and structures	10 - 25 years
Machinery and equipment	4 - 12 years
Means of transportation	3 - 9 years
Office equipment	6 - 10 years
Land use right	40 - 46 years
Accounting software	3 - 5 years



3.8 Borrowing costs

Borrowing costs consist of interest and other costs that an entity incurs in connection with the borrowing of funds and are recorded as expenses during the year in which they are incurred.



3.9 Prepaid expenses

Prepaid expenses are reported as short-term or long-term prepaid expenses on the balance sheet and amortised over the period for which the amounts are paid or the period in which economic benefits are generated in relation to these expenses.



3.10 Payables and accruals

Payables and accruals are recognised for amounts to be paid in the future for goods and services received, whether or not billed to the Company.



3.11 Accrual for severance pay

The severance pay to employee is accrued at the end of each reporting year for all employees who have more than 12 months in service up to 31 December 2008 at the rate of one-half of the average monthly salary for each year of service up to 31 December 2008 in accordance with the Labour Code, the Law on Social Insurance and related implementing guidance. Commencing 1 January 2009, the average monthly salary used in this calculation will be revised at the end of each reporting year following the average monthly salary of



the 6-month period up to the reporting date. Any changes to the accrued amount will be taken to the income statement.

This accrued severance pay is used to settle the severance allowance to be paid to employee upon termination of their labour contract following Article 42 of the Labour Code

3.12 Foreign currency transactions

The Company follows the guidance under VAS 10 in relation to foreign currency transactions as applied consistently in prior years. In addition to VAS 10, starting from 2012, the Company adopts Circular 179 in relation to foreign currency transaction which impacts are presented in Note 3.1.

Transactions in currencies other than the Company's reporting currency of VND are recorded at the exchange rates ruling at the date of the transaction. At the end of the year, monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies are translated at buying exchange rate announced by the commercial bank where the Company maintains bank accounts at the balance sheet date. All realised and unrealised foreign exchange differences are taken to the income statement.

3.13 Basic earnings per share

Basic earnings per share amount is computed by dividing net profit for the year attributable to ordinary shareholders, before appropriation for funds by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year, where applicable.

3.14 Appropriation of net profits

Net profit after tax is available for appropriation to shareholders after approval in the annual general meeting, and after making appropriation to reserve funds in accordance with the Company's Charter and Vietnam's regulatory requirements.

The Company maintains the following reserve funds which are appropriated from the Company's net profit as proposed by the Board of Directors and subject to approval by shareholders at the annual general meeting:

Financial reserve fund

This fund is set aside to protect the Company's normal operations from business risks or losses, or to prepare for unforeseen losses or damages for objective reasons and force majeure, such as fire, economic and financial turmoil of the country or elsewhere.

Investment and development fund

This fund is set aside for use in the Company's expansion or upgrading of its operation.

Bonus and welfare fund

This fund is set aside for the purpose of pecuniary rewarding and encouraging, common benefits and improvement of the employees' benefits and it is recognised as a liability.

3.15 Revenue recognition

Revenue is recognised to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Company and the revenue can be reliably measured. Revenue is measured at the fair value of the consideration received or receivable, excluding trade discount, rebate and sales return. The following specific recognition criteria must also be met before revenue is recognised:





Sale of goods

Revenue is recognised when the significant risks and rewards of ownership of the goods have passed to the buyer, usually upon the delivery of the goods.



Rendering of services

Revenue is recognised when services have been rendered.



Interest

Revenue is recognised as the interest accrues (taking into account the effective yield on the asset) unless collectability is in doubt.

3.16 Taxation

Current income tax



Current income tax assets and liabilities for the current and prior years are measured at the amount expected to be recovered from or paid to the taxation authorities. The tax rates and tax laws used to compute the amount are those that are enacted as at the balance sheet date.



Current income tax is charged or credited to the income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the deferred current income tax is also dealt with in equity.

Current income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Company to set off current tax assets against current tax liabilities and when the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.



Deferred income tax

Deferred tax is provided using the balance sheet liability method on temporary differences at the balance sheet date between the tax base of assets and liabilities and their carrying amount for financial reporting purposes.



Deferred tax liabilities are recognised for all taxable temporary differences. Deferred tax assets are recognised for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses, to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses can be utilised.



The carrying amount of deferred income tax assets is reviewed at each balance sheet date and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profit will be available to allow all or part of the deferred income tax asset to be utilised. Previously unrecognised deferred income tax assets are re-assessed at each balance sheet date and are recognised to the extent that it has become probable that future taxable profit will allow the deferred tax assets to be recovered.



Deferred income tax assets and liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the period when the asset is realised or the liability is settled based on tax rates and tax laws that have been enacted at the balance sheet date.



Deferred tax is charged or credited to the income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in the equity account.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Company to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied on the same taxable entity by the same taxation authority.



3.17 Segment information

A segment is a component determined separately by the Company which is engaged in providing products or related services (business segment), or providing products or services in a particular economic environment (geographical segment), that is subject to risks and returns that are different from those of other segments. As the Company's revenue and profit are derived mainly from production and/or sales of wooden products and the Company does not have production or sales activity outside of Vietnam while other sources of revenue are not material as a whole, management accordingly believes that the Company operates in a sole business segment of production and sales of wooden products and geographical segment of the Company is in Vietnam only.



3.18 Financial instruments



Financial instruments - initial recognition and presentation

Financial assets

Financial assets within the scope of Circular No. 210/2009/TT-BTC providing guidance for the adoption in Vietnam of the International Financial Reporting Standards on presentation and disclosures of financial instruments ("Circular 210") issued by the Ministry of Finance on 6 November 2009 are classified, for disclosures in the notes to the financial statements, as financial assets at fair value through profit or loss, held-to-maturity investments, loans and receivables or available-for-sale financial assets as appropriate. The Company determines the classification of its financial assets at initial recognition.



All financial assets are recognised initially at cost plus directly attributable transaction costs. The Company's financial assets include cash, short-term deposits, and trade and other receivables.



Financial liabilities

Financial liabilities within the scope of Circular 210 are classified, for disclosures in the notes to the financial statements, as financial liabilities at fair value through profit or loss or financial liabilities measured at amortised cost as appropriate. The Company determines the classification of its financial liabilities at initial recognition.



All financial liabilities are recognised initially at cost plus directly attributable transaction costs. The Company's financial liabilities include trade and other payables, and loans.



Financial instruments - subsequent re-measurement

There is currently no guidance in relation to subsequent re-measurement of financial instruments. Accordingly, the financial instruments are subsequently re-measured at cost.



Offsetting of financial instruments

Financial assets and financial liabilities are offset and the net amount reported in the balance sheet if, and only if, there is a currently enforceable legal right to offset the recognised amounts and there is an intention to settle on a net basis, or to realise the assets and settle the liabilities simultaneously.



4. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Cash on hand	249,849,939	133,934,558
Cash at banks	1,326,243,392	296,161,938
Cash equivalents	33,400,000,000	39,180,700,000
TOTAL	34,976,093,331	39,610,796,496

Cash equivalents represent one-month, two-month and three-month term bank deposits and earn interest at the rates from 6.5% to 9.0% per annum.

5. SHORT-TERM INVESTMENTS

Short-term investments represent bank deposits with an original maturity of more than three months and earn interest at the rates from 6.5% to 9.0% per annum at commercial banks.

Short-term investments amounting to VND 37,400,000,000 were pledged as collateral for the short-term loans obtained from commercial banks (Note 11). These collaterals shall be released by commercial banks upon the Company's repayment of its loans.

6. INVENTORIES

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Raw materials	46,378,664,784	43,210,696,331
Finished goods	11,637,493,806	11,534,143,617
Work in process	3,748,620,683	6,994,554,603
Tools and supplies	532,112,589	761,711,812
Goods on consignment	439,401,377	848,340,452
	62,736,293,239	63,349,446,815
Provision for obsolete inventories	(1,000,000,000)	(4,400,000,000)
NET	61,736,293,239	58,949,446,815

Detail of movements of provision for obsolete inventories

	VND	
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
At the beginning of the year	(4,400,000,000)	(5,500,000,000)
Provision created during the year	(1,000,000,000)	-
Utilization of provision during the year	4,400,000,000	1,100,000,000
At the end of the year	(1,000,000,000)	(4,400,000,000)

7. TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Means of transportation	Office equipment	VND Total
Cost:					
Beginning balance	33,643,712,837	34,683,932,291	3,211,546,056	1,952,002,727	73,491,193,911
Newly purchased	66,887,273	532,004,365	195,000,000	154,411,819	948,303,457
Transfer from construction in progress	58,554,230	-	-	-	58,554,230
Disposed	-	(2,988,938,252)	(62,986,500)	(21,966,000)	(3,073,890,752)
Ending balance	33,769,154,340	32,226,998,404	3,343,559,556	2,084,448,546	71,424,160,846
<i>In which:</i>					
Fully depreciated	991,158,731	13,777,660,274	62,986,500	1,588,784,027	16,420,589,532
Accumulated depreciation:					
Beginning balance	(9,247,151,552)	(23,272,215,894)	(1,076,404,967)	(1,671,127,142)	(35,266,899,555)
Depreciation for the year	(1,404,576,871)	(2,434,800,464)	(296,368,600)	(182,349,482)	(4,318,095,417)
Disposed	-	1,825,737,056	62,986,500	21,966,000	1,910,689,556
Ending balance	(10,651,728,423)	(23,881,279,302)	(1,309,787,067)	(1,831,510,624)	(37,674,305,416)
Net carrying amount:					
Beginning balance	24,396,561,285	11,411,716,397	2,135,141,089	280,875,585	38,224,294,356
Ending balance	23,117,425,917	8,345,719,102	2,033,772,489	252,937,922	33,749,855,430
<i>In which:</i>					
Pledged as loan security (Note 11)	18,731,423,957	-	6,333,333,324	-	25,064,757,281

8. INTANGIBLE FIXED ASSETS

VND

	<i>Land use rights</i>	<i>Accounting software</i>	<i>Total</i>
Cost:			
Beginning balance	10,623,823,333	441,680,580	11,065,503,913
Newly purchased	4,293,726,100	179,670,400	4,473,396,500
Disposal	-	(454,566,400)	(454,566,400)
Ending balance	14,917,549,433	166,784,580	15,084,334,013
<i>In which:</i>			
<i>Fully amortised</i>	-	166,784,580	166,784,580
Accumulated amortisation:			
Beginning balance	(2,023,009,942)	(191,285,655)	(2,214,295,597)
Amortisation for the year	(166,666,668)	(98,209,268)	(264,875,936)
Disposal	-	122,710,343	122,710,343
Ending balance	(2,189,676,610)	(166,784,580)	(2,356,461,190)
Net carrying amount:			
Beginning balance	8,600,813,391	250,394,925	8,851,208,316
Ending balance	12,727,872,823	-	12,727,872,823
<i>In which:</i>			
<i>Pledged as loan security</i>			
<i>(Note 11)</i>	6,416,666,658	-	6,416,666,658

9. CONSTRUCTION IN PROGRESS

Construction in progress represents factory under construction located at My Phuoc 2 Industry Park, Binh Duong Province, Vietnam. On April 2010, the Company's management has approved to sell the factory and the land use rights to any suitable buyer. The land use rights for sale is recorded separately under long-term prepaid expenses.

10. LONG-TERM PREPAID EXPENSES

VND

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Land use rights and related costs	26,400,826,357	21,041,219,092
Others	1,455,257,323	382,516,886
TOTAL	27,856,083,680	21,423,735,978

11. SHORT-TERM LOANS

VND

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Short-term loans from banks	53,732,904,022	11,634,749,908

Details of short-term loans from banks are as follows:

<i>Bank</i>	<i>Ending balance</i>	<i>Original amount</i>	<i>Term and maturity date</i>	<i>Interest rate</i>	<i>Description of collateral</i>
	VND	US\$		(%/p.a.)	
Joint Stock Bank for Foreign Trade of Vietnam – Ho Chi Minh branch	29,809,267,032	1,432,105	6 months and from 11 January 2013 to 24 April 2013	3.30 – 4.00	Short-term investments (Note 5)
Commonwealth Bank of Australia – Ho Chi Minh branch	14,801,484,055	711,097	6 months and from 6 March 2013 to 5 May 2013	2.21	Buildings and structures and means of transportation (Note 7) and land use rights (Note 8)
Housing Development Bank – Tan Binh branch	3,642,625,000	175,000	6 months and 14 March 2013	4.50	Short-term investments (Note 5)
Vietnam Import Export Bank – Main Office No.1	2,981,727,935	143,249	6 months and 28 February 2013	5.00	Unsecured
HSBC Bank (Vietnam) Ltd	2,497,800,000	120,000	6 months and 2 February 2013	4.00	Short-term investments (Note 5)
TOTAL	53,732,904,022	2,581,451			

The Company obtained these loans to finance for its working capital requirements.

12. STATUTORY OBLIGATIONS

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Corporate income tax (Note 19.2)	5,397,778,978	1,944,277,799
Personal income tax	64,009,148	-
Others	172,291,069	185,702,852
TOTAL	5,634,079,195	2,129,980,651

13. ACCRUED EXPENSES

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Additional salary payable to employees	4,844,165,993	5,306,706,657
13 th and 14 th monthly salary	4,708,250,000	2,466,350,000
Land rental fees	1,059,058,152	529,529,076
Others	1,963,704,135	1,568,044,322
TOTAL	12,575,178,280	9,870,630,055

14. OWNERS' EQUITY

14.1 Increase and decrease in owners' equity

	Share capital	Share premium	Investment and development fund	Financial reserve fund	Undistributed earnings	VND Total
Previous year						
Beginning balance	103,723,650,000	2,856,593,370	5,634,889,243	4,928,020,023	22,470,291,729	139,613,444,365
Net profit for the year	-	-	-	-	42,761,449,260	42,761,449,260
Dividend declared	-	-	-	-	(20,744,730,000)	(20,744,730,000)
Profit appropriation	-	-	2,138,072,463	2,138,072,463	(4,276,144,926)	-
Transferred to bonus and welfare funds	-	-	-	-	(4,276,144,923)	(4,276,144,923)
Ending balance	103,723,650,000	2,856,593,370	7,772,961,706	7,066,092,486	35,934,721,140	157,354,018,702
Current year						
Beginning balance	103,723,650,000	2,856,593,370	7,772,961,706	7,066,092,486	35,934,721,140	157,354,018,702
Net profit for the year	-	-	-	-	38,302,863,214	38,302,863,214
Dividend declared	-	-	-	-	(31,117,095,000)	(31,117,095,000)
Profit appropriation	-	-	1,915,143,161	1,915,143,161	(3,830,286,322)	-
Transferred to bonus and welfare funds	-	-	-	-	(3,830,286,322)	(3,830,286,322)
Ending balance	103,723,650,000	2,856,593,370	9,688,104,867	8,981,235,647	35,459,916,710	160,709,500,594

14.2 Capital transactions with shareholders and distribution of dividends

	VND	
	Current year	Previous year
Contributed capital		
Beginning balance and ending balance	103,723,650,000	103,723,650,000
Dividends		
Dividends declared	31,117,095,000	20,744,730,000
Dividends paid	31,110,165,000	20,744,730,000

14.3 Shares

	Ending balance (share)	Beginning balance (share)
Authorised shares	10,372,365	10,372,365
Shares issued and fully paid		
<i>Ordinary shares</i>	10,372,365	10,372,365
Shares in circulation		
<i>Ordinary shares</i>	10,372,365	10,372,365

15. BASIC EARNINGS PER SHARE

Basic earnings per share amounts are calculated by dividing net profit after tax for the year attributable to the Company's shareholders by the weighted average number of shares outstanding during the year.

	Current year	Previous year
Net profit for the year attributable to the Company's shareholders (VND)	38,302,863,214	42,761,449,260
Weighted average number of share (share)	10,372,365	10,372,365
Basic earnings per share (VND)	3,693	4,123

There have been no dilutive potential ordinary shares during the year and up to the date of these financial statements.

16. REVENUE

16.1 Revenue from sale of goods and rendering of services

	VND	
	Current year	Previous year
Gross revenue	231,931,578,511	220,745,752,164
Of which:		
Revenue from sales of goods	231,274,028,840	220,147,986,139
Revenue from rendering of services	657,549,671	597,766,025
Less	(648,068,973)	(1,060,358,596)
Of which:		
Sales returns	(480,780,546)	(697,132,211)
Trade discount	(167,288,427)	(363,226,385)
Net revenue	231,283,509,538	219,685,393,568
Of which:		
Revenue from sales of goods	230,625,959,867	219,087,627,543
Revenue from rendering of services	657,549,671	597,766,025

16.2 Finance income

	VND	
	Current year	Previous year
Interest income	6,427,871,299	5,546,347,401
Realised foreign exchange gain	257,133,169	1,985,320,448
Unrealised foreign exchange gain	228,877,931	13,607,683
Payment discount	154,100,963	98,394,802
TOTAL	7,067,983,362	7,643,670,334

17. FINANCE EXPENSES

	VND	
	Current year	Previous year
Loan interest	1,534,488,869	1,772,829,990
Realised foreign exchange loss	348,419,309	1,048,318,703
Discounts for early payment	1,715,000	23,623,954
TOTAL	1,884,623,178	2,844,772,647

18. OTHER INCOME AND EXPENSES

	VND	
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Other income		
Proceeds from scrap sales	1,123,334,363	994,799,363
Proceeds from disposal of fixed assets	40,454,545	238,724,363
Sponsor from Danida fund	-	1,350,786,000
Others	84,405,625	588,682,725
	1,248,194,533	3,172,992,451
Other expenses		
Net book value of disposed fixed assets	(68,453,044)	(506,763,261)
Others	(32,647,540)	(592,346,326)
	(101,100,584)	(1,099,109,587)
NET	1,147,093,949	2,073,882,864

19. CORPORATE INCOME TAX

The Company has the obligation to pay corporate income tax (CIT) at the rate of 25% of taxable profits.

In accordance with Circular 140/2012/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 21 August 2012 which provides guidance on CIT reduction, the Company is entitled to 30% reduction on CIT payable in relation to the year 2012.

In accordance with the Business Registration Certificate No.4103000126 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 8 August 2000, the Company is entitled to an exemption from CIT for one (1) year commencing from the first year in which a taxable profit is earned (year 2007) and 50% reduction of CIT for the following four (4) years relative to the additional investment in the Company's new factory in Tan Uyen District, Binh Duong Province, Vietnam before 2009 in order to expand the Company's production capacity.

The tax returns filed by the Company are subject to examination by the tax authorities. As the application of tax laws and regulations is susceptible to varying interpretations, the amounts reported in the financial statements could change at a later date upon final determination by the tax authorities.

19.1 CIT expense

	VND	
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Current CIT expense	9,648,882,940	6,962,451,483

19.2 Current CIT

The current tax payable is based on taxable profit for the year. The taxable profit of the Company for the year differs from the profit as reported in the income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years and it further excludes items that are not taxable or deductible. The Company's liability for current tax is calculated using tax rates that have been enacted by the balance sheet date.

A reconciliation between the profit before tax and taxable profit is presented below:

	Current year			VND
	Operating activities	Other activities	Total	Previous year
Profit before tax	40,396,573,989	6,680,301,846	47,076,875,835	49,289,778,816
<i>Adjustments to increase (decrease) accounting profit</i>				
Accrued expenses	144,000,000	1,059,058,152	1,203,058,152	-
Allocation of land rental fees	-	1,436,893,468	1,436,893,468	-
Non deductible expenses	935,597,185	-	935,597,185	2,430,734,550
Accrual for severance allowance	981,148,477	-	981,148,477	-
Unrealized exchange gain	(65,207,803)	-	(65,207,803)	(438,557,961)
Estimated current taxable profit	42,392,111,848	9,176,253,466	51,568,365,314	51,281,955,405
Estimated current CIT	10,598,027,962	2,294,063,367	12,892,091,329	12,820,488,851
CIT reduction in accordance with Circular 140/2012/TT-BTC	(3,179,408,389)	-	(3,179,408,389)	(2,965,598,631)
CIT reduction due to using many women workers	(63,800,000)	-	(63,800,000)	(72,800,000)
CIT reduction due from investment expansion	-	-	-	(2,819,638,737)
Estimated CIT after reduction	7,354,819,573	2,294,063,367	9,648,882,940	6,962,451,483
CIT payable at beginning of year			1,944,277,799	1,177,693,837
CIT paid during the year			(6,195,381,761)	(6,195,867,521)
CIT payable at end of year			5,397,778,978	1,944,277,799

19.3 Deferred CIT

The following are the deferred tax assets recognised by the Company, and the movements thereon, during the current and previous years:

	<i>Balance sheet</i>		<i>Income statement</i>	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Allocation of land rental fees	843,432,747	484,209,380	359,223,367	484,209,380
Accrued expenses	300,764,538	-	300,764,538	-
Provision for severance allowance	560,018,750	314,731,631	245,287,119	45,449,283
Unrealised foreign exchange gain	(23,353,328)	7,051,377	(30,404,705)	(95,536,736)
Deferred tax assets	1,680,862,707	805,992,388		
Deferred income tax credit to the income statement			874,870,319	434,121,927

20. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES

Remuneration to members of the Boards of Directors and Management:

	<i>VND</i>	
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Salaries and bonus	1,888,558,000	3,919,164,000

21. COMMITMENTS

Operating lease commitments

The Company leases lands and stores under operating lease arrangements. The minimum lease commitment as at the balance sheet date is as follows:

	<i>VND</i>	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Less than 1 year	2,324,998,389	1,480,432,000
From 1 to 5 years	5,375,065,555	3,097,925,333
More than 5 years	36,189,375,023	19,289,505,067
TOTAL	43,889,438,967	23,867,862,400

22. FINANCIAL RISK MANAGEMENT OBJECTIVES AND POLICIES

The Company's principal financial liabilities comprise loans; and trade and other payables. The main purpose of these financial liabilities is to finance the Company's operations. The Company has trade and other receivables and cash and short-term deposits that arise directly from its operations. The Company does not hold or issue any derivative financial instruments.

The Company is exposed to market risk, credit risk and liquidity risk.

Management reviews and agrees policies for managing each of these risks which are summarized below.

Market risk

Market risk is the risk that the fair value of future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in market prices. Market prices comprise four types of risk: interest rate risk, currency risk, commodity price risk and other price risk, such as equity price risk. Financial instruments affected by market risk include loans and deposits.

Interest rate risk

Interest rate risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in market interest rates. The Company's exposure to the risk of changes in market interest rates relates primarily to the Company's loans with floating interest rate.

The Company manages interest rate risk by looking at the competitive structure of the market to obtain rates which are favorable for its purposes within its risk management limits.

Interest rate sensitivity

The following table demonstrates the sensitivity to a reasonably possible change in interest rates on that portion of loans.

With all other variables held constant, the Company's profit before tax is affected through the impact on floating rate borrowings as follows:

	<i>Increase/decrease in basis points</i>	<i>Effect on profit before tax</i>
		(VND)
For current year		
	+135	(726,993,979)
	-135	726,993,979
For previous year		
	+135	(157,069,124)
	-135	157,069,124

Foreign currency risk

Foreign currency risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in foreign exchange rates. The Company's exposure to the risk of changes in foreign exchange rates relates primarily to the Company's operating activities.

The Company is exposed to foreign currency risk in relation to sale of goods and obtaining of loans which are denominated in currencies other than its accounting currency as disclosed in Note 2.4. The Company manages its foreign currency exposure by considering the prevailing and expected market situation when it plans for future sale of goods and obtaining of loans denominated in foreign currencies, other than increasing natural-hedged proportion. The Company does not employ any derivative financial instruments to hedge its foreign currency exposure.

Foreign currency sensitivity

The following table demonstrates the sensitivity to a reasonably possible change in the US\$ exchange rate, with all other variables held constant, of the Company's profit before tax (due to changes in the fair value of monetary assets and liabilities). The Company's exposure to foreign currency changes for all other currencies is not material.

	<i>Change in US\$ rate</i>	<i>Effect on profit before tax</i>
	<i>(%)</i>	<i>(VND)</i>
For current year		
US\$	+0.55	(217,284,016)
US\$	-0.55	217,284,016
For previous year		
US\$	+0.55	(24,568,218)
US\$	-0.55	24,568,218

Credit risk

Credit risk is the risk that counterparty will not meet its obligations under a financial instrument or customer contract, leading to a financial loss. The Company is exposed to credit risk from its operating activities primarily for trade receivables and from its financing activities, including deposits with banks.

Trade receivables

Customer credit risk is managed by the Company based on its established policy, procedures and control relating to customer credit risk management.

Outstanding customer receivables are regularly monitored and any shipments to major customers are generally covered by letters of credit. The requirement for impairment is analyzed at each reporting date on an individual basis for major customers. The Company seeks to maintain strict control over its outstanding receivables to minimize credit risk. In view of the aforementioned and the fact that the Company's trade receivables relate to a large number of diversified customers, there is no significant concentration of credit risk.

Bank deposits

The Company's bank balances are mainly maintained with well-known banks in Vietnam. Credit risk from balances with banks is managed by the Company's management in accordance with the Company's policy. The Company's maximum exposure to credit risk for the components of the balance sheet at each reporting dates are the carrying amounts as illustrated in Note 4 and Note 5. The Company evaluates the concentration of credit risk in respect to bank deposits as low.

Liquidity risk

The liquidity risk is the risk that the Company will encounter difficulty in meeting financial obligation due to shortage of funds. The Company's exposure to liquidity risk arises primarily from mismatches of maturities of financial assets and liabilities.

The Company monitors its liquidity risk by maintain a level of cash and cash equivalents and bank loans deemed adequate by management to finance the Company's operations and to mitigate the effects of fluctuations in cash flows.

The table below summarizes the maturity profile of the Company's financial liabilities based on contractual undiscounted payments:

			VND
	<i>Less than 1 year</i>	<i>From 1 to 5 years</i>	<i>Total</i>
Ending balance			
Loans	53,732,904,022	-	53,732,904,022
Trade payables	9,913,495,842	-	9,913,495,842
Other payables and accrued expenses	3,630,881,851	182,620,000	3,813,501,851
	67,277,281,715	182,620,000	67,459,901,715
Beginning balance			
Loans	11,634,749,908	-	11,634,749,908
Trade payables	6,279,001,951	-	6,279,001,951
Other payables and accrued expenses	2,059,336,741	151,610,000	2,210,946,741
	19,973,088,600	151,610,000	20,124,698,600

The Company assessed the concentration of risk with respect to refinancing its debt and concluded it to be low. Access to sources of funding is sufficiently available and debt maturing within 12 months can be rolled over with existing lenders.

Collateral

The Company has pledged part of its cash equivalents, short-term investments, building and structure, means of transportation, and land use rights in order to fulfil the collateral requirements for the short-term loans obtained from commercial banks (Note 11). The banks have an obligation to return these collaterals to the Company. There are no other significant terms and conditions associated with the use of collateral.

The Company did not hold any collateral from third parties at 31 December 2012 and 31 December 2011.

23. FINANCIAL ASSETS AND FINANCIAL LIABILITIES

Set out below is a comparison by class of the carrying amounts and fair value of the Company's financial instruments that are carried in the financial statements

	Carrying amount		Fair value		VND
	Ending balance	Beginning balance	Ending balance	Beginning balance	
Financial assets					
Short-term deposits	47,900,000,000	-	47,900,000,000	-	-
Trade receivables	20,675,506,279	14,889,596,262	20,675,506,279	14,889,596,262	14,889,596,262
Other receivables	445,654,023	840,963,295	445,654,023	840,963,295	840,963,295
Other non-current financial asset	270,000,000	117,000,000	270,000,000	117,000,000	117,000,000
Cash and cash equivalents	34,976,093,331	39,610,796,496	34,976,093,331	39,610,796,496	39,610,796,496
TOTAL	104,267,253,633	55,458,356,053	104,267,253,633	55,458,356,053	
	Carrying amount		Fair value		VND
	Ending balance	Beginning balance	Ending balance	Beginning balance	
Financial liabilities					
Loans	53,732,904,022	11,634,749,908	53,732,904,022	11,634,749,908	11,634,749,908
Trade payables	9,913,495,842	6,279,001,951	9,913,495,842	6,279,001,951	6,279,001,951
Other liabilities	3,813,501,851	2,210,946,741	3,813,501,851	2,210,946,741	2,210,946,741
TOTAL	67,459,901,715	20,124,698,600	67,459,901,715	20,124,698,600	

The fair value of the financial assets and liabilities are included at the amount at which the instrument could be exchanged in a current transaction between willing parties, other than in a forced or liquidation sale. Cash and short-term deposits, trade receivables, trade payables and other current liabilities approximate their carrying amounts largely due to the short-term maturities of these instruments.

24. EVENTS AFTER THE BALANCE SHEET DATE

There have been no significant events occurring after the balance sheet date which would require adjustments or disclosures to be made in the financial statements.

25. RECLASSIFICATION OF CORRESPONDING FIGURES

Certain corresponding figures on the balance sheet have been reclassified to reflect the presentation of the current year's financial statements.

			VND
	<i>Beginning balance (previously presented)</i>	<i>Reclassification</i>	<i>Beginning balance (reclassified)</i>
Balance sheet			
Other long-term liabilities	151,610,000	1,948,637,500	2,100,247,500
Provision for severance allowance	1,948,637,500	(1,948,637,500)	-

As at 31 December 2011, the accrual for severance pay following Article 42 of the Labour code is presented under the same caption in the balance sheet with provision for retrenchment allowance. Starting from 2012, the balance of provision for retrenchment allowance at the year-end should be nil following the guidance in Circular 180. Therefore, the accrual for severance pay is reclassified to Other long-term liabilities to suit current year presentation.



Tran Nguyen Viet Trung
Preparer

25 March 2013



Bui Phuong Thao
Chief Accountant




Le Hong Thang
General Director

Đồ chơi bằng gỗ



Kích thích trí tưởng tượng, tư duy logic

Thông minh, sáng tạo

Vừa học, vừa chơi



NGUỒN DINH DƯỠNG CỦA TRÍ TUỆ

www.winwintoys.com





Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành

21/6D Phan Huy Ích, P.14, Q.Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 08. 3589 4287

• Fax: 08. 3589 4288

www.dtwoodvn.com

• www.goducthanh.com

• www.winwintoys.com

*Thông tin chi tiết của Báo cáo thường niên này xin xem tại các trang web trên.
Bản quyền của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành.*